BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4

(Theo Quyết định số 1908/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 7 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SÁCH GIÁO KHOA ĐƯỢC THẨM ĐỊNH
BỞI HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA CẤP TIỂU HỌC

(Theo Quyết định số 466/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 3 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

sach-giao-khoa.com

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỲ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử)
NGUYỄN THỊ THU THUỶ (Chủ biên phần Lịch sử)
ĐÀO THỊ HỒNG – LÊ THỊ THU HƯƠNG

ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên phần Địa lí)
TRẦN THỊ HÀ GIANG (Chủ biên phần Địa lí)
ĐẶNG TIÊN DUNG – ĐOÀN THỊ THANH PHƯƠNG

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4

(Tái bản lần thứ ba, có chỉnh lí, bổ sung)

sách-giáo-khoa.com
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi hoạt động học tập trong sách **Lịch sử và Địa lí 4** đều được chỉ dẫn bằng một kí hiệu nhất định. Thầy, cô giáo sẽ hướng dẫn các em học theo các chỉ dẫn này. Các em cũng có thể làm theo các chỉ dẫn để tự học.

MỤC TIÊU BÀI HỌC

Nhấn mạnh những yêu cầu học sinh cần đạt được sau khi học xong bài học.

KHỞI ĐỘNG

Xác định nhiệm vụ học tập của học sinh; nêu vấn đề kích thích tư duy, tạo hứng thú để dẫn vào bài mới.

KHÁM PHÁ

Thông qua nội dung (kênh chữ, kênh hình) và các hoạt động, giúp học sinh hình thành tri thức, kĩ năng mới.

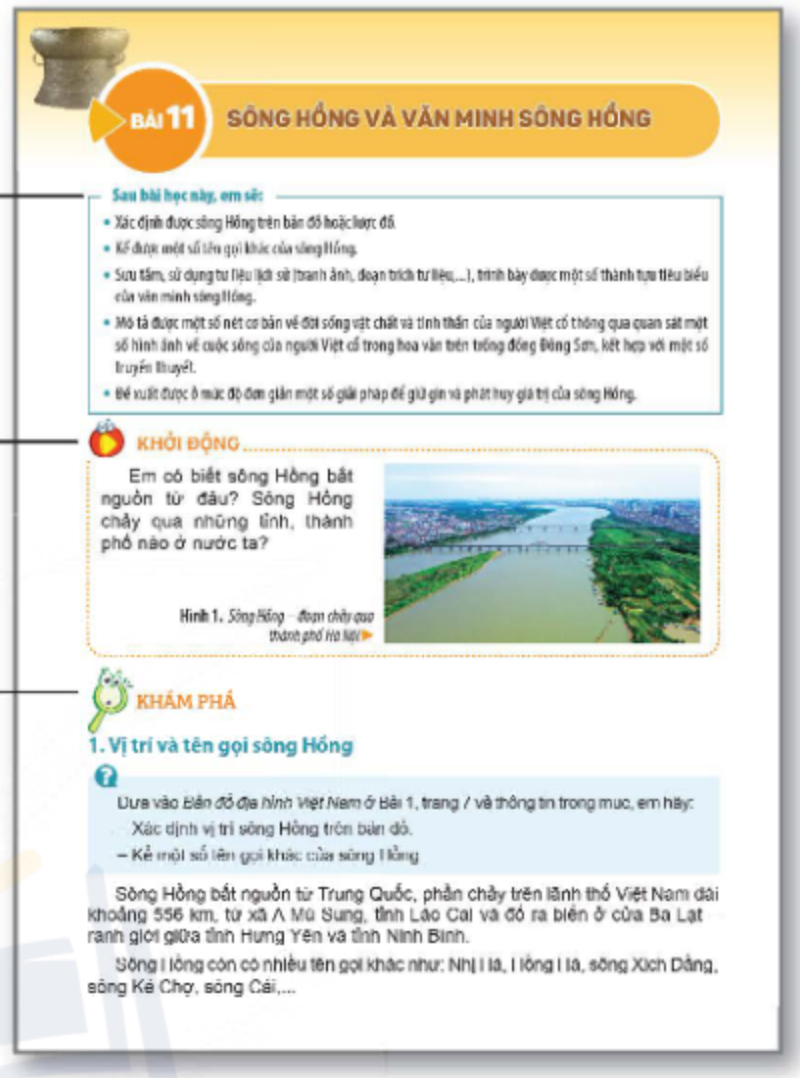
Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung của bài.

LUYỆN TẬP

Củng cố tri thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa được học.

VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.


BÀI 11 SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Sau bài học này, em sẽ:
- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

KHỞI ĐỘNG

Em có biết sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Sông Hồng chảy qua những tỉnh, thành phố nào ở nước ta?

Hình 1. Sông Hồng – đoạn chảy qua thành phố Hà Nội

KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi sông Hồng

Dựa vào Bản đồ địa hình Việt Nam ở Bài 1, trang 7 và thông tin trong mục, em hãy:
– Xác định vị trí sông Hồng trên bản đồ.
– Kể một số tên gọi khác của sông Hồng.

Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài khoảng 556 km, từ xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai và đổ ra biển ở cửa Ba Lạt ranh giới giữa tỉnh Hưng Yên và tỉnh Ninh Bình.

Sông Hồng còn có nhiều tên gọi khác như: Nhị Hà, Hồng Hà, sông Xích Đằng, sông Kẻ Chợ, sông Cái,...


Em có biết?

Ruộng bậc thang Mù Cang Chải, Sa Pa (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Tuyên Quang), đã được công nhận là danh thắng quốc gia và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.

Hình 4. Ruộng bậc thang Mù Cang Chải (tỉnh Lào Cai)


LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng sau vào vở.

ĐẶC ĐIỂM, ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT

Thành phần tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng cho các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Ở lớp 1, 2, 3, các em đã được trang bị những kiến thức cơ bản về thế giới tự nhiên và cuộc sống xung quanh trong môn Tự nhiên và Xã hội. Lên lớp 4, môn Lịch sử và Địa lí sẽ giúp các em tìm hiểu, khám phá những tri thức về địa lí, lịch sử ở địa phương em và các vùng, miền của đất nước Việt Nam.

Mỗi bài học trong sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 4** sẽ giúp các em tìm hiểu về thiên nhiên, con người, hoạt động sản xuất; những nét lịch sử – văn hoá nổi bật ở các vùng của đất nước Việt Nam.

Các em hãy hoạt động, tương tác với thầy, cô giáo và các bạn để cùng trải nghiệm, khám phá được nhiều điều thú vị, bổ ích về địa lí, lịch sử đất nước chúng ta trong cuốn sách này nhé!

Chúc các em học tập đạt kết quả tốt!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH 2

LỜI NÓI ĐẦU 3

MỞ ĐẦU 6

Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí 6

CHỦ ĐỀ 1. ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ) 12

Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em 12

Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương em 16

CHỦ ĐỀ 2. TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC 18

Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi phía Bắc 18

Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc 24

Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc 28

Bài 7. Đền Hùng và lễ giỗ Tổ Hùng Vương 32

CHỦ ĐỀ 3. ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ 36

Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ 36

Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ 41

Bài 10. Một số nét văn hoá ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ 46

Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng 50

Bài 12. Thăng Long – Hà Nội 54

Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám 59

Bài 14. Ôn tập 63

CHỦ ĐỀ 4. BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ **65**

Bài 15. Thiên nhiên vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 65

Bài 16. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 72

Bài 17. Một số nét văn hoá ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 78

Bài 18. Truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ 84

Bài 19. Cố đô Huế 88

Bài 20. Phố cổ Hội An 92

Bài 21. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên 96

CHỦ ĐỀ 5. NAM BỘ **99**

Bài 22. Thiên nhiên vùng Nam Bộ 99

Bài 23. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ 103

Bài 24. Một số nét văn hoá và truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ 107

Bài 25. Thành phố Hồ Chí Minh 111

Bài 26. Địa đạo Củ Chi 117

Bài 27. Ôn tập 120

Giải thích khái niệm, thuật ngữ **121**



MỞ ĐẦU

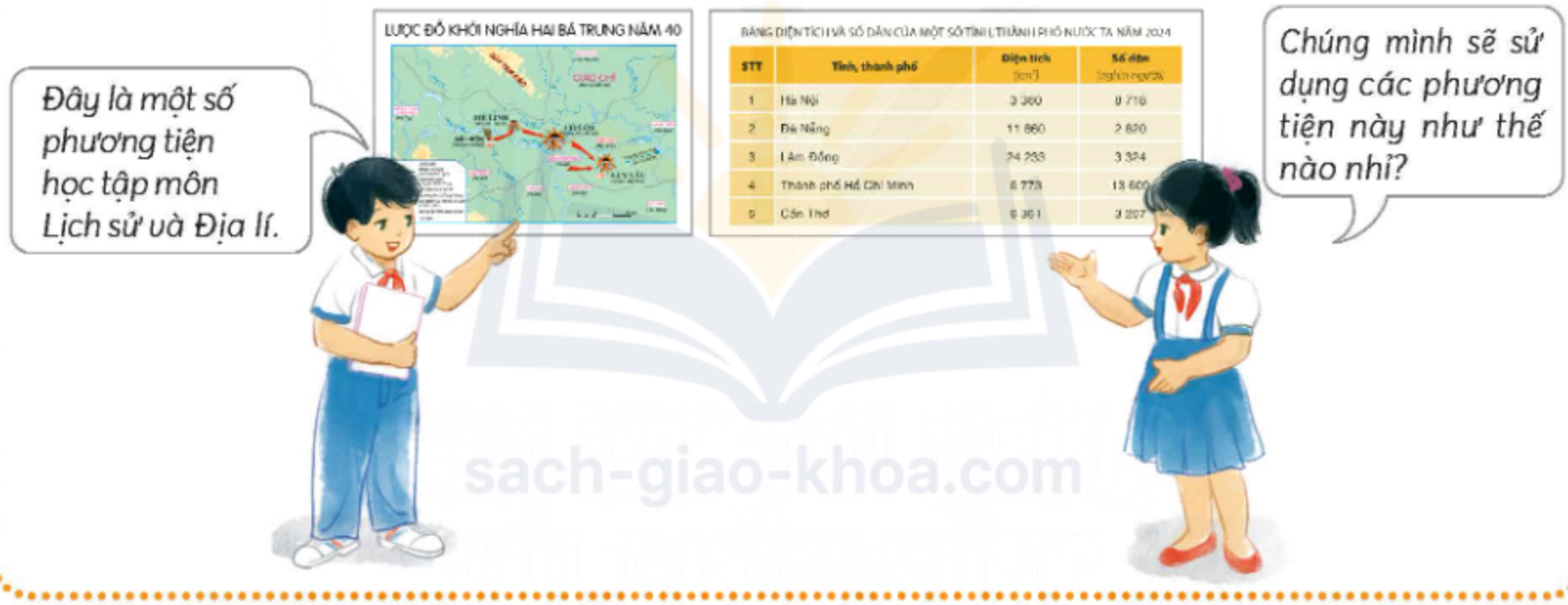
BÀI 1 LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số phương tiện hỗ trợ học tập môn Lịch sử và Địa lí: bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh, hiện vật, nguồn tư liệu,...
- Sử dụng được một số phương tiện môn học vào học tập môn Lịch sử và Địa lí.

KHỞI ĐỘNG

Hai bạn trong hình đang trao đổi về nội dung gì? Hãy kể tên một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí mà em biết.



KHÁM PHÁ

1. Bản đồ, lược đồ

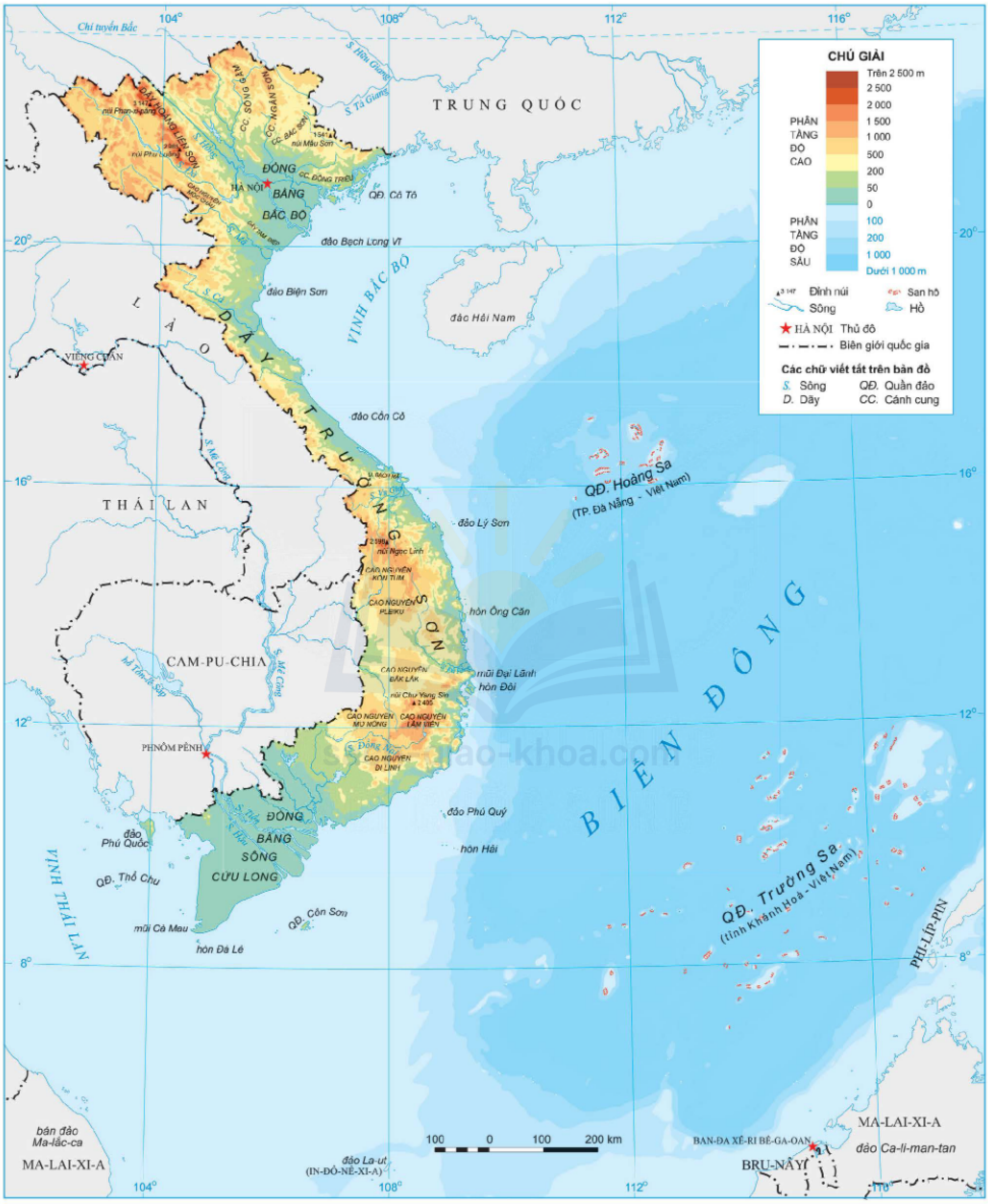
Quan sát các hình 1, 2, em hãy:

– Đọc tên bản đồ, lược đồ và cho biết những đối tượng được thể hiện trong bảng chú giải.

– Chỉ một nơi có độ cao trên 1 500 m ở hình 1.

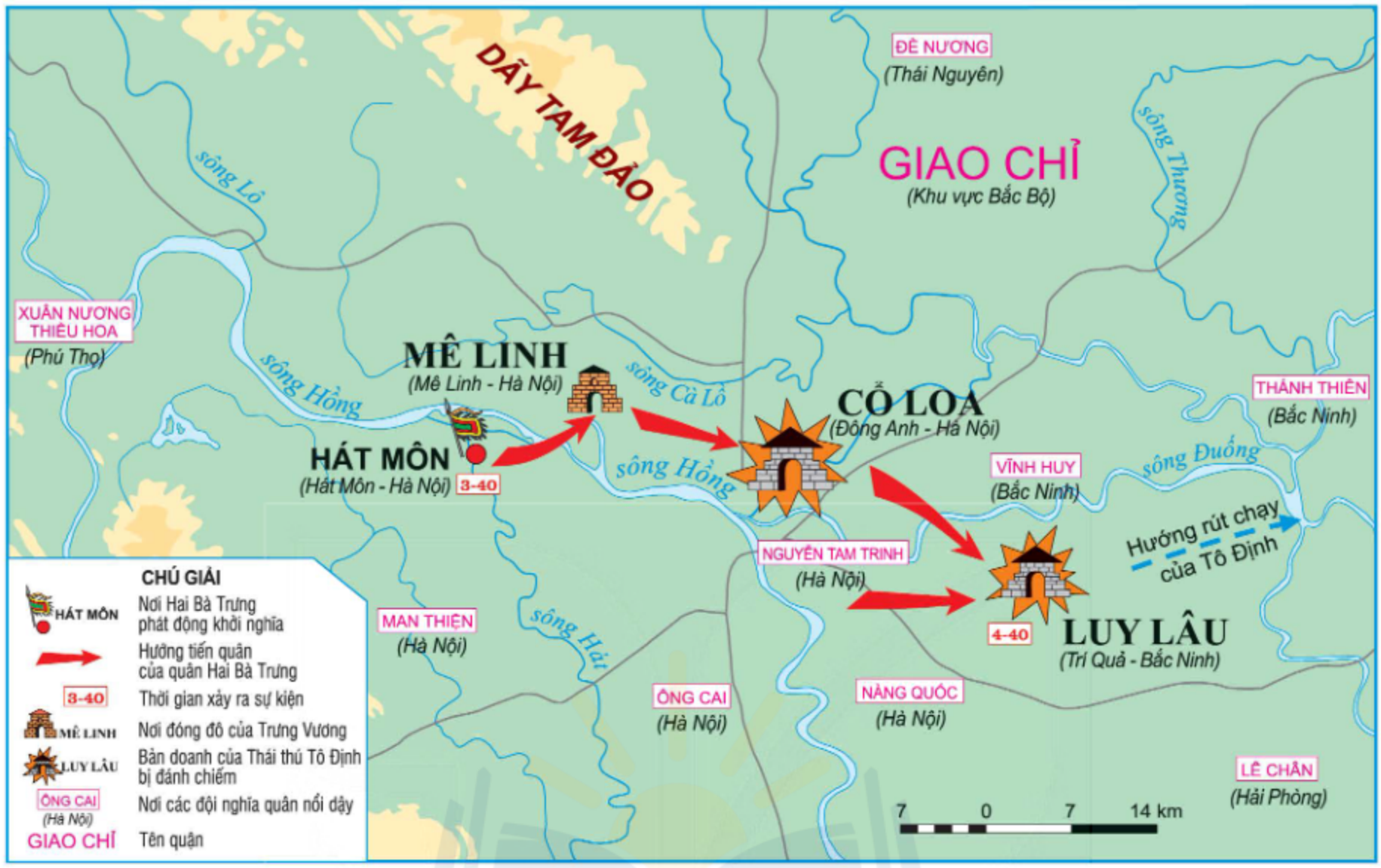
– Chỉ hướng tiến quân của quân Hai Bà Trưng ở hình 2.

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.



▲ **Hình 1.** *Bản đồ địa hình Việt Nam*

Lược đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực theo một tỉ lệ nhất định, có nội dung giản lược hơn bản đồ.



▲ **Hình 2.** *Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng năm 40*

Các bước sử dụng bản đồ, lược đồ:

Bước 1 Đọc tên bản đồ, lược đồ để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.

Bước 2 Xem chú giải để biết kí hiệu của các đối tượng lịch sử hoặc địa lí.

Bước 3 Tìm đối tượng lịch sử hoặc địa lí dựa vào kí hiệu.

▲ **Hình 3.** *Sơ đồ các bước sử dụng bản đồ, lược đồ*

2. Bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian

1. Em hãy đọc bảng diện tích và số dân của một số tỉnh, thành phố nước ta năm 2024.
2. Quan sát hình 4, em hãy cho biết tỉnh hoặc thành phố có diện tích lớn nhất.
3. Quan sát hình 5, em hãy giới thiệu các mốc thời gian gắn liền với sự kiện lịch sử tương ứng của Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975.

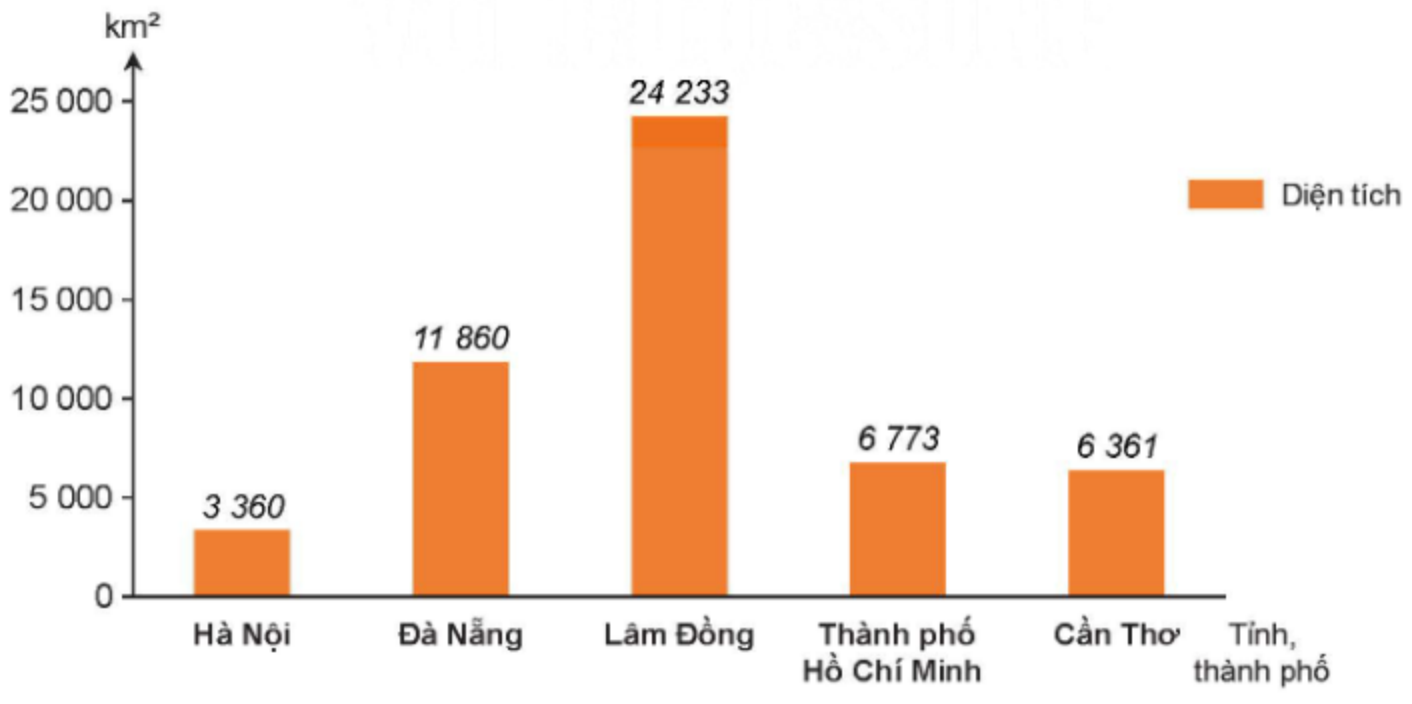
Bảng số liệu là tập hợp các số liệu về các đối tượng được sắp xếp một cách khoa học.

BẢNG DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA MỘT SỐ TỈNH, THÀNH PHỐ NƯỚC TA NĂM 2024

STT	Tỉnh, thành phố	Diện tích (km^2)	Số dân (nghìn người)
1	Hà Nội	3 360	8 718
2	Đà Nẵng	11 860	2 820
3	Lâm Đồng	24 233	3 324
4	Thành phố Hồ Chí Minh	6 773	13 609
5	Cần Thơ	6 361	3 207

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, Cục Thống kê năm 2025)

Biểu đồ là hình vẽ thể hiện trực quan các số liệu.



▲ **Hình 4.** *Biểu đồ diện tích của một số tỉnh, thành phố nước ta năm 2024*

Trục thời gian là một đường thẳng thể hiện chuỗi các sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian.



▲ **Hình 5.** *Trục thời gian thể hiện một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đến năm 1975*

Các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian:

Bước 1 Đọc tên bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian để biết phương tiện thể hiện nội dung gì.

Bước 2 Đọc nội dung các cột, hàng của bảng số liệu; chú giải của biểu đồ hoặc các sự kiện trên trục thời gian để biết sự sắp xếp thông tin của các đối tượng.

Bước 3 Tìm các số liệu trong bảng hoặc mô tả nội dung cụ thể của biểu đồ, trục thời gian theo yêu cầu của bài học.

▲ **Hình 6.** *Sơ đồ các bước sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, trục thời gian*

3. Hiện vật, tranh ảnh

Quan sát các hình 7, 8, em hãy:
– Mô tả mũi tên đồng Cổ Loa.
– Mô tả bức ảnh cánh đồng Phong Nậm.

Hiện vật lịch sử là những di tích, đồ vật,... trong quá khứ của con người còn được lưu giữ đến ngày nay.



▲ **Hình 7.** *Mũi tên đồng Cổ Loa*

Tranh ảnh lịch sử, địa lí là những hình ảnh được vẽ hoặc chụp về các nhân vật, địa điểm, hiện vật, sự kiện lịch sử, đối tượng địa lí gắn với không gian cụ thể,...



▲ **Hình 8.** *Cánh đồng Phong Nậm (tỉnh Cao Bằng)*

Các bước sử dụng hiện vật, tranh ảnh:

Bước 1 Đọc tên hiện vật, tranh ảnh.

Bước 2 Quan sát và mô tả những đối tượng lịch sử hoặc địa lí được giới thiệu thông qua hiện vật, tranh ảnh.

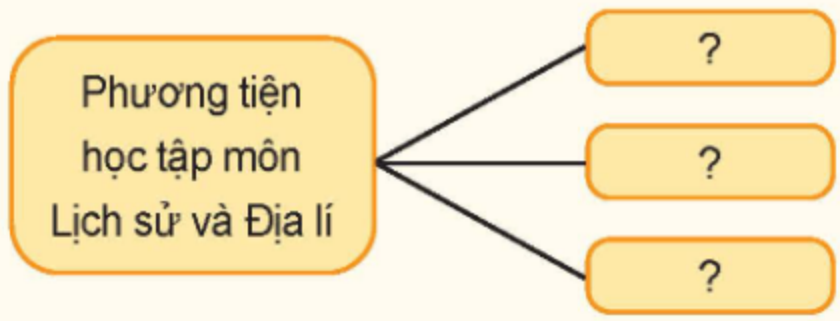
Bước 3 Nhận xét về các đối tượng lịch sử hoặc địa lí theo yêu cầu bài học.

tailieu.vn
soạn giáo-khoa.com

▲ **Hình 9.** *Sơ đồ các bước sử dụng hiện vật, tranh ảnh*

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí (theo gợi ý ở hình bên).



2. Tìm trong sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 4* ví dụ về các phương tiện học tập môn học: bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, trục thời gian,... (mỗi phương tiện lấy hai ví dụ).

VẬN DỤNG

Hãy cùng bạn thực hành sử dụng một phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí.



Chủ đề 1
ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ)

BÀI 2 THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của địa phương trên bản đồ Việt Nam.
- Mô tả được một số nét chính về tự nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu,...) của địa phương có sử dụng lược đồ hoặc bản đồ.
- Trình bày được một số hoạt động kinh tế ở địa phương.
- Thể hiện được tình cảm với địa phương và sẵn sàng hành động bảo vệ môi trường xung quanh.

KHỞI ĐỘNG

"Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa"

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*, in trong *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi*, tập 3, NXB Văn học, 1997)

Đoạn thơ trên giúp em liên tưởng đến những cảnh đẹp thiên nhiên nào ở địa phương em?

KHÁM PHÁ

1. Chuẩn bị

Để học tập và tìm hiểu về địa lí địa phương, các em cần chuẩn bị:

– *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4*.

– Tìm hiểu các thông tin, tài liệu về tự nhiên, các hoạt động kinh tế của địa phương (từ sách, báo, internet,...).

2. Nội dung tìm hiểu

Dựa vào *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4*, hình 1 và hiểu biết của bản thân, em hãy tìm hiểu về thiên nhiên và con người ở địa phương em theo gợi ý sau:

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

1. Vị trí địa lí

– Xác định vị trí địa lí địa phương em (tỉnh hoặc thành phố) trên bản đồ hành chính Việt Nam

– Các tỉnh, thành phố tiếp giáp

– Biển, quốc gia tiếp giáp (nếu có)



2. Tự nhiên

– Đặc điểm địa hình: độ cao, các dạng địa hình chính,...

– Đặc điểm khí hậu: nhiệt độ trung bình năm, lượng mưa trung bình năm, các mùa trong năm,...

– Đặc điểm sông, hồ: số lượng, tên các sông, hồ lớn,...

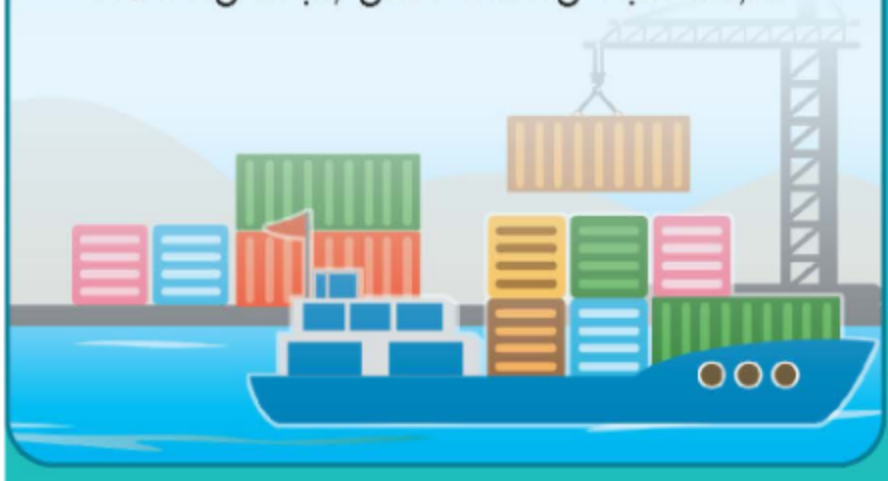


3. Kinh tế

– Hoạt động nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi, khai thác gỗ, trồng và bảo vệ rừng, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản,...

– Hoạt động công nghiệp: khai thác khoáng sản, sản xuất điện, chế biến lương thực, dệt may,...

– Hoạt động dịch vụ: du lịch, thương mại, giao thông vận tải,...



4. Bảo vệ môi trường

– Hiện trạng môi trường: đất, nước, không khí,...

– Hành động bảo vệ môi trường của bản thân và gia đình



sách giáo khoa.com



▲ **Hình 1.** *Bản đồ hành chính Việt Nam năm 2025*

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thông tin dưới đây vào vở:

A	B
Tên các tỉnh/thành phố tiếp giáp với địa phương em	?
Các mùa trong năm của địa phương em	?
Tên một số hoạt động kinh tế nổi bật ở địa phương em	?
Tên một số địa điểm du lịch nổi tiếng của địa phương em	?
Tên một số tuyến đường giao thông ở địa phương em	?

VẬN DỤNG

Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một địa danh nổi tiếng ở địa phương em.

sách-giáo-khoa.com



▲ **Hình 2.** *Đoạn sông Hậu chảy qua thành phố Cần Thơ*



BÀI 3 LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG EM

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét về văn hoá của địa phương.
- Lựa chọn và giới thiệu được ở mức độ đơn giản một món ăn, một loại trang phục hoặc một lễ hội tiêu biểu,... ở địa phương.
- Kể được câu chuyện về một trong số các danh nhân ở địa phương.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình ảnh bên và chia sẻ những thông tin mà em biết liên quan đến hình ảnh đó.

Hãy giới thiệu một số phong tục tương tự ở địa phương em.



Phong tục gói bánh chưng ngày tết Nguyên đán

KHÁM PHÁ

1. Văn hoá truyền thống

Đọc thông tin và dựa vào *Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4*, em hãy:

– Kể tên một số phong tục, tập quán, nhà ở, lễ hội và món ăn ở địa phương em.

– Giới thiệu với bạn về một loại trang phục, một món ăn hoặc một lễ hội tiêu biểu ở địa phương em.

– *Gợi ý giới thiệu về trang phục:*

+ Tên trang phục

+ Một số điểm nổi bật của trang phục

+ Chia sẻ cảm nghĩ của em về trang phục

...

sach-giao-khoa.com

– *Gợi ý giới thiệu về món ăn:*

+ Tên món ăn

+ Nguyên liệu chính

+ Cách làm món ăn

...

– *Gợi ý giới thiệu về lễ hội:*

+ Tên lễ hội

+ Thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội

+ Mục đích của lễ hội

+ Một số hoạt động chính trong lễ hội

...

2. Tìm hiểu và kể chuyện về danh nhân

Kể lại câu chuyện về một danh nhân ở địa phương (theo gợi ý dưới đây):

– Tên danh nhân.

– Danh nhân đó gắn với câu chuyện nào? Kể tóm tắt nội dung câu chuyện.

– Em học được điều gì từ danh nhân đó?

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây) về một số nét văn hoá truyền thống tiêu biểu của địa phương em.

STT	Lĩnh vực	Tên gọi	Mô tả
1	Lễ hội	?	?
2	Món ăn	?	?
3	Phong tục, tập quán	?	?
...	?	?	?

2. Giới thiệu về một lễ hội hoặc một danh nhân tiêu biểu ở địa phương em.

VẬN DỤNG

Lập kế hoạch cho buổi tham quan tìm hiểu về một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương em (theo gợi ý dưới đây):

– Tên di tích.

– Mục đích tham quan.

– Thời gian dự kiến.

– Chuẩn bị.

– Các bước thực hiện.



Chủ đề 2
TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

BÀI 4
THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu,...) của vùng Trung du và miền núi phía Bắc trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi,...) của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình 1, em hãy cho biết đỉnh núi Phan-xi-păng nằm ở vùng nào của nước ta. Nêu những hiểu biết của em về vùng đất đó.



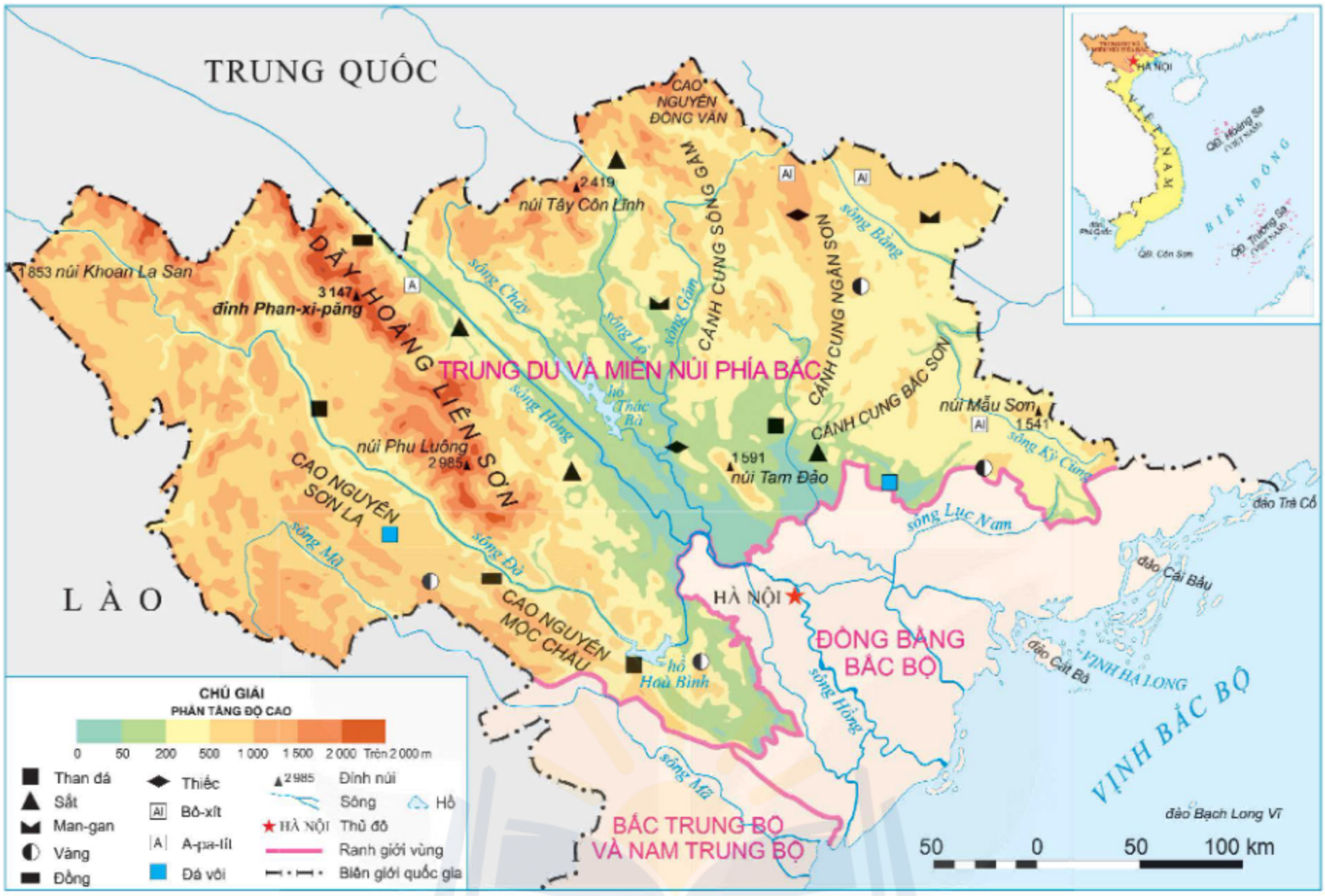
▲ **Hình 1.** *Đỉnh núi Phan-xi-păng (Fansipan)*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí của vùng Trung du và miền núi phía Bắc trên lược đồ.

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng lãnh thổ nằm ở phía bắc của đất nước. Đây là vùng duy nhất của nước ta không giáp biển.



▲ **Hình 2.** *Lược đồ địa hình và một số khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc*



▲ **Hình 3.** *Cột cờ Lũng Cú (tỉnh Tuyên Quang)*

Em có biết?

Cột cờ Lũng Cú được xây dựng trên đỉnh núi Rồng thuộc xã Lũng Cú, tỉnh Tuyên Quang; nằm ở địa đầu Tổ quốc. Trên đỉnh cột là Quốc kì Việt Nam rộng 54 m^2, tượng trưng cho 54 dân tộc của nước ta.

sach-giao-khoa.com

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 4, 5, em hãy:
- Xác định trên lược đồ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng và cao nguyên Mộc Châu.
- Mô tả đặc điểm chính của địa hình ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Em có biết?

Phan-xi-păng là đỉnh núi cao nhất Việt Nam, được mệnh danh là "nóc nhà Đông Dương". Trước đây, đỉnh núi được ghi nhận cao 3 143 m. Tuy nhiên, theo đo đạc mới nhất (năm 2019), độ cao của đỉnh núi là 3 147 m.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình chủ yếu là đồi núi. Tại đây có nhiều dãy núi lớn, trong đó Hoàng Liên Sơn là dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta, đỉnh cao nhất là Phan-xi-păng (3 147 m).

Trong vùng còn có một số cao nguyên và vùng đồi thấp. Các đồi có đặc điểm đỉnh tròn, sườn thoải, nằm ở nơi chuyển tiếp giữa vùng núi và đồng bằng, được gọi là vùng trung du.



▲ **Hình 4.** *Một phần dãy Hoàng Liên Sơn (tỉnh Lào Cai)*



▲ **Hình 5.** *Vùng trung du (tỉnh Phú Thọ)*

b) Khí hậu

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy nêu đặc điểm nổi bật của khí hậu vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước. Khí hậu của vùng cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi độ cao địa hình. Ở các vùng núi cao nhiệt độ hạ thấp, vào các tháng mùa đông đôi khi có tuyết rơi (đỉnh núi Phan-xi-păng – tỉnh Lào Cai, đỉnh núi Mẫu Sơn – tỉnh Lạng Sơn,...).



▲ **Hình 6.** *Tuyết rơi ở đỉnh núi Phan-xi-păng (tỉnh Lào Cai) vào mùa đông năm 2021*

c) Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát hình 2, 7, 8, em hãy:

– Xác định trên lược đồ các sông lớn ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

– Nêu đặc điểm chính của sông ngòi ở vùng.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều sông lớn như sông Hồng, sông Đà, sông Chảy, sông Lô, sông Gâm,... Các sông trong vùng nhiều thác ghềnh, có khả năng phát triển thuỷ điện.



▲ **Hình 7.** *Đoạn sông Đà chảy qua tỉnh Sơn La*



▲ **Hình 8.** *Đoạn sông Gâm chảy qua tỉnh Tuyên Quang*

d) Khoáng sản

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số khoáng sản chính ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Trung du và miền núi phía Bắc có tài nguyên khoáng sản phong phú bậc nhất nước ta. Các khoáng sản chính là sắt, a-pa-tít (apatite), đá vôi,…

Em có biết?

Loại đất chính của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là đất phe-ra-lít (feralit), thích hợp trồng nhiều loại cây ăn quả và cây công nghiệp.

3. Ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên đối với sản xuất và đời sống

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 9 đến 14, em hãy cho biết ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

sach-giao-khoa.com

Điều kiện tự nhiên của vùng Trung du và miền núi phía Bắc tạo thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; thuỷ điện; trồng và chế biến cây công nghiệp, cây ăn quả, dược liệu;… và du lịch.

Tuy nhiên, người dân trong vùng cũng gặp một số khó khăn trong sinh hoạt và sản xuất do địa hình bị chia cắt, thiên tai (lũ quét, sạt lở đất, sương muối, rét đậm, rét hại,...),...



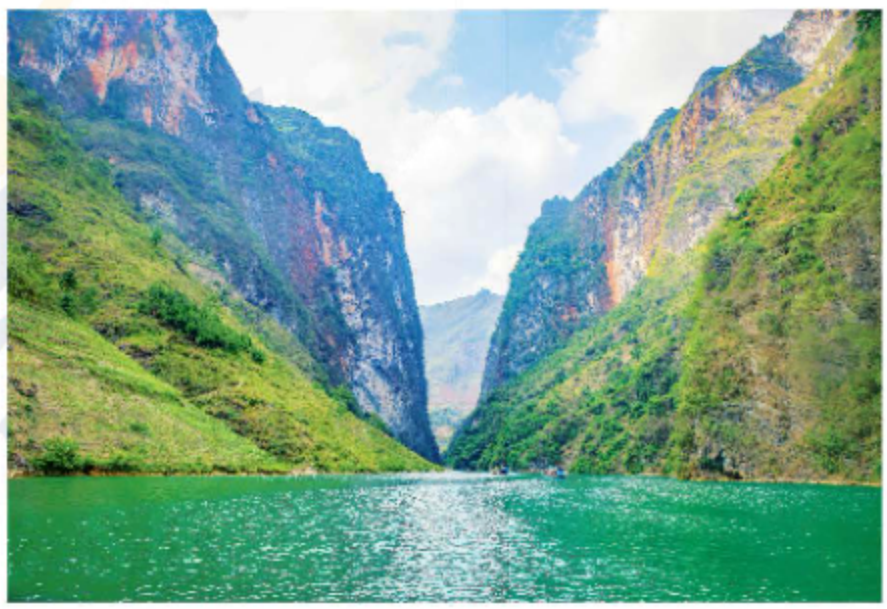
▲ **Hình 9.** *Khai thác quặng sắt (tỉnh Thái Nguyên)*



▲ **Hình 10.** *Đập thuỷ điện Sơn La trên sông Đà (tỉnh Sơn La)*



▲ **Hình 11.** *Thu hoạch chè (tỉnh Phú Thọ)*



▲ **Hình 12.** *Hẻm Tu Sản, sông Nho Quế (tỉnh Tuyên Quang)*



▲ **Hình 13.** *Lũ quét và sạt lở đất ở tỉnh Lai Châu năm 2018*

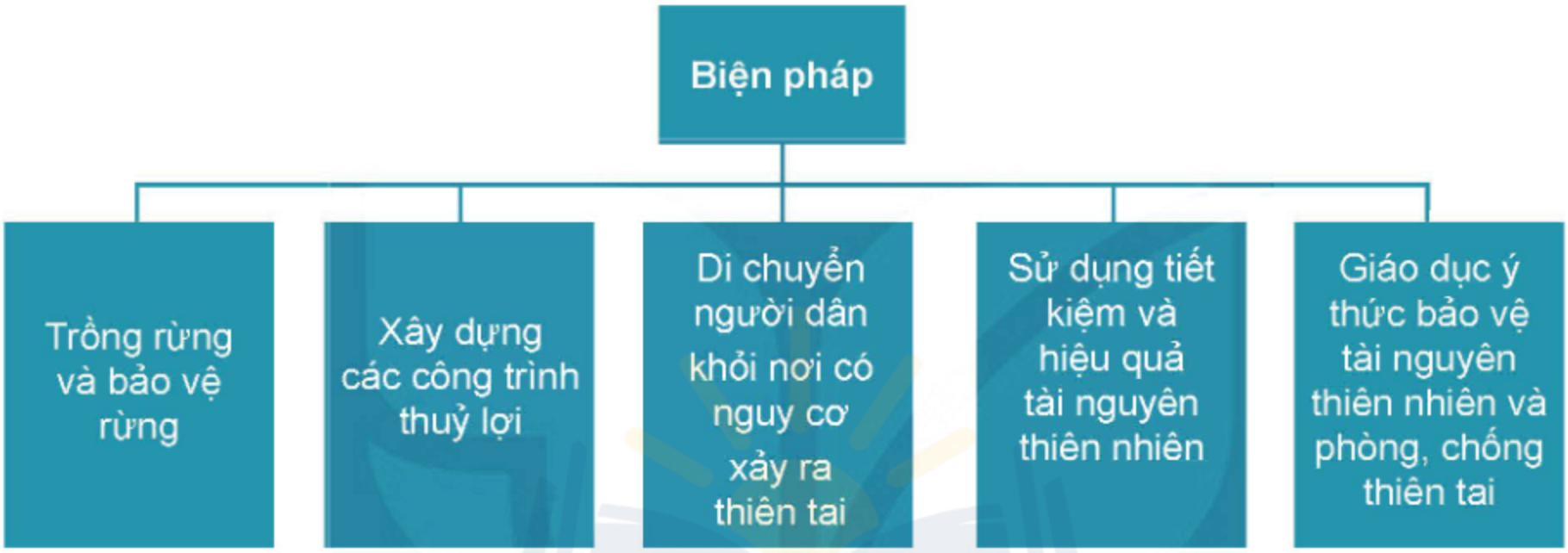


▲ **Hình 14.** *Băng giá ở tỉnh Lào Cai năm 2020*

4. Biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai

1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
2. Đọc thông tin và sơ đồ hình 15, em hãy nêu một số biện pháp góp phần bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.

Trung du và miền núi phía Bắc là vùng chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, gây thiệt hại về người và tài sản. Vì vậy, cần thực hiện các biện pháp để bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.



▲ **Hình 15.** *Sơ đồ một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc*

LUYỆN TẬP

Hãy cho biết trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai.

a) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc tiếp giáp với hai quốc gia là Lào và Cam-pu-chia (Cambodia).

b) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước.

c) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều sông lớn thuận lợi cho phát triển thuỷ điện.

d) Vùng Trung du và miền núi phía Bắc là nơi giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất cả nước.

VẬN DỤNG

Nếu đi leo núi Phan-xi-păng (tỉnh Lào Cai), em sẽ chọn đi vào mùa nào trong năm? Vì sao?

sach-giao-khoa.com



BÀI 5 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
- Nhận xét được một cách đơn giản về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc thông qua lược đồ phân bố dân cư.
- Kể được một số cách thức khai thác tự nhiên (ví dụ: làm ruộng bậc thang, xây dựng các công trình thuỷ điện, khai thác khoáng sản,...).

KHỞI ĐỘNG

Thiên nhiên của vùng Trung du và miền núi phía Bắc có nhiều nét đặc sắc, góp phần tạo nên sự khác biệt về đời sống và hoạt động sản xuất của người dân trong vùng.

Hãy nêu những hiểu biết của em về con người và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

KHÁM PHÁ

1. Dân cư

1. Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2. Đọc thông tin và quan sát hình 3, em hãy:

– Cho biết những tỉnh có mật độ dân số dưới 100 người/km².

– Cho biết những tỉnh có mật độ dân số trên 300 người/km².

– Nhận xét về sự phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có số dân gần 13 triệu người (năm 2024). Đây là nơi sinh sống của một số dân tộc như: Mường, Thái, Dao, Mông, Tày, Nùng, Kinh,... Mỗi dân tộc có tiếng nói, tập quán sinh hoạt và trang phục truyền thống riêng, tạo nên sự đa dạng về văn hoá của vùng.

sach-giao-khoa.com



▲ **Hình 1.** *Người Mông*



▲ **Hình 2.** *Người Tày*

Trung du và miền núi phía Bắc có diện tích rộng, ít dân. Dân cư trong vùng có sự phân bố khác nhau giữa các tỉnh, giữa khu vực miền núi và khu vực trung du.



▲ **Hình 3.** *Lược đồ mật độ dân số theo tỉnh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2024*

2. Một số cách thức khai thác tự nhiên

a) Làm ruộng bậc thang

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy cho biết vai trò của ruộng bậc thang đối với đời sống và sản xuất của người dân ở khu vực miền núi phía Bắc.

Để có thể trồng lúa nước trên đất dốc, người dân ở khu vực miền núi đã xẻ sườn núi thành những bậc phẳng, gọi là ruộng bậc thang.

Làm ruộng bậc thang không chỉ giúp người dân đảm bảo nguồn lương thực mà còn hạn chế tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Đồng thời, vẻ đẹp của các khu ruộng bậc thang đã thu hút nhiều du khách, góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch cho vùng.

Em có biết?

Ruộng bậc thang Mù Cang Chải, Sa Pa (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Tuyên Quang), đã được công nhận là danh thắng quốc gia và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.



Hình 4. *Ruộng bậc thang Mù Cang Chải (tỉnh Lào Cai)*

b) Xây dựng các công trình thuỷ điện

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy kể tên và xác định trên lược đồ một số nhà máy thuỷ điện ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Sông ngòi ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc có tiềm năng lớn để phát triển thuỷ điện. Nhiều nhà máy thuỷ điện đã được xây dựng, cung cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất, đồng thời giảm lũ cho vùng đồng bằng.



Hình 5. *Nhà máy thuỷ điện Thác Bà trên sông Chảy (tỉnh Lào Cai)*

c) Khai thác khoáng sản

Đọc thông tin và quan sát hình 6, em hãy:

– Xác định trên lược đồ một số mỏ khai thác khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

– Kể tên một số sản phẩm có nguồn gốc từ khoáng sản của vùng.

Khai thác khoáng sản là hoạt động kinh tế quan trọng của vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Khoáng sản khai thác được dùng làm nguyên liệu và nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp: các khoáng sản kim loại để sản xuất kim loại, a-pa-tít để sản xuất phân lân, đá vôi làm vật liệu xây dựng,... Khoáng sản được khai thác ở các mỏ, sau đó vận chuyển đến nhà máy để chế biến.



▲ **Hình 6.** *Lược đồ một số nhà máy thuỷ điện và mỏ khai thác khoáng sản ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc*

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số cách thức khai thác tự nhiên ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc (vai trò, phân bố).

VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một số dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc và chia sẻ với các bạn.



BÀI 6

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Sau bài học này, em sẽ:

Mô tả được một số nét văn hoá của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc (lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng, hát Then, múa Xoè Thái, chợ phiên vùng cao,...).

KHỞI ĐỘNG

Hình dưới đây giúp em biết điều gì về văn hoá của dân tộc Mông ở xã Pà Cò, tỉnh Phú Thọ? Hãy nêu hiểu biết của em về một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



▲ **Hình 1.** *Lễ hội Gầu Tào của dân tộc Mông ở xã Pà Cò (tỉnh Phú Thọ)*

KHÁM PHÁ

1. Lễ hội

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:
– Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.
– Mô tả một lễ hội mà em ấn tượng nhất.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc nổi tiếng với nhiều lễ hội như: lễ hội Gầu Tào, lễ hội Lồng Tồng,... Các lễ hội được tổ chức nhằm cầu cho mọi người có một năm khoẻ mạnh, nhiều may mắn, mùa màng bội thu,...

Lễ hội Gầu Tào là lễ hội truyền thống của người Mông, được tổ chức vào đầu năm, tại nơi bằng phẳng, rộng rãi.

Sau phần nghi lễ được tiến hành trang trọng là những hoạt động vui chơi như: múa khèn, ném pao, đi thăng bằng, đẩy gậy,...

Lễ hội Lồng Tồng (còn gọi là hội Xuống đồng) là lễ hội truyền thống của người Tày, Nùng,... được tổ chức trên những cánh đồng hoặc khu đất rộng. Cày ruộng là nghi thức quan trọng trong lễ hội, sau đó có các trò chơi dân gian như: tung còn, kéo co, đẩy gậy,...

Ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc còn có nhiều lễ hội nổi tiếng khác như: lễ hội Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ), lễ hội Hoa ban (tỉnh Điện Biên),...



▲ **Hình 2.** *Trò chơi ném pao trong lễ hội Gầu Tào ở xã Dào San (tỉnh Lai Châu)*



▲ **Hình 3.** *Nghi thức cày ruộng trong lễ hội Lồng Tồng ở xã Thượng Lâm (tỉnh Tuyên Quang)*

2. Hát múa dân gian

1. Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy giới thiệu nét cơ bản về hát Then, múa Xoè Thái của các dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2. Các loại hình nghệ thuật trên phản ánh điều gì?

Hát Then là một loại hình diễn xướng âm nhạc dân gian của các dân tộc Tày, Nùng, Thái, thường được tổ chức vào những dịp lễ quan trọng. Thông qua các làn điệu khác nhau của Then, người dân mong muốn những điều may mắn và cuộc sống tốt lành.



▲ **Hình 4.** *Hát Then trong lễ hội Lồng Tồng ở phường Lương Văn Tri (tỉnh Lạng Sơn)*

sach-giao-khoa.com

Em có biết?

Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái và Nghệ thuật Xoè Thái lần lượt được UNESCO (tên viết tắt của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc) ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại vào các năm 2019, 2021.

Xoè Thái là loại hình múa truyền thống đặc sắc của người Thái, được biểu diễn trong các dịp lễ, tết, ngày vui của gia đình, dòng họ, bản mường,... Những điệu xoè chứa đựng ước mơ, khát vọng và là niềm tự hào của người Thái.



▲ **Hình 5.** *Múa Xoè cộng đồng của người Thái ở phường Mộc Sơn (tỉnh Sơn La)*

3. Chợ phiên vùng cao

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy mô tả cảnh chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc thường họp vào những ngày nhất định.

Hàng hoá phần lớn là những sản phẩm của người dân địa phương, nhiều nhất là hàng thổ cẩm, công cụ sản xuất, một số món ăn đặc trưng như: thắng cố, cơm lam,...



▲ **Hình 6.** *Chợ phiên ở xã Đồng Văn (tỉnh Tuyên Quang)*

sach-giao-khoa.com



▲ **Hình 7.** *Khu vực bán gia súc ở chợ phiên Bắc Hà (tỉnh Lào Cai)*

Em có biết?

Chợ phiên Bắc Hà nổi tiếng ở vùng Tây Bắc, họp vào Chủ nhật hằng tuần. Là một chợ lớn ở vùng cao, còn giữ được nhiều nét truyền thống của chợ phiên miền núi nên chợ Bắc Hà được nhiều du khách trong và ngoài nước ghé thăm.

Chợ phiên vùng cao còn là nơi giao lưu và gặp gỡ của người dân sau những giờ lao động vất vả, nơi kết bạn của các nam nữ thanh niên.

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy (theo gợi ý dưới đây) thể hiện một số nét văn hoá nổi bật ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.



VẬN DỤNG

So sánh chợ phiên ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc với chợ nơi em sống hoặc nơi khác.



BÀI 7 ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của khu di tích Đền Hùng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Đọc được sơ đồ khu di tích, xác định được một số công trình kiến trúc chính trong quần thể di tích Đền Hùng.
- Sử dụng tư liệu lịch sử và văn hoá dân gian để trình bày những nét sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.
- Kể lại được một số truyền thuyết có liên quan đến Hùng Vương.
- Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

KHỞI ĐỘNG

Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mồng Mười tháng Ba.

Câu ca dao trên gợi cho em nhớ đến lễ hội nào ở nước ta? Hãy chia sẻ điều em biết về lễ hội này.

KHÁM PHÁ

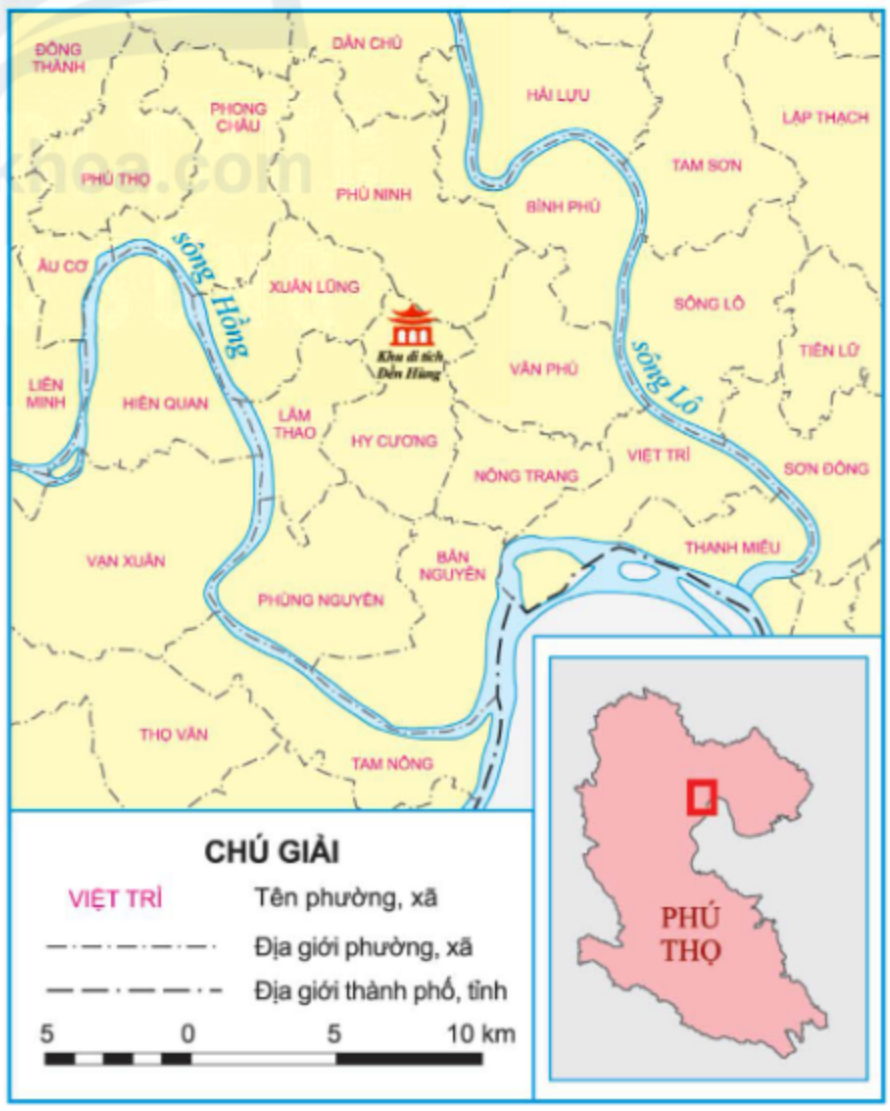
1. Khu di tích Đền Hùng

Đọc thông tin và quan sát các hình 1, 2, em hãy:

– Xác định vị trí của khu di tích Đền Hùng trên lược đồ hình 1.

– Kể tên và xác định vị trí một số công trình kiến trúc chính trong khu di tích Đền Hùng trên sơ đồ hình 2.

Khu di tích Đền Hùng chủ yếu thuộc xã Hy Cương, tỉnh Phú Thọ. Khu di tích gồm: Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng, lăng Vua Hùng, đền Quốc Tổ Lạc Long Quân, đền Tổ Mẫu Âu Cơ,...



▲ **Hình 1.** *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của khu di tích Đền Hùng*



▲ **Hình 2.** *Sơ đồ các di tích chính của khu di tích Đền Hùng*

2. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, em hãy giới thiệu sơ lược về lễ giỗ Tổ Hùng Vương và nêu ý nghĩa của lễ giỗ Tổ.

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương là ngày lễ lớn của dân tộc Việt Nam, được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba (âm lịch) hằng năm, nhằm tôn vinh công lao dựng nước của các Vua Hùng.

TƯ LIỆU. "Nay phụng mệnh theo Bộ Lễ, chuẩn định ngày Quốc tế tại miếu Tổ Hùng Vương là ngày mồng Mười tháng Ba".

(Bản dịch bia *Hùng miếu điển lệ*, bia dựng thời vua Khải Định, nhà Nguyễn)

Ngày nay, lễ giỗ Tổ Hùng Vương được Nhà nước tổ chức theo nghi lễ truyền thống. Nghi thức quan trọng nhất là lễ rước kiệu vua và lễ dâng hương. Đoàn rước kiệu lần lượt đi qua các đền để lên Đền Thượng. Tại đây, lễ dâng hương được tổ chức trang trọng, thể hiện đạo lí uống nước nhớ nguồn. Phần hội có các hoạt động như: thi gói bánh chưng, giã bánh giầy, Hát Xoan, đấu vật,...

sách-giáo-khoa.com



▲ **Hình 3.** *Nghi lễ rước kiệu*



▲ **Hình 4.** *Thi giã bánh giầy*

3. Truyền thuyết thời Hùng Vương

Đọc thông tin và các câu chuyện dưới đây, em hãy:

– Kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương.

– Kể lại một trong hai truyền thuyết theo cách của em.

Thời đại Hùng Vương có nhiều truyền thuyết được lưu truyền đến ngày nay như: *Con Rồng cháu Tiên*; *Bánh chưng, bánh giầy*; *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*;…

Câu chuyện Lịch sử

CON RỒNG CHÁU TIÊN

Ngày xưa, ở vùng đất Lạc Việt có vị thần là Lạc Long Quân thuộc nòi Rồng, sống dưới nước, đã kết duyên với nàng Âu Cơ xinh đẹp sống ở núi cao. Ít lâu sau, Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, nở ra một trăm người con hồng hào, khoẻ mạnh.

Một hôm, Lạc Long Quân nói với Âu Cơ rằng: "Ta là nòi Rồng sống dưới nước, nàng là giống Tiên sống ở non cao; nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương, có gì thì tương trợ lẫn nhau".



▲ **Hình 5.** *Lăng Hùng Vương trong khu di tích Đền Hùng*

Âu Cơ và trăm con nghe theo. Người con trưởng theo mẹ, được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (thuộc tỉnh Phú Thọ ngày nay), đặt tên nước là Văn Lang. Cũng bởi sự tích này mà về sau người Việt Nam thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, Ban nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản, 1956)

BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

Hùng Vương thứ sáu lúc về già muốn truyền ngôi, bèn gọi các con đến và truyền rằng: Ai tìm được lễ vật có ý nghĩa để lễ Tiên vương thì sẽ được truyền ngôi.

Các hoàng tử cho người lên rừng, xuống biển tìm của ngon vật lạ. Riêng Lang Liêu thì rất lo lắng vì chưa biết chuẩn bị lễ vật gì. Một đêm, chàng được thần báo mộng: "Trong Trời, Đất không có gì quý bằng hạt gạo, hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương".

Tỉnh dậy, Lang Liêu rất vui mừng. Chàng lấy gạo nếp thơm đem vo sạch, dùng đậu xanh, thịt lợn làm nhân, gói trong lá dong thành bánh hình vuông, tượng trưng cho Đất, gọi là bánh chưng; vẫn gạo ấy đồ thành xôi rồi giã nhuyễn, nặn thành bánh hình tròn, tượng trưng cho Trời, gọi là bánh giầy.

Đến ngày lễ, các hoàng tử mang sơn hào hải vị tiến dâng. Lễ vật của Lang Liêu chỉ có hai thứ bánh. Thấy lạ, vua hỏi và biết ý nghĩa của lễ vật nên chọn những thứ bánh ấy để tế Trời, Đất và Tiên vương. Vua cũng quyết định truyền ngôi cho Lang Liêu. Từ đó, dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để thờ cúng Trời, Đất, Tổ tiên.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2000)

LUYỆN TẬP

Kể lại một truyền thuyết có liên quan đến thời Hùng Vương mà em thích theo một trong các hình thức sau: đóng vai, kể chuyện bằng tranh,...

VẬN DỤNG

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương được tổ chức vào ngày 10 tháng Ba (âm lịch) hằng năm thể hiện truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc Việt Nam? Hãy chia sẻ cảm nghĩ của em về truyền thống đó.



Chủ đề 3
ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài 8 THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, sông ngòi,...) của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Trình bày được một số thuận lợi và khó khăn của địa hình, sông ngòi đối với sản xuất và đời sống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

KHỞI ĐỘNG

Hãy mô tả những điều em quan sát được về thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ qua hình 1.



▲ **Hình 1.** *Một góc vùng Đồng bằng Bắc Bộ*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Xác định vị trí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ trên bản đồ.

– Kể tên những vùng tiếp giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

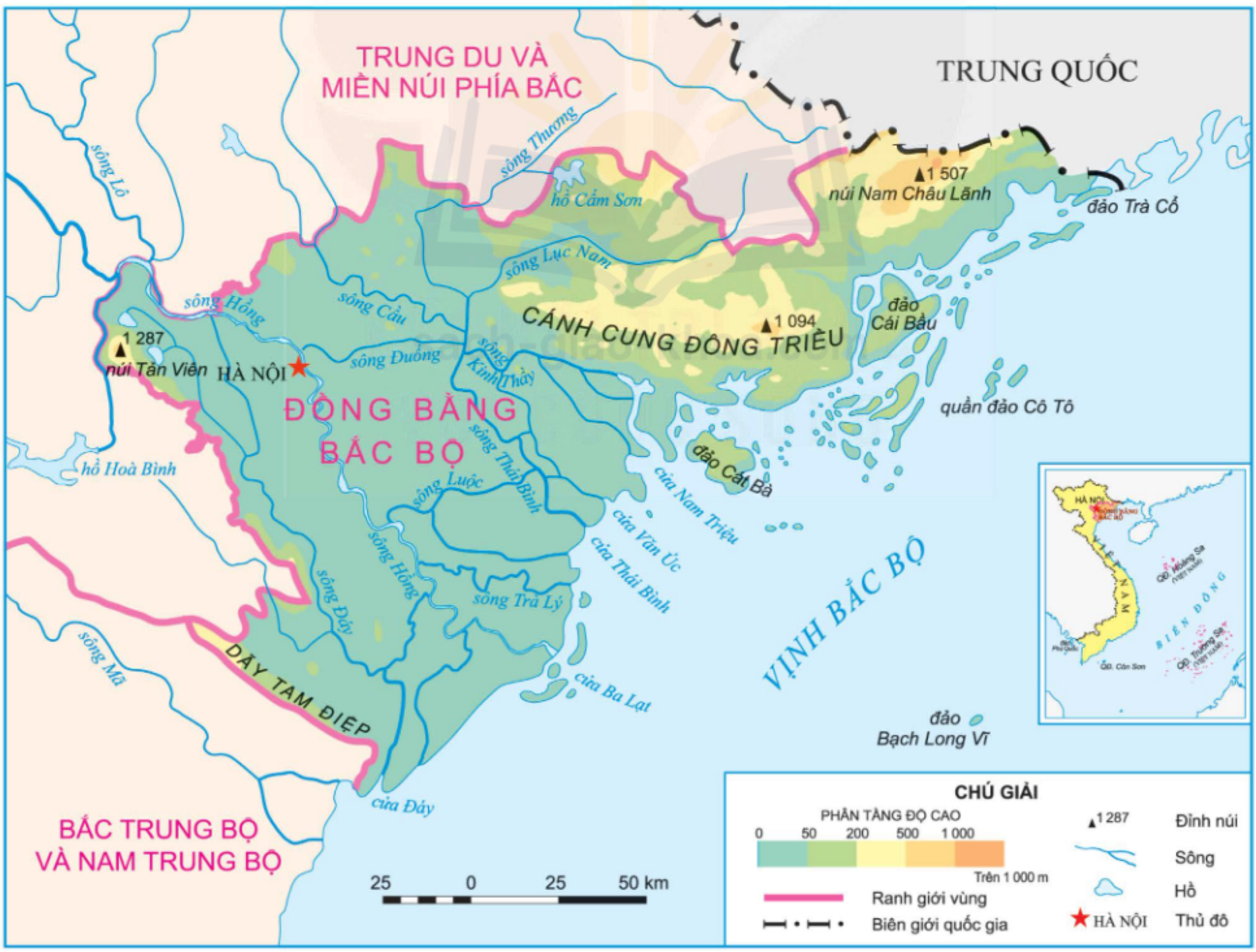
Vùng Đồng bằng Bắc Bộ tiếp giáp với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ và nước láng giềng Trung Quốc. Phía đông của vùng là vùng biển rộng lớn và giàu tiềm năng.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy nêu đặc điểm địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ phần lớn tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình dưới 25 m. Bên cạnh đó, vùng còn có địa hình đồi núi thấp, tập trung chủ yếu ở phía đông bắc.



▲ **Hình 2.** *Bản đồ địa hình vùng Đồng bằng Bắc Bộ*

b) Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy cho biết:

– Nhiệt độ và lượng mưa trung bình năm của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Các mùa trong năm của vùng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ trung bình năm trên 23°C. Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hạ nóng, mưa nhiều. Lượng mưa trung bình năm từ 1 500 mm đến 2 000 mm.

c) Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy kể tên và xác định trên bản đồ một số sông lớn ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



▲ **Hình 3.** *Đoạn sông Đáy chảy qua tỉnh Ninh Bình*

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình với nhiều nhánh là sông Đáy, sông Đuống, sông Luộc, sông Trà Lý, sông Lục Nam,... toả khắp vùng. Hệ thống sông cung cấp cho vùng lượng nước và phù sa lớn.

d) Đất và sinh vật

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, em hãy:

– Cho biết tên loại đất chính ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Nêu đặc điểm của sinh vật tự nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là đất phù sa màu mỡ. Khu vực đồi núi có đất phe-ra-lít và ven biển có đất phèn, đất mặn ít màu mỡ hơn.

Sinh vật tự nhiên của vùng rất phong phú nhưng chịu tác động mạnh mẽ bởi con người. Hiện nay, nhiều loài động, thực vật tự nhiên được bảo vệ trong các khu bảo tồn thiên nhiên (vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển,...).



▲ **Hình 4.** *Động, thực vật ở Vườn quốc gia Cát Bà (thành phố Hải Phòng)*



▲ **Hình 5.** *Rừng ngập mặn ở Vườn quốc gia Xuân Thuỷ (tỉnh Ninh Bình)*

3. Một số thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin, em hãy nêu những thuận lợi và khó khăn của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ có vị trí địa lí thuận lợi cho việc giao lưu, trao đổi hàng hoá với các vùng trong nước và thế giới. Địa hình của vùng bằng phẳng thuận lợi cho giao thông, sinh hoạt và sản xuất của người dân. Vùng có hệ thống sông ngòi dày đặc cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất, phát triển giao thông đường thuỷ. Vùng biển rộng với nhiều đảo, quần đảo tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế biển (đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển,...).

Tuy nhiên, vào mùa đông nhiệt độ của vùng xuống thấp, ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi và sức khoẻ của con người. Vào mùa hạ, thường có mưa lớn, bão, ngập lụt,... gây thiệt hại về người và tài sản.

4. Bảo vệ thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy cho biết một số biện pháp để bảo vệ thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Thiên nhiên ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ đang có một số vấn đề cần quan tâm là: đất bạc màu, nguồn nước và không khí ô nhiễm, sinh vật tự nhiên bị suy giảm,... Hiện nay, biến đổi khí hậu càng làm gia tăng những tác động tiêu cực tới thiên nhiên của vùng.

Để bảo vệ thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp. Một số biện pháp là: sử dụng phân bón hữu cơ, xử lí nước thải, phân loại rác và bỏ rác đúng nơi quy định, trồng cây, thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, giáo dục và tuyên truyền bảo vệ thiên nhiên,…



▲ **Hình 6.** *Phân loại rác thải và bỏ rác đúng nơi quy định*



▲ **Hình 7.** *Trồng rừng ngập mặn ven biển*

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM, ẢNH HƯỞNG CỦA TỰ NHIÊN
VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT

Yếu tố tự nhiên	Đặc điểm	Ảnh hưởng
Địa hình	?	?
Khí hậu	?	?
Sông ngòi	?	?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu và giới thiệu về một con sông ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Bài 9

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- Nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.
- Mô tả được một số hoạt động sản xuất truyền thống (trồng lúa nước, nghề thủ công,...) ở Đồng bằng Bắc Bộ; Mô tả được một hệ thống đê và nêu được vai trò của đê điều trong trị thuỷ.

KHỞI ĐỘNG

Những câu thơ sau giúp em liên tưởng đến hoạt động sản xuất nào ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

"Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy"

(Trần Đăng Khoa, *Hạt gạo làng ta*, in trong *Góc sân và khoảng trời*, NXB Kim Đồng, 2017)

sach-giao-khoa.com

KHÁM PHÁ

1. Dân cư

1. Đọc thông tin, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

2. Quan sát hình 2 và đọc thông tin, em hãy:

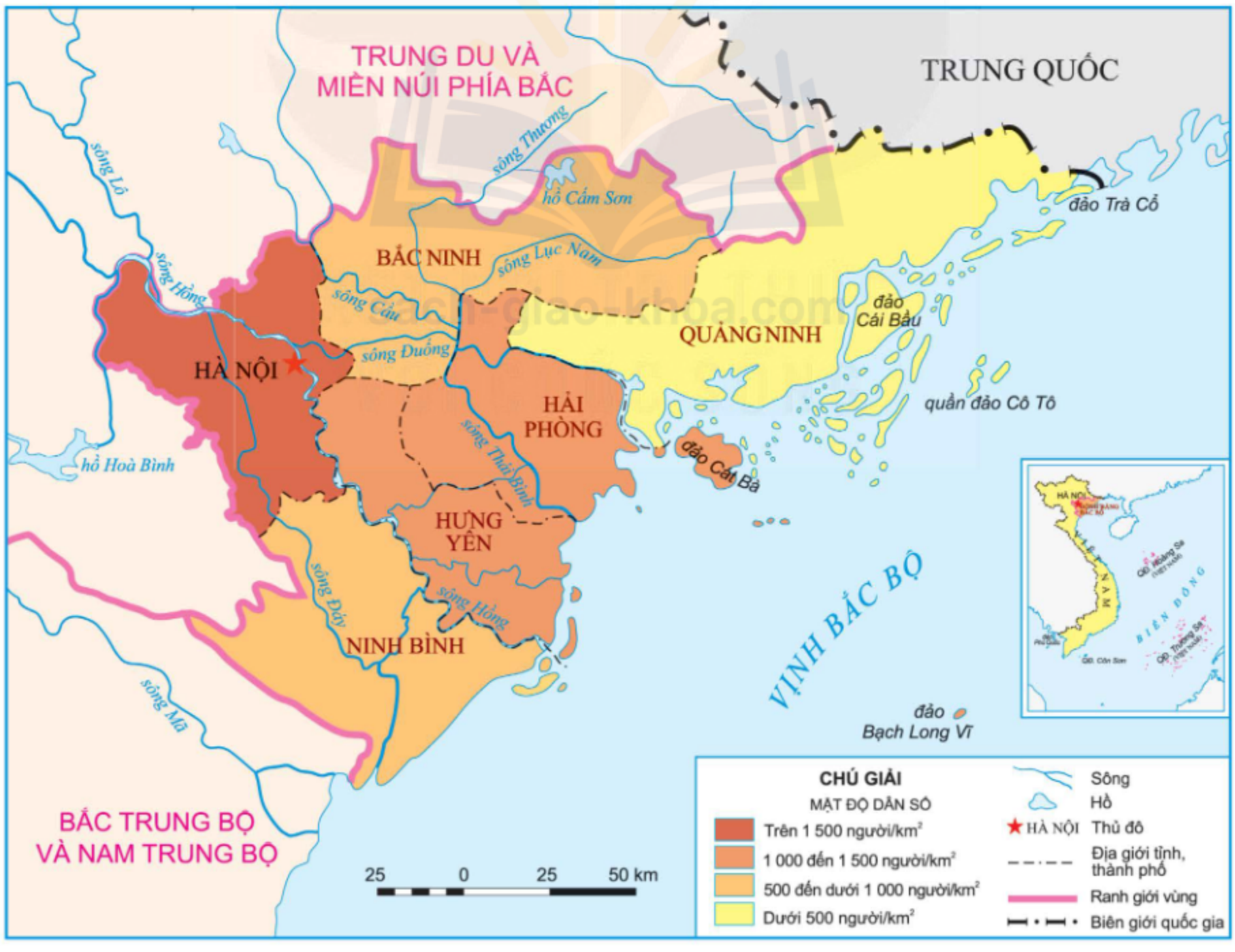
– Nhận xét sự phân bố dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Giải thích vì sao vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc nhất cả nước.

Đồng bằng Bắc Bộ là vùng đông dân, số dân của vùng là gần 25 triệu người (năm 2024). Do điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sinh sống, giao thông và sản xuất nên vùng có dân cư tập trung đông đúc nhất nước ta. Dân cư ở đây chủ yếu là người Kinh và một số dân tộc như Mường, Sán Dìu,...



▲ **Hình 1.** *Một khu vực dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ*



▲ **Hình 2.** *Bản đồ mật độ dân số theo tỉnh hoặc thành phố ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ năm 2024*

2. Một số hoạt động sản xuất truyền thống

a) Trồng lúa nước

1. Đọc thông tin, em hãy cho biết những điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động trồng lúa nước ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
2. Quan sát hình 3, em hãy kể tên một số công việc phải làm khi trồng lúa nước.

Trồng lúa nước là hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ do có đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân giàu kinh nghiệm sản xuất. Đây là vùng trồng lúa lớn thứ hai của nước ta.

Em có biết?

Ngoài trồng lúa nước, vùng Đồng bằng Bắc Bộ còn trồng nhiều loại rau màu, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản.



a) Làm đất



b) Cấy lúa



c) Chăm sóc lúa



d) Thu hoạch lúa

▲ **Hình 3.** *Một số công việc trong trồng lúa nước*

b) Nghề thủ công truyền thống

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy:

– Kể tên một số nghề thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Mô tả một số nghề thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều nghề thủ công truyền thống. Những nơi nghề thủ công phát triển mạnh đã tạo thành các làng nghề, chuyên làm một loại hàng thủ công như: làng Bát Tràng (thành phố Hà Nội) chuyên làm gốm, làng Đại Bái (tỉnh Bắc Ninh) chuyên đúc đồng, làng Văn Lâm (tỉnh Ninh Bình) chuyên thêu ren, làng Đồng Xâm (tỉnh Hưng Yên) chuyên chạm bạc,... Các sản phẩm thủ công truyền thống được sử dụng rộng rãi trong đời sống hằng ngày và xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.

Một sản phẩm thủ công truyền thống được tạo thành qua nhiều công đoạn khác nhau. Gốm, sứ là các sản phẩm thủ công truyền thống được tạo nên từ đất sét, trải qua quá trình phơi sấy, nung và tráng men. Đúc đồng là nghề đòi hỏi người thợ phải có tay nghề cao, khéo léo từ khâu tạo mẫu đến hoàn thiện sản phẩm.



a) Đồ gốm, sứ Bát Tràng



b) Đồ đồng Đại Bái

▲ **Hình 4.** *Một số sản phẩm thủ công ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ*

3. Hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy:

– Mô tả hệ thống đê sông Hồng.

– Nêu vai trò của hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Để ngăn lũ lụt và có thể trồng lúa nhiều vụ trong năm, người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ đã đắp đê dọc hai bên bờ sông và kè đê kiên cố.

Đê sông Hồng là hệ thống đê lớn nhất nước ta với chiều dài hơn 1 000 km. Đê được đắp bằng đất thành những đường cao, to dọc hai bên bờ sông. Ngày nay, phần lớn mặt đê đã được trải nhựa hoặc bê tông và nâng cấp để kiên cố hơn.



▲ **Hình 5.** *Một đoạn đê sông Hồng*

LUYỆN TẬP

Chọn ý ở cột A sao cho phù hợp với ý ở cột B để tạo thành thông tin hoàn chỉnh và ghi kết quả vào vở.

A	B
1. Người dân ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chủ yếu là	a) vùng trồng lúa lớn thứ hai cả nước.
2. Dân cư tập trung đông đúc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ do	b) chạm bạc, đúc đồng, dệt lụa, làm gốm,…
3. Đồng bằng Bắc Bộ là	c) hạn chế ngập lụt và có thể trồng lúa nhiều vụ trong năm.
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có nhiều nghề thủ công truyền thống như:	d) dân tộc Kinh.
5. Hệ thống đê giúp vùng Đồng bằng Bắc Bộ	e) điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sinh sống và sản xuất.

VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một sản phẩm thủ công truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ và chia sẻ với các bạn.



BÀI 10 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát bức tranh dưới đây và dựa vào hiểu biết của em, hãy giới thiệu một số nét văn hoá tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



▲ **Hình 1.** *Một cảnh làng quê truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ (tranh vẽ của hoạ sĩ Trần Nguyên)*

KHÁM PHÁ

1. Làng quê truyền thống

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 4, em hãy mô tả một số nét văn hoá nổi bật của làng quê truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

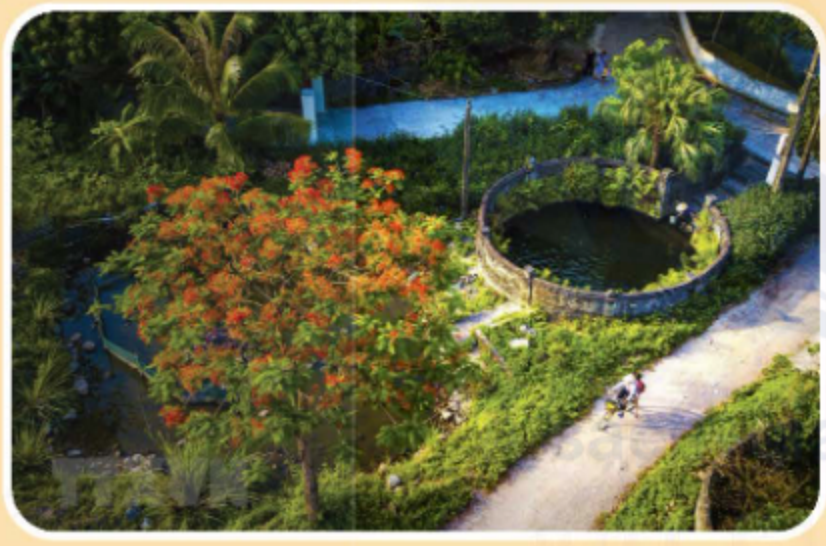
Ở các làng quê truyền thống Bắc Bộ thường có luỹ tre xanh, cổng làng, cây đa, giếng nước, sân đình. Một số làng còn có đền, chùa, miếu,...

Cổng làng là cửa ngõ ra vào làng, là nơi người dân dừng nghỉ chân, hóng mát, cũng là nơi trẻ em tụ tập, cùng vui đùa,...

Cây đa tạo bóng mát thường được trồng ở đầu làng, cuối làng hoặc ở vị trí trung tâm, bên cạnh các di tích lịch sử – văn hoá.



▲ **Hình 2.** *Cổng làng Đường Lâm (thành phố Hà Nội)*



▲ **Hình 3.** *Giếng nước ở Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình)*

Giếng làng trước đây là nơi cung cấp nguồn nước sinh hoạt chính cho dân làng.



▲ **Hình 4.** *Đình làng Đình Bảng (tỉnh Bắc Ninh)*

Đình là nơi thờ Thành hoàng, thường được xây dựng ở vị trí trung tâm. Sân đình là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hoá chung của làng.

2. Nhà ở

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy:

– Mô tả nét chính về nhà ở truyền thống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Cho biết điểm khác nhau giữa nhà ở hiện nay với nhà ở truyền thống của người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Trước đây, người dân vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường ở trong những ngôi nhà được đắp bằng đất hoặc xây bằng gạch, mái lợp lá hoặc ngói. Nhà thường có ba gian hoặc năm gian. Gian chính giữa là nơi thờ cúng và tiếp khách. Các gian hai bên dùng làm phòng ngủ hoặc chứa thóc, gạo và đồ dùng sinh hoạt,...



▲ **Hình 5.** *Nhà ở truyền thống vùng Đồng bằng Bắc Bộ*

Ngày nay, nhà ở của người dân có sự thay đổi theo hướng hiện đại và tiện nghi hơn.



▲ **Hình 6.** *Nhà ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ hiện nay*

3. Lễ hội

Đọc thông tin và quan sát các hình 7, 8, em hãy:

– Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

– Giới thiệu một số nét chính về lễ hội truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đồng bằng Bắc Bộ nổi tiếng với nhiều lễ hội lớn như: lễ hội Cổ Loa, hội Lim, hội chùa Hương, hội Gióng, lễ hội Phủ Giày,... Các lễ hội thường được tổ chức vào mùa xuân để cầu cho mọi người được mạnh khoẻ, mùa màng bội thu,...

Trong các lễ hội, người dân thường mặc trang phục truyền thống, tổ chức tế lễ và nhiều hoạt động vui chơi, giải trí như: đánh đu, đấu vật, kéo co, cờ người,...



▲ **Hình 7.** *Hát Quan họ trong hội Lim (tỉnh Bắc Ninh)*



▲ **Hình 8.** *Trò chơi cờ người trong lễ hội Cổ Loa (thành phố Hà Nội)*

LUYỆN TẬP

Lập và hoàn thành bảng (theo gợi ý dưới đây) về một số nét văn hoá tiêu biểu của làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Một số nét văn hoá	Đặc điểm
Làng quê truyền thống	?
Nhà ở	?
Lễ hội	?

sach-giao-khoa.com

VẬN DỤNG

Sưu tầm tranh ảnh về làng quê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ ngày nay và giới thiệu với thầy, cô giáo và các bạn.



BÀI 11 SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được sông Hồng trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Kể được một số tên gọi khác của sông Hồng.
- Sưu tầm, sử dụng tư liệu lịch sử (tranh ảnh, đoạn trích tư liệu,...), trình bày được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.
- Mô tả được một số nét cơ bản về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ thông qua quan sát một số hình ảnh về cuộc sống của người Việt cổ trong hoa văn trên trống đồng Đông Sơn, kết hợp với một số truyền thuyết.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số giải pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của sông Hồng.

KHỞI ĐỘNG

Em có biết sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Sông Hồng chảy qua những tỉnh, thành phố nào ở nước ta?



Hình 1. *Sông Hồng – đoạn chảy qua thành phố Hà Nội*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi sông Hồng

Dựa vào *Bản đồ địa hình Việt Nam* ở Bài 1, trang 7 và thông tin trong mục, em hãy:

– Xác định vị trí sông Hồng trên bản đồ.

– Kể một số tên gọi khác của sông Hồng.

Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc, phần chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài khoảng 556 km, từ xã A Mú Sung, tỉnh Lào Cai và đổ ra biển ở cửa Ba Lạt – ranh giới giữa tỉnh Hưng Yên và tỉnh Ninh Bình.

Sông Hồng còn có nhiều tên gọi khác như: Nhị Hà, Hồng Hà, sông Xích Đằng, sông Kẻ Chợ, sông Cái,...

2. Văn minh sông Hồng

a) Thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy trình bày một số thành tựu tiêu biểu của văn minh sông Hồng.

Cách ngày nay khoảng 2 700 năm, trên lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả,... đã hình thành nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Một số thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng là sự ra đời của Nhà nước Văn Lang và Nhà nước Âu Lạc, trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa,...

Đứng đầu Nhà nước Văn Lang là Hùng Vương, đứng đầu Nhà nước Âu Lạc là An Dương Vương; giúp việc cho vua có Lạc hầu, Lạc tướng.

Trống đồng Đông Sơn được phát hiện lần đầu tiên tại làng Đông Sơn (tỉnh Thanh Hoá).

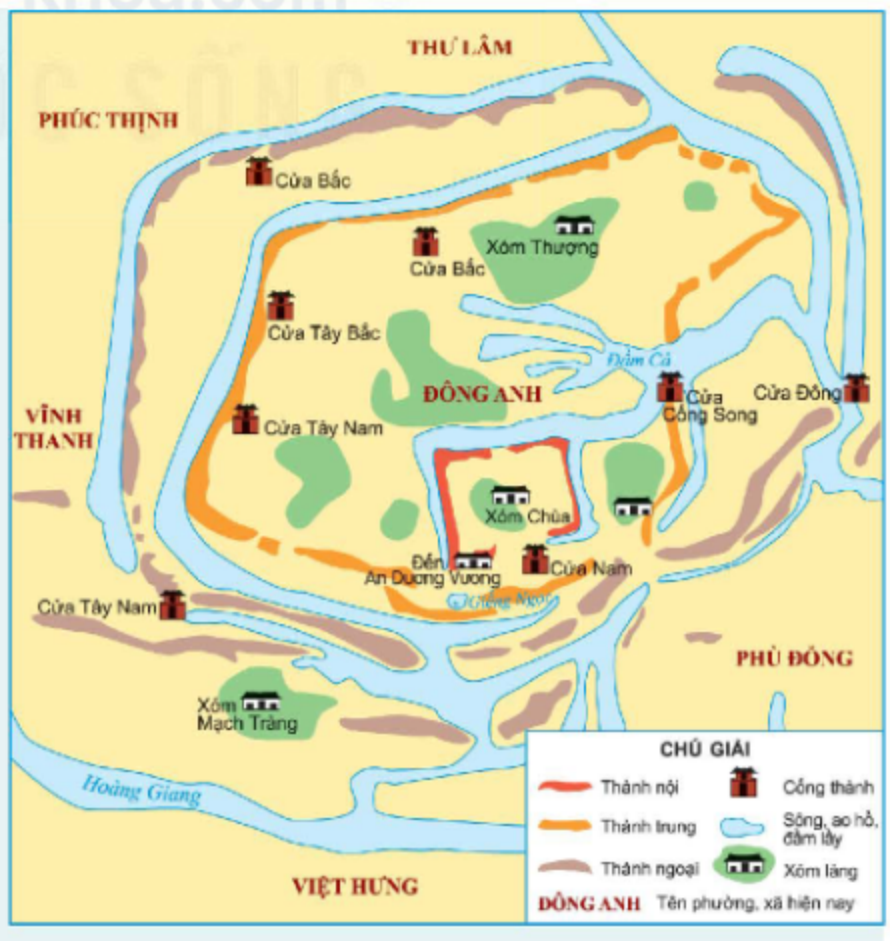
Trống đồng Đông Sơn có nhiều loại, đẹp nhất là trống đồng Ngọc Lũ (tỉnh Ninh Bình). Trống đồng là nhạc cụ, thường được sử dụng trong các lễ hội.



▲ **Hình 2.** *Trống đồng Ngọc Lũ*

sách-giáo-khoa.com

Thành Cổ Loa (xã Đông Anh, thành phố Hà Nội), được xây dựng dưới thời Nhà nước Âu Lạc. Thành có ba vòng khép kín là thành nội, thành trung và thành ngoại.



▲ **Hình 3.** *Sơ đồ khu di tích thành Cổ Loa ngày nay*

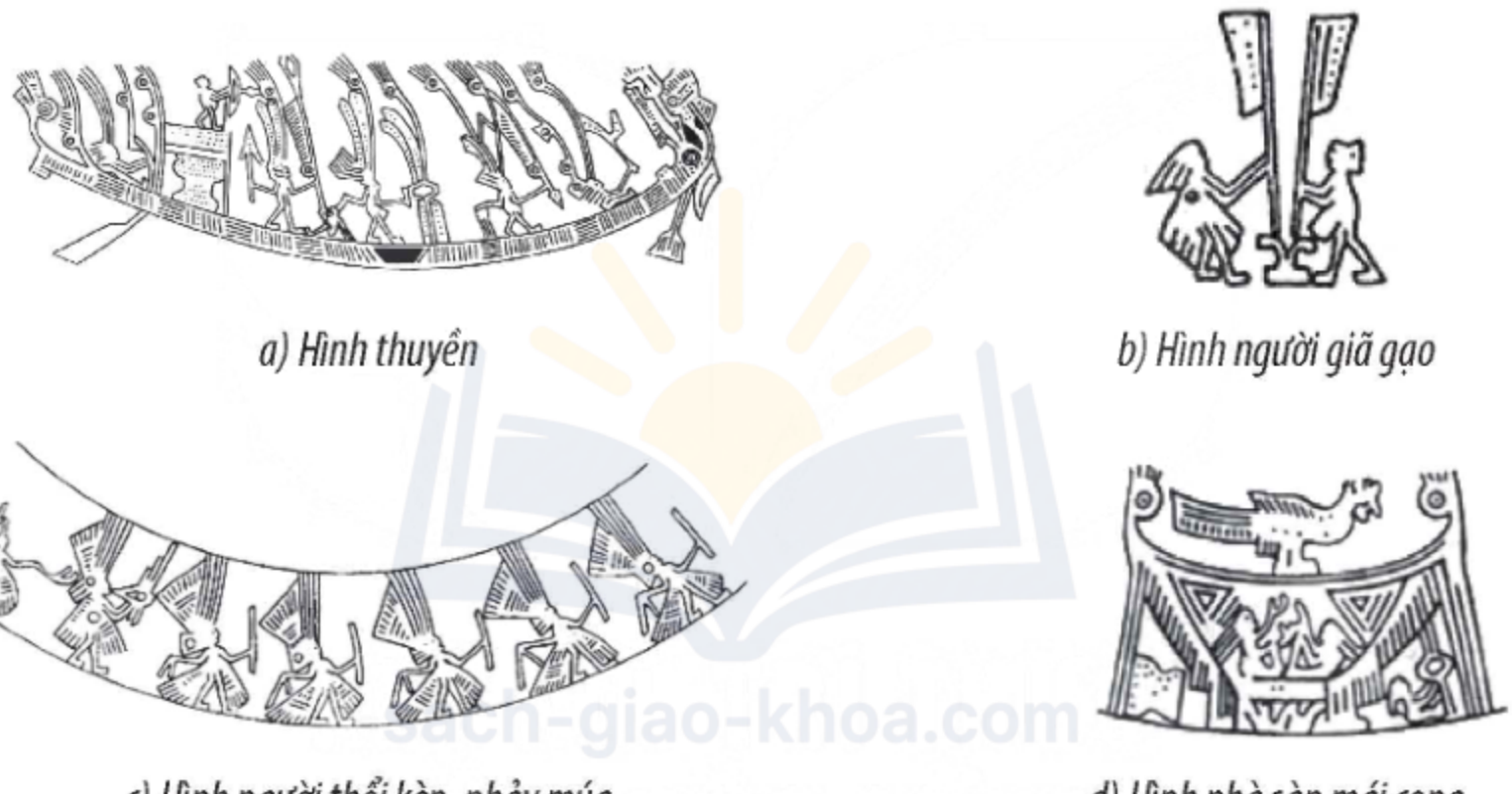
b) Đời sống của người Việt cổ

1. Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy mô tả một số nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

2. Câu chuyện *Bánh chưng, bánh giầy* ở Bài 7, trang 35 cho em biết điều gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ?

- *Đời sống vật chất*

Nguồn lương thực chính của cư dân Việt cổ là gạo, chủ yếu là gạo nếp. Người Việt cổ ở nhà sàn, phương tiện đi lại chủ yếu bằng thuyền. Nam thường đóng khố, cởi trần; nữ mặc váy và áo yếm. Họ biết trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, làm thuỷ lợi,...



a) Hình thuyền

b) Hình người giã gạo

c) Hình người thổi kèn, nhảy múa

d) Hình nhà sàn mái cong

▲ **Hình 4.** *Đời sống của người Việt cổ được khắc hoạ qua hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ*

- *Đời sống tinh thần*

Cư dân Việt cổ có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần như: thần Sông, thần Núi,... Họ có tục nhuộm răng đen, ăn trầu,... Vào những ngày hội, mọi người thường hoá trang, vui chơi, nhảy múa,...

3. Gìn giữ và phát huy giá trị của sông Hồng

Đọc thông tin và quan sát các hình 5, 6, em hãy đề xuất một số biện pháp để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của sông Hồng.

Sông Hồng mang lại nhiều lợi ích cho sản xuất và đời sống của con người.



▲ **Hình 5.** *Cánh đồng lúa (tỉnh Hưng Yên)*



▲ **Hình 6.** *Du lịch trên sông Hồng (đoạn chảy qua thành phố Hà Nội)*

Tuy nhiên, hiện nay sông Hồng cũng đang phải chịu những tác động do tự nhiên và con người gây ra, như: nguồn nước bị ô nhiễm, sạt lở bờ sông,... Vì vậy, chúng ta cần khai thác hợp lí, bảo vệ môi trường và tuyên truyền mọi người chung tay bảo vệ nguồn nước sông Hồng,...

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thành bảng mô tả (theo gợi ý dưới đây) về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người Việt cổ.

Đời sống của người Việt cổ		Biểu hiện
Đời sống vật chất	Thức ăn (lương thực)	?
	Nhà ở	?
	Trang phục	?
	Phương tiện đi lại	?
Đời sống tinh thần	Tín ngưỡng	?
	Phong tục, tập quán	?

2. Giới thiệu một câu chuyện dân gian về đời sống của người Việt cổ. Câu chuyện đó giúp em biết điều gì về đời sống của con người thời kì đó?

VẬN DỤNG

Em hãy tìm hiểu và kể tên một số phong tục, tập quán của người Việt cổ còn được lưu giữ đến ngày nay.



BÀI 12 THĂNG LONG – HÀ NỘI

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.
- Nêu được địa thế trung tâm thuận lợi của Thăng Long thể hiện ở *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn.
- Trình bày được một số nét chính về lịch sử Thăng Long – Hà Nội qua tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử.
- Nêu được Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam có sử dụng các nguồn tư liệu lịch sử và địa lí.
- Thể hiện được ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.

KHỞI ĐỘNG

Hình dưới đây gợi cho em liên tưởng đến sự tích nào gắn với Hà Nội? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Hà Nội.

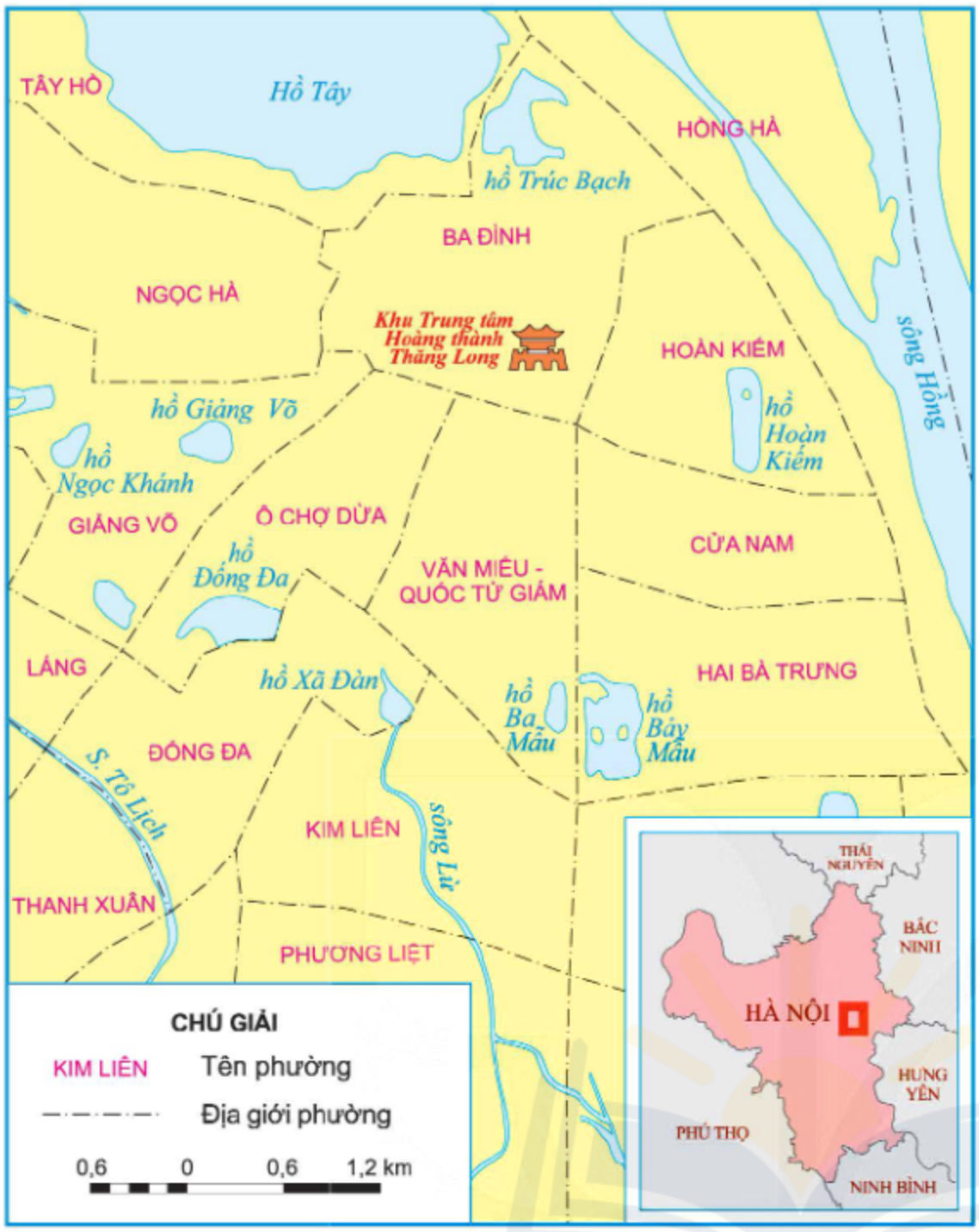


▲ **Hình 1.** *Một cảnh trong vở múa rối nước*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí và tên gọi Thăng Long – Hà Nội

1. Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội trên lược đồ.
2. Dựa vào hình 3, hãy kể các tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội.



▲ **Hình 2.** *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của Thăng Long – Hà Nội*

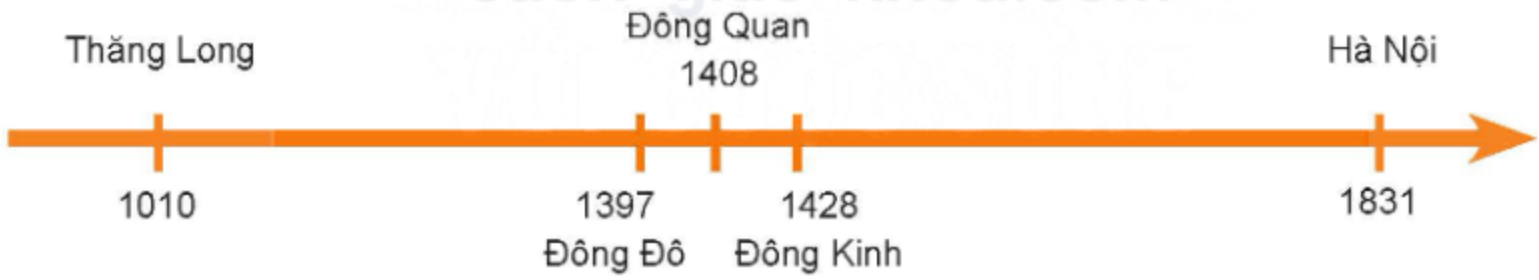
Hà Nội nằm ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ, tiếp giáp với nhiều tỉnh.

Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (tỉnh Ninh Bình) về thành Đại La (thành phố Hà Nội) và đổi tên là Thăng Long. Từ đó, nơi đây là kinh đô của các triều đại: Lý, Trần, Hậu Lê,... Ngày nay, Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Em có biết?

- Trong dân gian còn lưu truyền nhiều tên gọi khác của Thăng Long – Hà Nội như: Tràng An, Kẻ Chợ, Hà Thành,...
- Sử chép, khi thuyền vua ra đến Đại La, tạm đỗ dưới chân thành, thấy có rồng vàng hiện lên, nhân đó đổi tên là thành Thăng Long, nghĩa là "Rồng bay lên".

sach-giao-khoa.com



▲ **Hình 3.** *Tên gọi Thăng Long – Hà Nội qua các thời kì lịch sử*

2. Lịch sử Thăng Long – Hà Nội

1. Em hãy nêu một số đặc điểm thể hiện địa thế trung tâm thuận lợi của Thăng Long qua *Chiếu dời đô*.

2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, em hãy:

– Nêu một số sự kiện tiêu biểu gắn với lịch sử Thăng Long – Hà Nội.

– Kể một câu chuyện liên quan đến Thăng Long – Hà Nội để lại ấn tượng sâu sắc nhất với em.

TƯ LIỆU. Thành Đại La "ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt, phồn thịnh...".

(Theo Ngô Sỹ Liên và các sử thần nhà Lê, trích *Chiếu dời đô* trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1998)



▲ **Hình 4.** *Đền Quán Thánh trấn giữ phía bắc*

Thăng Long – Hà Nội là mảnh đất văn hiến, gắn với những câu chuyện về Thăng Long tứ trấn, truyền thuyết Lê Lợi trả gươm báu cho Rùa Vàng sau khi đánh thắng giặc Minh,...

Thăng Long tứ trấn chỉ bốn ngôi đền thờ bốn vị thần trấn giữ bốn phía đông, tây, nam, bắc của Hà Nội, gồm: đền Bạch Mã, đền Voi Phục, đền Kim Liên và đền Quán Thánh.

Câu chuyện Lịch sử

SỰ TÍCH HỒ GƯƠM



▲ **Hình 5.** *Hồ Gươm ở Hà Nội ngày nay*

Một lần, vua Lê Thái Tổ ngự trên thuyền rồng dạo quanh hồ Tả Vọng. Khi thuyền rồng tiến ra giữa hồ, bỗng Rùa Vàng nổi lên mặt nước, tiến về phía thuyền vua và nói: "Xin bệ hạ trả gươm lại cho Long Quân!". Nghe vậy, nhà vua liền rút thanh gươm trả lại cho Rùa Vàng. Rùa ngậm thanh gươm và lặn xuống mặt nước biến mất. Từ đó, hồ Tả Vọng mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

(Theo Nguyễn Đổng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Sđd)

Hà Nội cũng là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng: cuộc chiến đấu chống Pháp bảo vệ thành Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Hoàng Diệu, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình, trận "Điện Biên Phủ trên không",...

Năm 1882, thực dân Pháp tiến đánh Bắc Kì lần thứ hai. Tại thành Hà Nội, nhân dân ta đã anh dũng chống Pháp xâm lược dưới sự lãnh đạo của Tổng đốc Hoàng Diệu. Trong cuộc chiến đấu không cân sức, thành Hà Nội thất thủ, Hoàng Diệu đã soạn một tờ biểu dâng vua rồi tự vẫn để bảo toàn khí tiết.



▲ **Hình 6.** *Bác Hồ đọc "Tuyên ngôn Độc lập"*

Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình, trong cuộc mít tinh có hàng vạn đồng bào tham dự, thay mặt Chính phủ lâm thời, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập,* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cuối tháng 12 – 1972, quân và dân Hà Nội đã anh dũng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc trong 12 ngày đêm, làm nên chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không". Chiến thắng này đã buộc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và kí kết Hiệp định Pa-ri (Paris) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.



▲ **Hình 7.** *Xác máy bay B52 của Mỹ bị bắn rơi trên phố Hoàng Hoa Thám (12 – 1972)*

3. Thủ đô Hà Nội ngày nay

1. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 8 đến 10, em hãy cho biết Hà Nội là trung tâm quan trọng của cả nước ở các lĩnh vực nào?
2. Quan sát hình 11 và cho biết các bạn nhỏ đang làm gì? Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?



▲ **Hình 8.** *Toà nhà Quốc hội Việt Nam*

Thủ đô Hà Nội là nơi đặt trụ sở làm việc của các cơ quan Trung ương. Hà Nội cũng là trung tâm kinh tế quan trọng của đất nước với nhiều nhà máy, khu công nghệ cao, trung tâm thương mại, hệ thống ngân hàng,... Nơi đây tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, bảo tàng, thư viện,... hàng đầu của cả nước.



▲ **Hình 9.** *Đại học Bách khoa Hà Nội*



▲ **Hình 10.** *Bảo tàng Lịch sử quốc gia*

Hà Nội là nơi có nhiều di tích lịch sử – văn hoá nhất của cả nước và là nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Em có biết?

Ngày 16 – 7 – 1999, Hà Nội được UNESCO trao tặng danh hiệu "Thành phố vì hoà bình".



▲ **Hình 11.** *Nghệ nhân dạy các bạn nhỏ nặn tò he*

LUYỆN TẬP

1. Kể lại một câu chuyện về lịch sử Thăng Long – Hà Nội.
2. Vì sao nói Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của đất nước?

VẬN DỤNG

Vẽ tranh tuyên truyền về việc bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh hoặc giá trị truyền thống của Hà Nội.



BÀI 13 VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí của một số công trình tiêu biểu: Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, Văn Miếu, Quốc Tử Giám trên sơ đồ khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
- Đọc tư liệu lịch sử, mô tả được kiến trúc và chức năng của một trong các công trình: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, nhà bia Tiến sĩ.
- Bày tỏ được cảm nghĩ về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

KHỞI ĐỘNG

Năm 1999, Khuê Văn Các trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám được chọn là biểu tượng của Thủ đô Hà Nội. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về công trình kiến trúc này.



▲ **Hình 1.** *Khuê Văn Các*

KHÁM PHÁ

1. Tìm hiểu về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

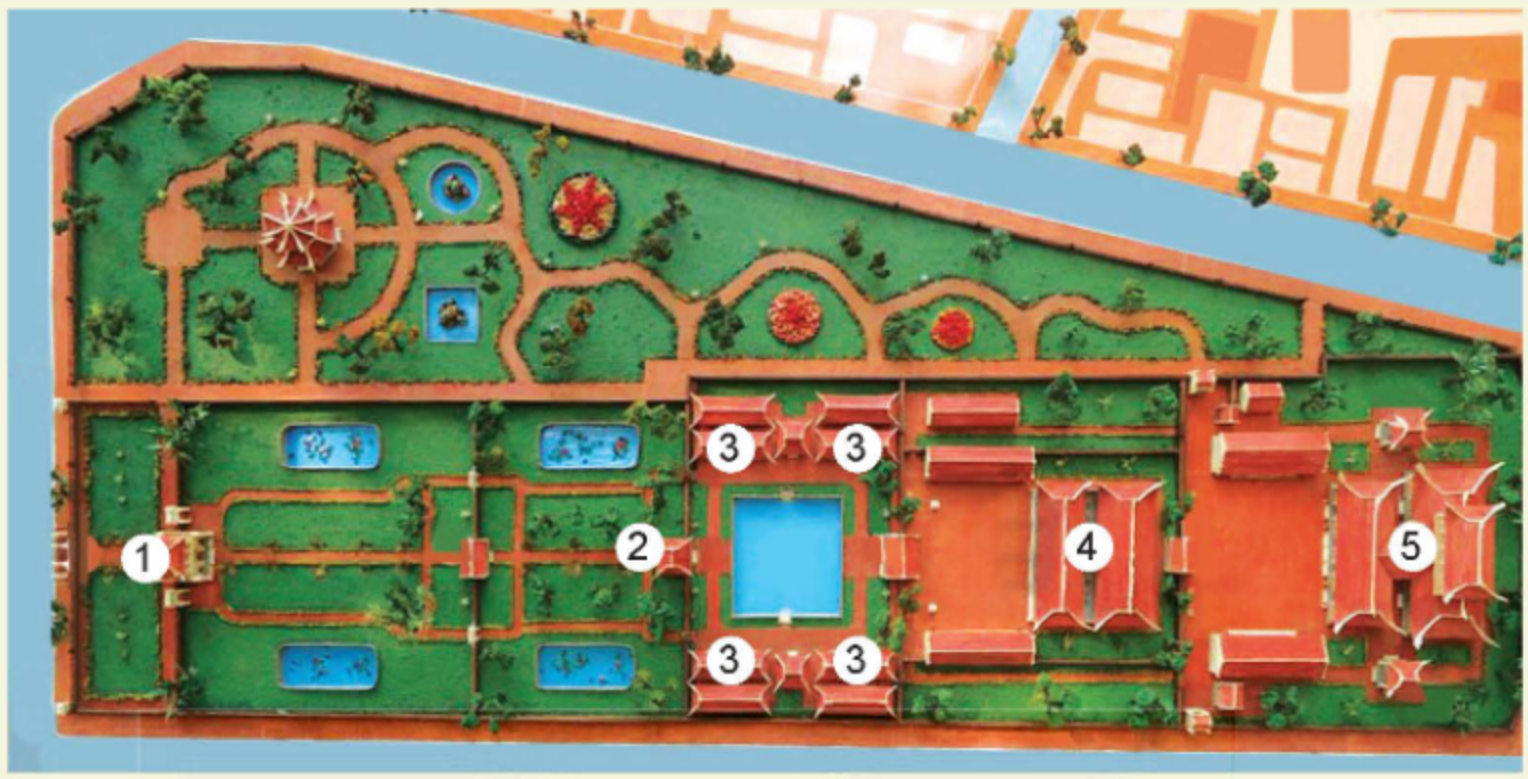
1. Xác định vị trí của một số công trình kiến trúc tiêu biểu trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám trên sơ đồ hình 2.

2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy:

– Mô tả kiến trúc, chức năng của một trong những công trình: Văn Miếu, Quốc Tử Giám, nhà bia Tiến sĩ.

– Nêu ý nghĩa của việc ghi danh những người đỗ Tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Hà Nội được bắt đầu xây dựng từ thời nhà Lý.



1. Cổng Văn Miếu 2. Khuê Văn Các 3. Nhà bia Tiến sĩ
4. Khu Đại Thành 5. Khu Thái Học

▲ **Hình 2.** *Sơ đồ một số di tích trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám*

Văn Miếu gồm các công trình tiêu biểu: cổng Văn Miếu, Khuê Văn Các, nhà bia Tiến sĩ, khu Đại Thành,... Đây là nơi thờ Khổng Tử và các học trò của ông.



▲ **Hình 3.** *Điện Đại Thành*

Quốc Tử Giám ở phía sau Văn Miếu, là khu Thái Học gồm nhà Tiền Đường và nhà Hậu Đường. Đây là nơi học tập của các hoàng tử, con gia đình quý tộc, quan lại và những người giỏi trong nước.

Em có biết?

Ngày nay, nhà Tiền Đường là nơi trưng bày các hiện vật liên quan đến truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam. Nhà Hậu Đường có hai tầng: tầng một là nơi thờ Chu Văn An; tầng hai là nơi thờ các vua Lý Thánh Tông, Lý Nhân Tông, Lê Thánh Tông.



▲ **Hình 4.** *Nhà Tiền Đường*

Ở Văn Miếu còn có 82 tấm bia đá khắc tên những người đỗ Tiến sĩ thời Hậu Lê và thời Mạc. Việc dựng bia ghi danh những người đỗ đạt nhằm khuyến khích tinh thần hiếu học trong nhân dân.



▲ **Hình 5.** *Nhà bia Tiến sĩ trong khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám*

TƯ LIỆU. "Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp".

(Theo *Văn bia Hà Nội*, Tập I, NXB Khoa học xã hội, 1978)

Em có biết?

Năm 2010, 82 bia Tiến sĩ được UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới. Năm 2012, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám được công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

2. Giữ gìn và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

1. Đọc thông tin và quan sát các hình 6, 7, em hãy kể tên một số hoạt động được tổ chức ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám nhằm tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.
2. Theo em, cần làm gì để giữ gìn và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám?

Ngày nay, khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám là nơi để tìm hiểu và tôn vinh truyền thống hiếu học của dân tộc.



▲ **Hình 6.** *Học sinh tham gia cuộc thi Trạng nguyên nhỏ tuổi tại khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám*



▲ **Hình 7.** *Học sinh tham quan, học tập tại khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám*

Các công việc bảo tồn, tu bổ, tuyên truyền, quảng bá về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám luôn được chú trọng, nhằm bảo vệ, lưu giữ và phát huy những giá trị đặc sắc của khu di tích này.

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây) về các công trình tiêu biểu của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Tên công trình	Chức năng
Văn Miếu	?
Quốc Tử Giám	?
Nhà bia Tiến sĩ	?

2. Đề xuất một số việc nên làm và không nên làm để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

VẬN DỤNG

Chọn một trong hai nhiệm vụ:

1. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu với bạn về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.
2. Hãy chia sẻ cảm nghĩ của em về truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam sau khi tìm hiểu về khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

Bài 14 ÔN TẬP

Câu 1. Hãy trình bày một số nét chính về địa phương em.

– Tên tỉnh hoặc thành phố.

– Đặc điểm thiên nhiên nổi bật.

– Một số hoạt động sản xuất.

– Một số nét văn hoá đặc sắc.

– Tên một số danh nhân tiêu biểu.

Câu 2. Lựa chọn thông tin cho phù hợp với hai vùng và ghi kết quả vào vở.

1. Phần lớn địa hình tương đối bằng phẳng. Có khu vực đồi núi thấp ở phía đông bắc

2. Hai hệ thống sông là sông Hồng và sông Thái Bình

3. Nền văn minh của người Việt cổ – văn minh sông Hồng

4. Mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, các sông có nhiều thác ghềnh

5. Địa hình chủ yếu là đồi núi. Ngoài ra, còn có một số cao nguyên và vùng trung du

6. Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

A. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc

B. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

7. Khí hậu chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi độ cao địa hình

8. Khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám

9. Lễ hội Lồng Tồng

10. Chợ phiên vùng cao

11. Có mùa đông lạnh nhất cả nước

12. Đền Hùng

sach-giao-khoa.com

Câu 3. Hoàn thành bảng sau vào vở:

ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Vùng / Đặc điểm	Trung du và miền núi phía Bắc	Đồng bằng Bắc Bộ
Dân cư	?	?
Hoạt động sản xuất	?	?
Một số nét văn hoá tiêu biểu	?	?

Câu 4. Xây dựng bảng dự kiến những việc làm của em để góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử – văn hoá ở địa phương em (theo gợi ý dưới đây):

– Tên danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử – văn hoá.

– Những việc làm cụ thể để gìn giữ và phát huy giá trị của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử – văn hoá.

– Ý nghĩa của những việc làm đó.

sach-giao-khoa.com



Chủ đề 4
BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

BÀI 15 THIÊN NHIÊN VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vị trí địa lí, một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, một số cao nguyên,...) của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, tranh ảnh, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất, rừng,...) của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- Nêu được nét điển hình của khí hậu ở một địa điểm thông qua đọc số liệu về lượng mưa, nhiệt độ.
- Nêu được một số tác động của thiên nhiên đối với hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- Đề xuất được ở mức độ đơn giản một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng, chống thiên tai.
- Nêu được vai trò của rừng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của người dân ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- Thể hiện được thái độ cảm thông và sẵn sàng có hành động chia sẻ với người dân gặp thiên tai.

sach-giao-khoa.com

KHỞI ĐỘNG

Trường Sơn là dãy núi dài nhất Việt Nam, nơi có con đường Trường Sơn huyền thoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta và đã đi vào thơ ca, âm nhạc với một niềm tự hào dân tộc sâu sắc.

Em hãy cho biết:

– Dãy núi này nằm ở vùng nào của nước ta.

– Trình bày một câu thơ, câu hát về dãy Trường Sơn mà em biết.



▲ **Hình 1.** *Một phần dãy Trường Sơn (tỉnh Quảng Trị)*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Xác định vị trí của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ trên bản đồ.

– Kể tên các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ nằm ở giữa lãnh thổ nước ta, gồm: Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ. Đây là cầu nối giữa vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam đất nước.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có vùng biển rộng, bờ biển kéo dài cùng nhiều đảo, quần đảo, trong đó có quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế và quốc phòng của đất nước.

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Đọc thông tin và quan sát bảng 1, hình 2, em hãy:

– Xác định trên bản đồ: dãy núi Trường Sơn, dãy núi Bạch Mã, đèo Hải Vân, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Kể tên và xác định trên bản đồ vị trí các cao nguyên. Cho biết độ cao trung bình của các cao nguyên đó.

– Trình bày đặc điểm địa hình của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Địa hình vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ đa dạng, thay đổi từ tây sang đông. Phía tây là địa hình đồi núi và các cao nguyên xếp tầng rộng lớn. Phía đông là dải đồng bằng ven biển nhỏ, hẹp. Ven biển thường có các cồn cát và đầm phá.

BẢNG 1. ĐỘ CAO TRUNG BÌNH CỦA CÁC CAO NGUYÊN Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Cao nguyên	Kon Tum	Pleiku	Đắk Lắk	Mơ Nông	Lâm Viên	Di Linh
Độ cao trung bình *(m)*	500	800	500	800	1 500	1 000



▲ **Hình 2.** *Bản đồ địa hình vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ*



▲ **Hình 3.** *Một góc phá Tam Giang (thành phố Huế)*

Em có biết?

Đầm phá Tam Giang – Cầu Hai dài khoảng 70 km, diện tích 216 km^2, thuộc thành phố Huế. Đây là vùng đầm phá lớn nhất Đông Nam Á với các loài thực vật, động vật rất phong phú và đa dạng.

b) Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy trình bày những đặc điểm chính về khí hậu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Em có biết?

Dãy núi Bạch Mã có hướng tây – đông, kéo dài ra đến biển. Dãy núi này tạo thành bức tường tự nhiên chắn gió mùa Đông Bắc thổi từ phía bắc xuống phía nam.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng có sự khác nhau giữa các khu vực.

Bắc Trung Bộ nằm ở phía bắc dãy Bạch Mã, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên thường có 1 đến 2 tháng nhiệt độ dưới 20°C. Mùa hạ ít mưa, có gió Tây khô nóng.

Nam Trung Bộ nằm ở phía nam dãy Bạch Mã, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên nhiệt độ cao quanh năm. Khí hậu chia hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô nhưng có sự khác biệt về thời gian giữa khu vực ven biển và cao nguyên.

Bắc Trung Bộ và ven biển Nam Trung Bộ thường xảy ra mưa lớn và bão vào khoảng tháng 9 đến tháng 12.

c) Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát hình 2, em hãy:

– Kể tên và xác định trên bản đồ một số sông ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Nêu những đặc điểm chính của sông ngòi ở vùng.

sách-giáo-khoa.com

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có nhiều sông nhưng phần lớn là sông ngắn và dốc. Vào mùa mưa, nước sông dâng nhanh, thường gây ra lũ quét và sạt lở đất. Các sông trong vùng nhiều thác ghềnh, có tiềm năng lớn để phát triển thuỷ điện.

d) Đất

Đọc thông tin, em hãy cho biết tên và đặc điểm của các loại đất chính ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Ở các đồng bằng ven biển vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ chủ yếu là đất phù sa, thích hợp trồng lúa và các cây mía, lạc,... Khu vực đồi núi và cao nguyên có đất phe-ra-lít chiếm diện tích lớn, thích hợp để trồng cà phê, cao su, chè,...

e) Tài nguyên rừng

Đọc thông tin và quan sát các hình 4, 5, 6, em hãy cho biết:

– Tên một số kiểu rừng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Vai trò của rừng và một số biện pháp bảo vệ rừng.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có diện tích rừng lớn, tập trung chủ yếu ở khu vực đồi núi, cao nguyên phía tây và ven biển phía đông. Vùng có một số kiểu rừng chính như rừng rậm nhiệt đới, rừng khộp và rừng ngập mặn. Rừng ở vùng có nhiều loại gỗ quý, cây thuốc và là nơi sinh sống của nhiều loài động vật, thực vật quý hiếm.



▲ **Hình 4.** *Rừng rậm nhiệt đới (thành phố Huế)*



▲ **Hình 5.** *Rừng khộp vào mùa khô (tỉnh Đắk Lắk)*



▲ **Hình 6.** *Rừng ngập mặn (tỉnh Quảng Ngãi)*

Rừng có vai trò rất quan trọng đối với tự nhiên, hoạt động sản xuất và đời sống của con người. Rừng giúp giảm lũ lụt và tác động của bão vào mùa mưa, giảm hạn hán vào mùa khô, chống xói mòn và sạt lở đất. Ngoài ra, rừng cũng cung cấp gỗ, dược liệu, thực phẩm và góp phần phát triển du lịch sinh thái.

Hiện nay, diện tích rừng tự nhiên ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ đang bị thu hẹp do khai thác quá mức. Vì vậy, cần thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng như trồng rừng và phục hồi rừng, thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, tuyên truyền và vận động người dân cùng tham gia bảo vệ rừng,...

3. Tác động của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và đời sống

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 7 đến 10, em hãy:

– Nêu tác động tích cực và tiêu cực của môi trường thiên nhiên đến đời sống và sản xuất của người dân vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Đề xuất một số biện pháp phòng, chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Môi trường thiên nhiên của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: trồng trọt, chăn nuôi gia súc, sản xuất điện (thuỷ điện, điện gió, điện mặt trời) và các hoạt động kinh tế biển. Tuy nhiên, vùng có nhiều thiên tai như: mưa lớn, bão, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán,... gây thiệt hại về người và tài sản. Ở ven biển có hiện tượng cát bay cũng ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân.

Để phòng, chống thiên tai trong vùng, cần thực hiện đồng thời nhiều biện pháp: đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, dự báo thiên tai kịp thời, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thuỷ lợi và hồ chứa nước, xây dựng nhà kiên cố chống bão,...



▲ **Hình 7.** *Bờ biển cù lao Chàm (thành phố Đà Nẵng)*



▲ **Hình 8.** *Cánh đồng điện gió (tỉnh Khánh Hoà)*



▲ **Hình 9.** *Ngập lụt do mưa bão năm 2025 (tỉnh Hà Tĩnh)*



▲ **Hình 10.** *Trồng rừng chắn cát bay (tỉnh Quảng Trị)*

LUYỆN TẬP

1. Chọn ý ở cột A sao cho phù hợp với ý ở cột B và ghi kết quả vào vở.

A	B
1. Địa hình	a) Có sự khác biệt giữa khu vực phía bắc và phía nam dãy Bạch Mã.
2. Khí hậu	b) Đường bờ biển dài, vùng biển rộng, có nhiều đảo và quần đảo.
3. Sông ngòi	c) Đất phù sa ở ven biển, đất phe-ra-lít ở khu vực đồi núi và cao nguyên.
4. Đất	d) Phía tây là vùng đồi núi và cao nguyên; phía đông là dải đồng bằng nhỏ, hẹp.
5. Rừng	e) Ba kiểu rừng chính là rừng rậm nhiệt đới, rừng khộp và rừng ngập mặn.
6. Biển	g) Nhiều sông ngòi, chủ yếu là sông ngắn và dốc.

2. Dựa vào bảng 2, em hãy cho biết thời gian mùa mưa và thời gian mùa khô ở Buôn Ma Thuột.

BẢNG 2. NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ *(°C)*	21	23	25	26	26	25	24	24	24	24	23	21
Lượng mưa *(mm)*	7	6	28	86	242	236	246	315	347	203	106	26

Mùa khô Mùa mưa

(Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thuỷ văn)

VẬN DỤNG

Em hãy chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Hãy nêu những việc em có thể làm để chia sẻ khó khăn với các bạn ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ khi có thiên tai xảy ra.

2. Sưu tầm hình ảnh và viết lời giới thiệu ngắn (3 – 4 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.



BÀI 16 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
- Nêu được một số hoạt động kinh tế (làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển, giao thông đường biển, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc, phát triển thuỷ điện,...).

KHỞI ĐỘNG

Dựa vào các hình 1, 2, em hãy xác định:

– Hình ảnh thể hiện hoạt động kinh tế của người dân vùng biển.

– Hình ảnh thể hiện hoạt động kinh tế của người dân khu vực đồi núi và cao nguyên.



▲ **Hình 1.** *Thuyền đánh bắt cá trên biển*



▲ **Hình 2.** *Thu hoạch cà phê*

KHÁM PHÁ

1. Dân cư

Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có số dân hơn 27 triệu người (năm 2024). Các dân tộc sinh sống tại đây là Kinh, Chăm, Thái, Mường, Gia Rai, Ê Đê, Ba Na,...



▲ **Hình 3.** *Người Mường (tỉnh Thanh Hoá)*



▲ **Hình 4.** *Người Chăm (tỉnh Khánh Hoà)*



▲ **Hình 5.** *Người Ê Đê (tỉnh Đắk Lắk)*

Em có biết?

Tên gọi Ê Đê có nghĩa là người sống trong rừng tre. Đây là một dân tộc đã định cư lâu đời, tập trung thành những buôn làng tại khu vực cao nguyên các tỉnh Đắk Lắk, Gia Lai,... Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, họ còn lưu giữ nhiều nghề thủ công truyền thống đặc trưng như: đan lát mây tre, dệt vải,...

2. Một số hoạt động kinh tế

a) Hoạt động kinh tế biển

Đọc thông tin, bảng 1 và quan sát các hình từ 6 đến 9, em hãy:

1. Kể tên một số hoạt động kinh tế biển và địa danh gắn với các hoạt động đó ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.
2. Giải thích vì sao vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ lại thuận lợi phát triển kinh tế biển.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài và vùng biển rộng với nhiều đảo, quần đảo, tạo điều kiện để phát triển nhiều hoạt động kinh tế biển.

BẢNG 1. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ BIỂN
Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Hoạt động kinh tế biển	Điều kiện thuận lợi	Một số địa danh nổi tiếng
Làm muối	– Nước biển mặn – Nhiều nắng	Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Cà Ná (Khánh Hoà),...
Đánh bắt và nuôi trồng hải sản	– Vùng biển rộng, nhiều hải sản – Nhiều đầm phá	Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Lâm Đồng,...
Du lịch biển đảo	Nhiều bãi tắm, vịnh biển, đảo có phong cảnh đẹp	Bãi biển: Sầm Sơn (Thanh Hoá), Lăng Cô (Huế), Mỹ Khê, Non Nước (Đà Nẵng), Nha Trang (Khánh Hoà),...; các đảo: cù lao Chàm (Đà Nẵng), Lý Sơn (Quảng Ngãi),...
Giao thông đường biển	– Vùng biển rộng và dài – Nhiều vịnh kín gió	Cảng: Cửa Lò (Nghệ An), Chân Mây (Huế), Đà Nẵng (Đà Nẵng), Dung Quất (Quảng Ngãi),...



▲ **Hình 6.** *Bãi biển Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà)*



▲ **Hình 7.** *Cảng Đà Nẵng (thành phố Đà Nẵng)*

Em có biết?

Nghề làm muối phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện nắng và gió. Người làm muối dẫn nước biển vào các ô ruộng bằng phẳng để nước bay hơi tự nhiên, tạo thành những hạt muối.



▲ **Hình 8.** *Làm muối (tỉnh Khánh Hoà)*



▲ **Hình 9.** *Bản đồ một số hoạt động kinh tế ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ năm 2024*

b) Trồng cây công nghiệp

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 10, 11, em hãy:

– Kể tên một số cây công nghiệp được trồng nhiều ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Xác định trên bản đồ những loại cây trồng chính ở vùng ven biển, khu vực đồi núi và cao nguyên.

Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là vùng trồng cây công nghiệp lớn hàng đầu của nước ta. Các cây trồng chính có giá trị xuất khẩu cao là cà phê, hồ tiêu, cao su, chè,... Ngoài ra, vùng còn phát triển các cây trồng khác, như mía, lạc,...



▲ **Hình 10.** *Đồi chè (tỉnh Nghệ An)*



▲ **Hình 11.** *Vườn hồ tiêu (tỉnh Gia Lai)*

c) Chăn nuôi gia súc

Đọc thông tin và quan sát hình 9, em hãy:

– Xác định trên bản đồ những địa phương nuôi nhiều lợn, bò ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Cho biết những điều kiện thuận lợi để vùng phát triển chăn nuôi gia súc.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi gia súc: nguồn thức ăn dồi dào, khí hậu thuận lợi, khoa học – công nghệ phát triển. Đây là vùng chăn nuôi lợn và bò lớn của cả nước. Lợn được nuôi nhiều ở các tỉnh Thanh Hoá, Đắk Lắk. Bò được nuôi nhiều ở các tỉnh Nghệ An, Gia Lai.

d) Phát triển thuỷ điện

Đọc thông tin và quan sát các hình 9, 12, em hãy:

– Kể tên và xác định trên bản đồ một số nhà máy thuỷ điện ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Giải thích vì sao vùng có nhiều nhà máy thuỷ điện.

Sông ngòi ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ chảy qua nhiều bậc địa hình có độ dốc lớn, nhiều thác ghềnh nên có khả năng phát triển thuỷ điện. Nhiều nhà máy thuỷ điện đã được xây dựng, cung cấp điện cho sinh hoạt và sản xuất. Tuy nhiên, việc xây dựng các nhà máy thuỷ điện cũng gây ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên.

Ngoài thuỷ điện, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ còn là vùng phát triển mạnh điện gió và điện mặt trời.



▲ **Hình 12.** *Nhà máy thuỷ điện Ialy (tỉnh Gia Lai)*

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện một số hoạt động kinh tế biển ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

2. Hãy cho biết trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai.

a) Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là vùng trồng cây lương thực lớn hàng đầu của nước ta.

b) Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là vùng chăn nuôi lợn và bò lớn của cả nước.

c) Sông ngòi ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có độ dốc lớn nên thuận lợi phát triển giao thông đường thuỷ.

d) Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ phát triển mạnh thuỷ điện, điện gió và điện mặt trời.

VẬN DỤNG

Sưu tầm một số thông tin, hình ảnh về một sản phẩm của cây công nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ và chia sẻ với các bạn.

sach-giao-khoa.com



BÀI 17 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được một số di sản thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Trình bày được một số điểm nổi bật về văn hoá ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 là một di sản văn hoá tiêu biểu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Hãy kể tên một số di sản văn hoá khác ở vùng đất này mà em biết.



Hình 1. *Thánh địa Mỹ Sơn (thành phố Đà Nẵng)* ▶

sách-giáo-khoa.com

KHÁM PHÁ

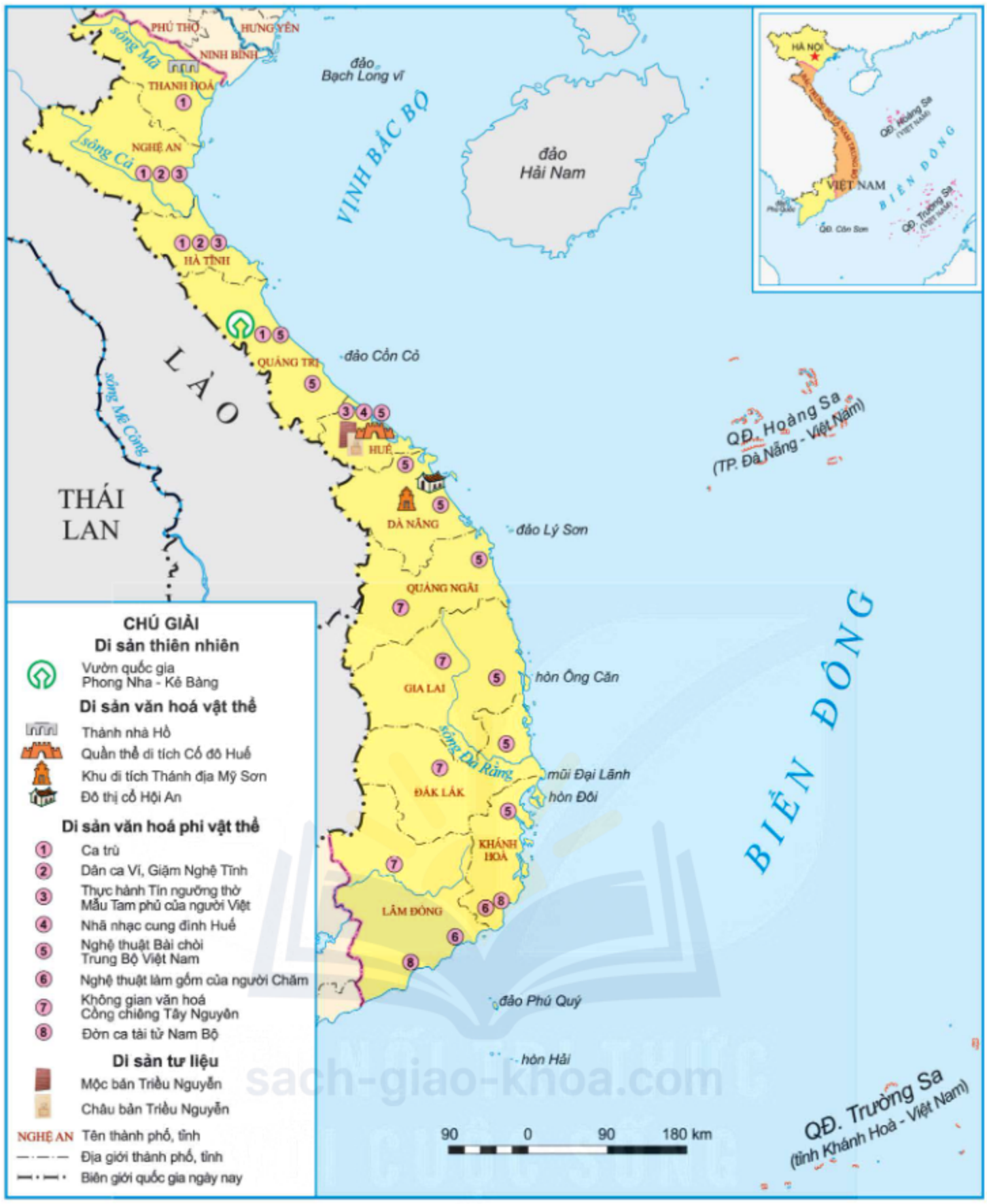
1. Di sản thế giới

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 2 đến 6, em hãy:

– Kể tên một số di sản thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Xác định trên lược đồ vị trí một số di sản thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

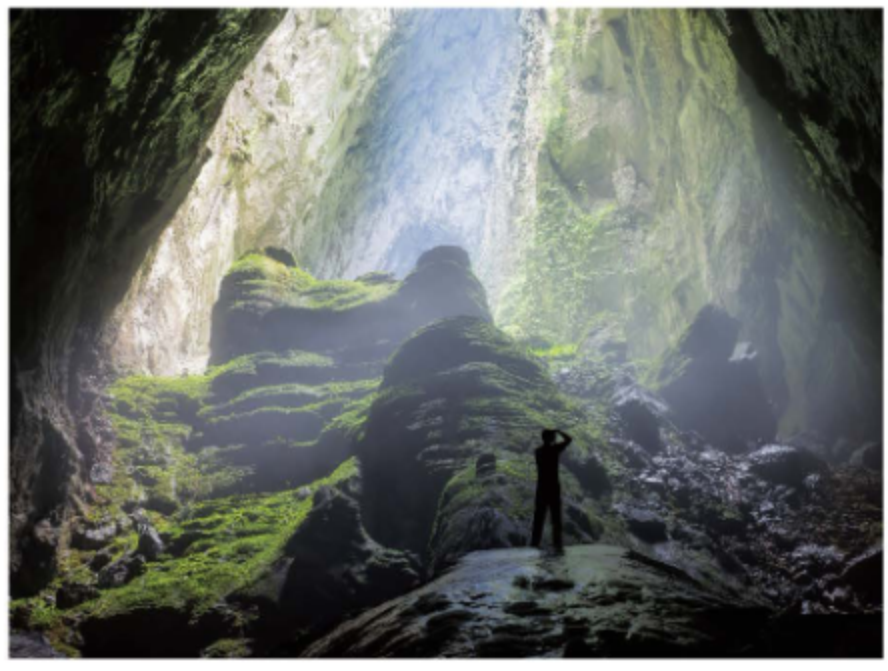
Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có nhiều di sản được UNESCO ghi danh như: Thành nhà Hồ, Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, Phố cổ Hội An, Nhã nhạc cung đình Huế, Mộc bản Triều Nguyễn, Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên,…



▲ **Hình 2.** *Bản đồ phân bố một số di sản thế giới ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ (tính đến năm 2025)*



▲ **Hình 3.** *Cửa Nam thành nhà Hồ (tỉnh Thanh Hoá)*



▲ **Hình 4.** *Hang Sơn Đoòng (tỉnh Quảng Trị)*



▲ **Hình 5.** *Biểu diễn nghệ thuật Bài chòi tại tỉnh Đắk Lắk*

Em có biết?

Mộc bản Triều Nguyễn là những bản gỗ khắc chữ Hán và chữ Nôm. Mộc bản cung cấp nhiều tư liệu quý, trong đó có tư liệu khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Năm 2009, Mộc bản Triều Nguyễn được UNESCO ghi danh là Di sản tư liệu thế giới.



▲ **Hình 6.** *Mộc bản Triều Nguyễn thể hiện chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam*

2. Lễ hội

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 7 đến 10, em hãy:

– Kể tên một số lễ hội tiêu biểu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

– Nêu những nét nổi bật về một lễ hội của vùng đất này.

Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ nổi tiếng với nhiều lễ hội đặc sắc, nhằm tôn vinh truyền thống và những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

- ***Lễ Rước cá Ông***

Lễ Rước cá Ông thường được tổ chức vào mùa xuân, bắt nguồn từ tục thờ cá voi. Tương truyền, đây là loài cá thường cứu giúp ngư dân mỗi khi họ gặp nạn trên biển.



▲ **Hình 7.** *Lễ Rước cá Ông ở phường Quy Nhơn (tỉnh Gia Lai)*

- ***Lễ hội Ka-tê***

Lễ hội Ka-tê (Kate) của đồng bào Chăm được tổ chức vào khoảng tháng 9 – 10 hằng năm (tháng 7 lịch Chăm) để tưởng nhớ các vị thần và tổ tiên, cầu cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Lễ hội diễn ra tại khu đền tháp Chăm. Sau phần lễ trang trọng là phần hội với nhiều trò chơi dân gian như: đội nước vượt chướng ngại vật, đi cà kheo,...



Hình 8. *Múa quạt trong lễ hội Ka-tê của người Chăm ở phường Phú Thuỷ (tỉnh Lâm Đồng)*

Em có biết?

Năm 2022, lễ hội Ka-tê của người Chăm ở Bình Thuận (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng) được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

- ***Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa***

Cùng với quá trình khai phá vùng đất phía Nam, các chúa Nguyễn đã lập đội Hoàng Sa làm nhiệm vụ đi thuyền đến các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam để thu lượm sản vật, từng bước thực thi chủ quyền biển đảo,... Những người đi thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện rất khó khăn, khắc nghiệt và chỉ bằng những phương tiện, vật dụng rất thô sơ.

Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời đội Hoàng Sa, nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về,...



Hình 9. *Một nghi thức trong lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa ở đặc khu Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)*

Ngày nay, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa vẫn được duy trì, gồm nhiều hoạt động như tế lễ cổ truyền, lễ đua thuyền tứ linh,... nhằm tri ân đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Em có biết?

Năm 2013, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa đã được đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.

- ***Lễ hội Đua voi***

Lễ hội Đua voi được tổ chức hai năm một lần vào tháng Ba âm lịch, tại Buôn Đôn (tỉnh Đắk Lắk). Đây là một trong những lễ hội cổ truyền độc đáo của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, nhằm tôn vinh tinh thần thượng võ và tài nghệ thuần dưỡng voi.



▲ **Hình 10.** *Lễ hội Đua voi tại tỉnh Đắk Lắk năm 2017*

3. Nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng

Đọc thông tin và quan sát các hình 11,12, em hãy cho biết nét nổi bật về nhà ở và nhà sinh hoạt cộng đồng của người dân vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.

Trước đây, nhà ở của người dân khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ thường là nhà thấp tầng, làm bằng vật liệu truyền thống như gỗ, tre, nứa, lá,... Nhà có mái dốc để chống bão lũ, thích ứng với khí hậu khắc nghiệt và văn hoá địa phương.

Một số dân tộc ở khu vực cao nguyên sinh sống trong những ngôi nhà sàn. Mỗi buôn làng có một ngôi nhà chung, là không gian sinh hoạt của cộng đồng như: nhà rông của người Ba Na, Gia Rai,...; nhà dài của người Ê Đê;...



▲ **Hình 11.** *Nhà dài của người Ê Đê (được dựng tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam ở Hà Nội)*

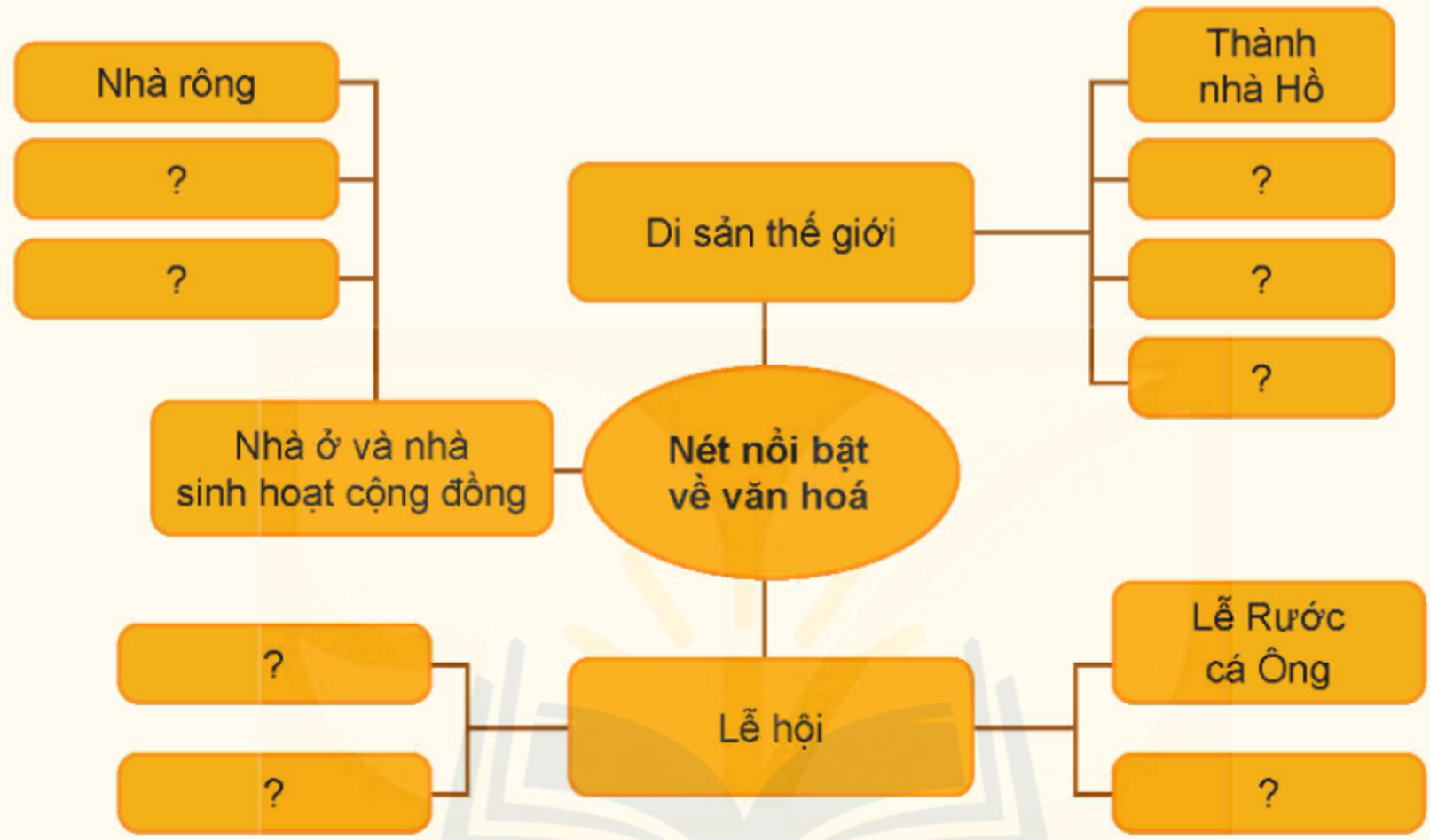


▲ **Hình 12.** *Nhà rông của người Ba Na ở vùng cao nguyên tỉnh Quảng Ngãi*

Ngày nay, nhà ở của người dân vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ thay đổi theo hướng hiện đại và tiện nghi hơn.

LUYỆN TẬP

Hoàn thiện sơ đồ tư duy (theo gợi ý dưới đây vào vở) một số điểm nổi bật về văn hoá ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.



VẬN DỤNG

Làm bộ sưu tập bằng tranh ảnh về một di sản thế giới hoặc một lễ hội ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Chia sẻ với bạn hoặc người thân bộ sưu tập của em.

sach-giao-khoa.com



BÀI 18 TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO BẮC TRUNG BỘ VÀ NAM TRUNG BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ (sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về anh hùng Núp, N'Trang Lơng, Hồ Kan Lịch,...).

KHỞI ĐỘNG

Hình 1 khắc hoạ về một trong những sự kiện tiêu biểu trong phong trào yêu nước, cách mạng của đồng bào vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về phong trào yêu nước của đồng bào nơi đây.



▲ **Hình 1.** *Phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh năm 1930 (tranh vẽ)*

KHÁM PHÁ

1. Khái quát về truyền thống đấu tranh yêu nước, cách mạng của đồng bào vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ

Đọc thông tin dưới đây, em hãy cho biết: Truyền thống đấu tranh yêu nước, cách mạng của đồng bào vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ có điểm gì nổi bật?

Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, cách mạng. Từ cuối thế kỉ XIX, nhiều phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp xâm lược đã nổ ra, tiêu biểu như: khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Duy tân, phong trào chống thuế, phong trào Xô viết Nghệ – Tĩnh,...

Nơi đây cũng là quê hương của nhiều nhà yêu nước, cách mạng tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Chí Minh, Trần Phú, Võ Nguyên Giáp,...

sach-giao-khoa.com

Không chỉ có đồng bào Kinh, đồng bào các dân tộc thiểu số trong vùng cũng hăng hái đứng lên đấu tranh với các tấm gương tiêu biểu như: Đinh Núp, N'Trang Lơng, Hồ Kan Lịch,... Họ đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống yêu nước, cách mạng của quê hương.

Em có biết?

N'Trang Lơng (1870 – 1935) là người dân tộc Mnông. Cuối thế kỉ XIX, khi thực dân Pháp kéo lên chiếm đóng vùng Tây Nguyên, ông đã lãnh đạo đồng bào các dân tộc Mnông, Xtiêng,... nổi dậy chống lại giặc Pháp. Cuộc khởi nghĩa do N'Trang Lơng lãnh đạo kéo dài từ năm 1912 đến năm 1936, giải phóng được một vùng rộng lớn trên cao nguyên Mơ Nông.

2. Kể chuyện về một số tấm gương yêu nước, cách mạng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Nêu cảm nghĩ về nhân vật lịch sử đó.

Câu chuyện Lịch sử

NHÀ YÊU NƯỚC HUỲNH THÚC KHÁNG

Huỳnh Thúc Kháng quê ở xã Thạnh Bình, thành phố Đà Nẵng. Từ nhỏ, ông nổi tiếng thông minh, ham học, có khí chất cương trực.

Năm 1904, Huỳnh Thúc Kháng thi đỗ Tiến sĩ nhưng không ra làm quan mà tham gia cứu nước. Ông là một trong những nhà lãnh đạo của phong trào Duy tân ở Trung Kì. Ông từng bị thực dân Pháp bắt và đày đi Côn Đảo suốt 13 năm.

Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời (năm 1945), Huỳnh Thúc Kháng tham gia Chính phủ lâm thời, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, Huỳnh Thúc Kháng được giao trọng trách Quyền Chủ tịch nước.



▲ **Hình 2.** *Huỳnh Thúc Kháng*

Trong một bức thư gửi cho quốc dân đồng bào, Bác Hồ đã viết: "... Cụ Huỳnh là người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao...".

(Theo Nguyễn Q. Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1992)

Câu chuyện Lịch sử

NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

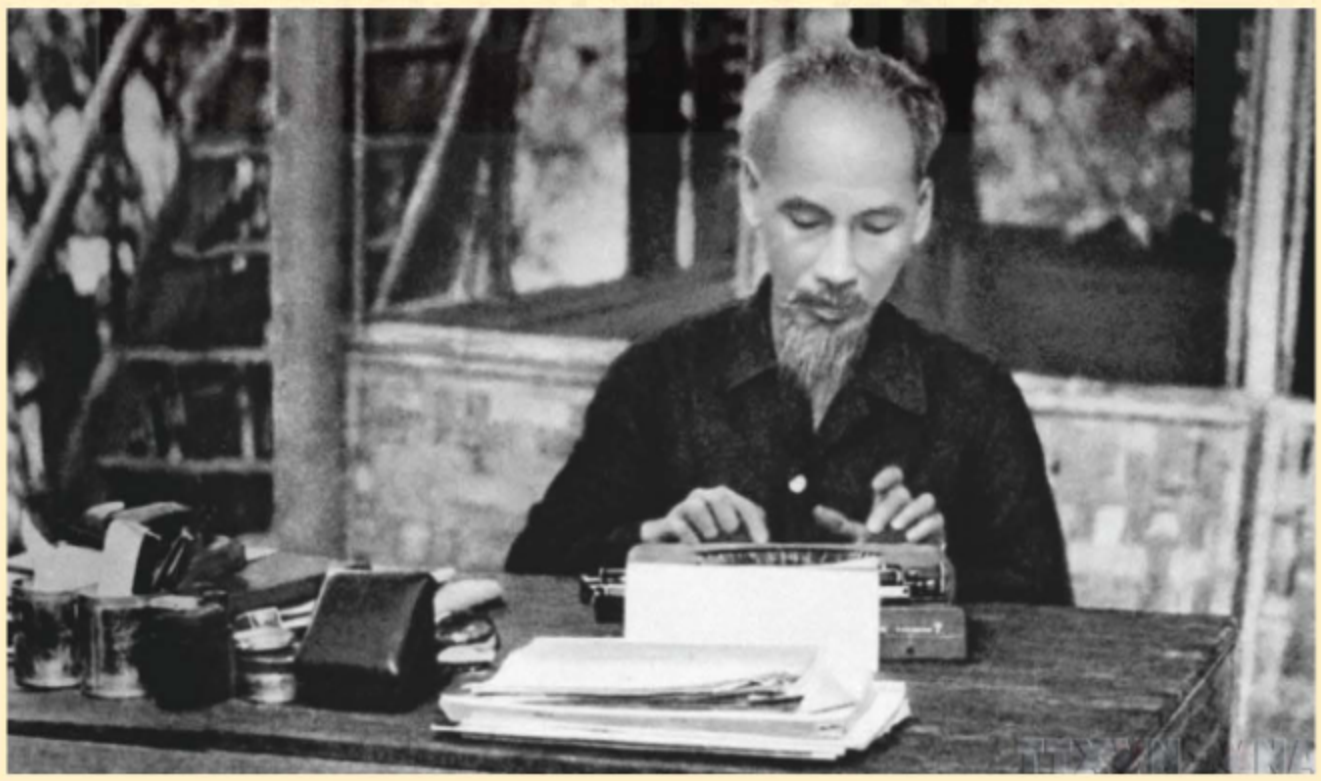
Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh tên lúc nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành, quê ở xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An. Thuở nhỏ, Nguyễn Sinh Cung là cậu bé rất thông minh, chăm học và luôn yêu thương mọi người. Lớn lên trong cảnh nước mất nhà tan, Nguyễn Tất Thành sớm ra đi tìm đường cứu nước vào năm 1911. Trong quá trình hoạt động ở nước ngoài, Người đổi tên là Nguyễn Ái Quốc. Năm 1920, Bác đọc Luận cương của Lê-nin (Lenin) và tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Người có công sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930.

Sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài, năm 1941, Người trở về nước, lấy tên là Hồ Chí Minh. Từ đây, Người trực tiếp lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành độc lập. Năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Hồ Chí Minh đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập", khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sau Cách mạng tháng Tám thành công, Bác cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

Suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn sống giản dị, gần gũi nhân dân, đặc biệt yêu thương các cháu thanh, thiếu niên, nhi đồng. Năm 1969, trước khi qua đời, Bác để lại những dòng di chúc cảm động: "... Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thân yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng...".

Với những cống hiến lớn lao cho dân tộc và nhân loại, Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO tôn vinh là Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam.

(Theo Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, *Chủ tịch Hồ Chí Minh – Tiểu sử và sự nghiệp*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2025)



▲ **Hình 3.** *Bác Hồ làm việc tại chiến khu Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp*

Câu chuyện Lịch sử

CHUYỆN VỀ ANH HÙNG NÚP

Anh hùng Đinh Núp là người dân tộc Ba Na, quê ở xã Tơ Tung, tỉnh Gia Lai. Ông mồ côi cha khi mới hai tuổi, ngay từ nhỏ đã thể hiện là một cậu bé siêng năng, chăm chỉ, hiếu thảo trong gia đình. Lớn lên, Đinh Núp là một chàng trai tốt bụng, luôn sẵn sàng giúp đỡ dân làng.

Trước Cách mạnh tháng Tám, cũng như nhiều buôn làng khác trong vùng, dân làng của Núp phải đi phu cho Pháp, chịu cảnh đòn roi, đói rét, bệnh tật,... Do có tin lan truyền rằng "bắn thằng Pháp nó không chảy máu" nên dân làng vô cùng hoang mang và nghĩ quân Pháp mạnh lắm, không ai có thể chống lại được.

Một lần, quân Pháp kéo về làng bắt phu, dân làng lánh hết vào rừng, chỉ còn một mình Đinh Núp ở lại. Núp đã dùng nỏ phục kích bắn lính Pháp chảy máu để chứng minh với dân làng rằng lính Pháp cũng là người và có thể chống lại được. Sau khi nghe Núp vận động, các buôn làng của người Ba Na, Ê Đê đã bỏ đi phu cho Pháp, cùng nhau đoàn kết chống giặc. Dưới sự lãnh đạo của Đinh Núp, các buôn làng của người Ba Na đã trở thành những căn cứ kháng chiến, gìn giữ núi rừng, buôn làng bằng những vũ khí thô sơ như: chông tre, bẫy đá, cung tên,...

Năm 1955, Đinh Núp được Bác Hồ phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và thường được gọi với tên Anh hùng Núp.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2005)

sach-giao-khoa.com

LUYỆN TẬP

Hoàn thành bảng thông tin (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những hoạt động yêu nước nổi bật của một số nhân vật lịch sử ở vùng Bắc Trung bộ và Nam Trung Bộ.

TT	Tên nhân vật	Một số hoạt động
1	...	...
...	...	...

VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tư liệu và kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử khác trong phong trào yêu nước, cách mạng ở vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ.



BÀI 19 CỐ ĐÔ HUẾ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Cố đô Huế trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được vẻ đẹp của Cố đô Huế qua hình ảnh sông Hương, núi Ngự và một số công trình tiêu biểu như: Kinh thành Huế, chùa Thiên Mụ, các lăng của vua Nguyễn,...
- Kể lại được một số câu chuyện lịch sử liên quan đến Cố đô Huế.
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và giữ gìn giá trị của Cố đô Huế.

KHỞI ĐỘNG

Quần thể di tích Cố đô Huế là Di sản văn hoá thế giới đầu tiên của Việt Nam được UNESCO ghi danh. Hãy chia sẻ những điều em biết về di sản này.



▲ **Hình 1.** *Toàn cảnh Kinh thành Huế*

KHÁM PHÁ

1. Vẻ đẹp của Cố đô Huế

1. Quan sát hình 2, em hãy xác định vị trí địa lí của Cố đô Huế.

2. Đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5, em hãy mô tả vẻ đẹp của Cố đô Huế.

Quần thể di tích Cố đô Huế chủ yếu thuộc địa phận các phường Phú Xuân, Thuận Hoá và một số phường lân cận như Kim Long, Thuỷ Xuân,... của thành phố Huế.



Hình 2. *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của Cố đô Huế*

Cảnh quan thiên nhiên Cố đô Huế được tô điểm bởi vẻ đẹp của dòng sông Hương uốn lượn quanh kinh thành. Núi Ngự Bình nằm cạnh sông Hương, mang vẻ đẹp hùng vĩ mà nên thơ với bốn mùa thông reo, chim hót.



Hình 3. *Sông Hương, núi Ngự Bình*

Cố đô Huế có nhiều công trình kiến trúc cổ kính như: chùa Thiên Mụ, lăng tẩm của các vị vua Triều Nguyễn, đặc biệt là Kinh thành Huế. Kinh thành gồm ba vòng thành: Kinh thành, Hoàng thành và Tử Cấm thành, có sự kết hợp hài hoà giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây.



Hình 4. *Toàn cảnh chùa Thiên Mụ*



Hình 5. *Ngọ Môn trong Đại Nội Huế*

2. Kể chuyện lịch sử Cố đô Huế

1. Đọc thông tin, em hãy cho biết tên triều đại đã tiến hành xây dựng Kinh thành Huế.

2. Hãy kể một câu chuyện lịch sử có liên quan đến Cố đô Huế mà em yêu thích.

Kinh thành Huế được xây dựng từ thời nhà Nguyễn, nơi đây gắn liền với nhiều sự kiện lịch sử của dân tộc.

Câu chuyện Lịch sử

CUỘC PHẢN CÔNG QUÂN PHÁP Ở KINH THÀNH HUẾ



▲ **Hình 6.** *Tôn Thất Thuyết*

Tại Kinh thành Huế, Tôn Thất Thuyết – vị quan đại thần của Triều Nguyễn đã gấp rút chuẩn bị lực lượng chống Pháp. Khi biết tin, chỉ huy quân Pháp vờ cho mời Tôn Thất Thuyết đến họp để bắt, nhưng ông cáo bệnh không đến và quyết định nổ súng để giành thế chủ động.

Đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 – 7 – 1885, dưới sự lãnh đạo của Tôn Thất Thuyết, quân ta bất ngờ tấn công đồn Mang Cá và toà Khâm sứ Pháp.

Bị đánh bất ngờ, quân Pháp vô cùng bối rối và cố thủ đến gần sáng thì đánh trả lại, khiến quân Triều đình tổn thất lớn. Trước tình hình đó, Tôn Thất Thuyết đã đưa vua Hàm Nghi lên vùng núi Quảng Trị để tiếp tục kháng chiến.

Cuộc phản công ở Kinh thành Huế khẳng định tinh thần chiến đấu, khát vọng giành lại độc lập, tự do của nhân dân ta.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở HUẾ

Hoà trong không khí Cách mạng tháng Tám của cả nước, tại Huế, ngày 23 – 8 – 1945, nhân dân đã giành được chính quyền.

Chiều 30 – 8 – 1945, trước cổng Ngọ Môn, hàng vạn người dân xứ Huế chứng kiến giây phút lịch sử: Vua Bảo Đại đọc chiếu thoái vị và trao lại ấn kiếm cho chính quyền cách mạng. Trên kì đài, cờ đỏ sao vàng tung bay giữa những tiếng hô vang "Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muôn năm!". Sự kiện này đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của Cách mạng tháng Tám trên đất Cố đô Huế.

(Theo Phạm Như Thơm, *Hồi kí Trần Huy Liệu*, NXB Khoa học xã hội, 1991)

3. Bảo tồn và giữ gìn giá trị Cố đô Huế

Đọc thông tin, quan sát hình 7 và dựa vào hiểu biết của bản thân, em hãy đề xuất một số biện pháp để góp phần bảo tồn và gìn giữ giá trị của Cố đô Huế.

Cố đô Huế chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hoá đặc sắc. Vì thế, nơi đây thu hút đông đảo du khách trong nước và quốc tế đến tham quan, tìm hiểu.

Tuy nhiên, những hoạt động tham quan du lịch cùng với tác động của tự nhiên đã ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các di tích.

Với mục tiêu bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị của Cố đô Huế, nhiều hoạt động tu bổ, phục dựng các di tích, cũng như tuyên truyền về những giá trị văn hoá của vùng đất Cố đô đã được tiến hành thường xuyên.

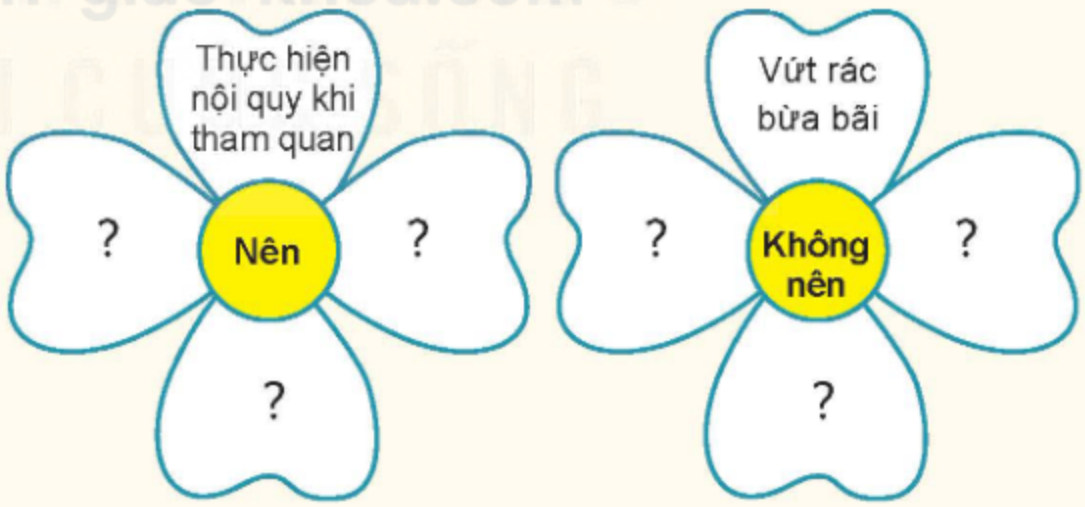


▲ **Hình 7.** *Biểu diễn Nhã nhạc tại Nhà hát Duyệt Thị Đường (thành phố Huế)*

LUYỆN TẬP

1. Vì sao Cố đô Huế là nơi thu hút nhiều khách du lịch?

2. Hoàn thiện những nội dung (theo gợi ý ở bên vào vở) về những việc nên làm hoặc không nên làm để bảo tồn và phát huy giá trị của Cố đô Huế.



VẬN DỤNG

Lựa chọn và thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:

1. Thiết kế một tấm áp phích nhằm tuyên truyền mọi người bảo vệ Quần thể di tích Cố đô Huế.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu về một cảnh quan thiên nhiên hoặc một di tích trong Quần thể di tích Cố đô Huế.



BÀI 20 PHỐ CỔ HỘI AN

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của phố cổ Hội An trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Mô tả được một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An (Ví dụ: Nhà cổ, Hội quán người Hoa, Chùa Cầu Nhật Bản,... có sử dụng tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện,...).
- Đề xuất được một số biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình dưới đây và mô tả một số nét về phố cổ Hội An.

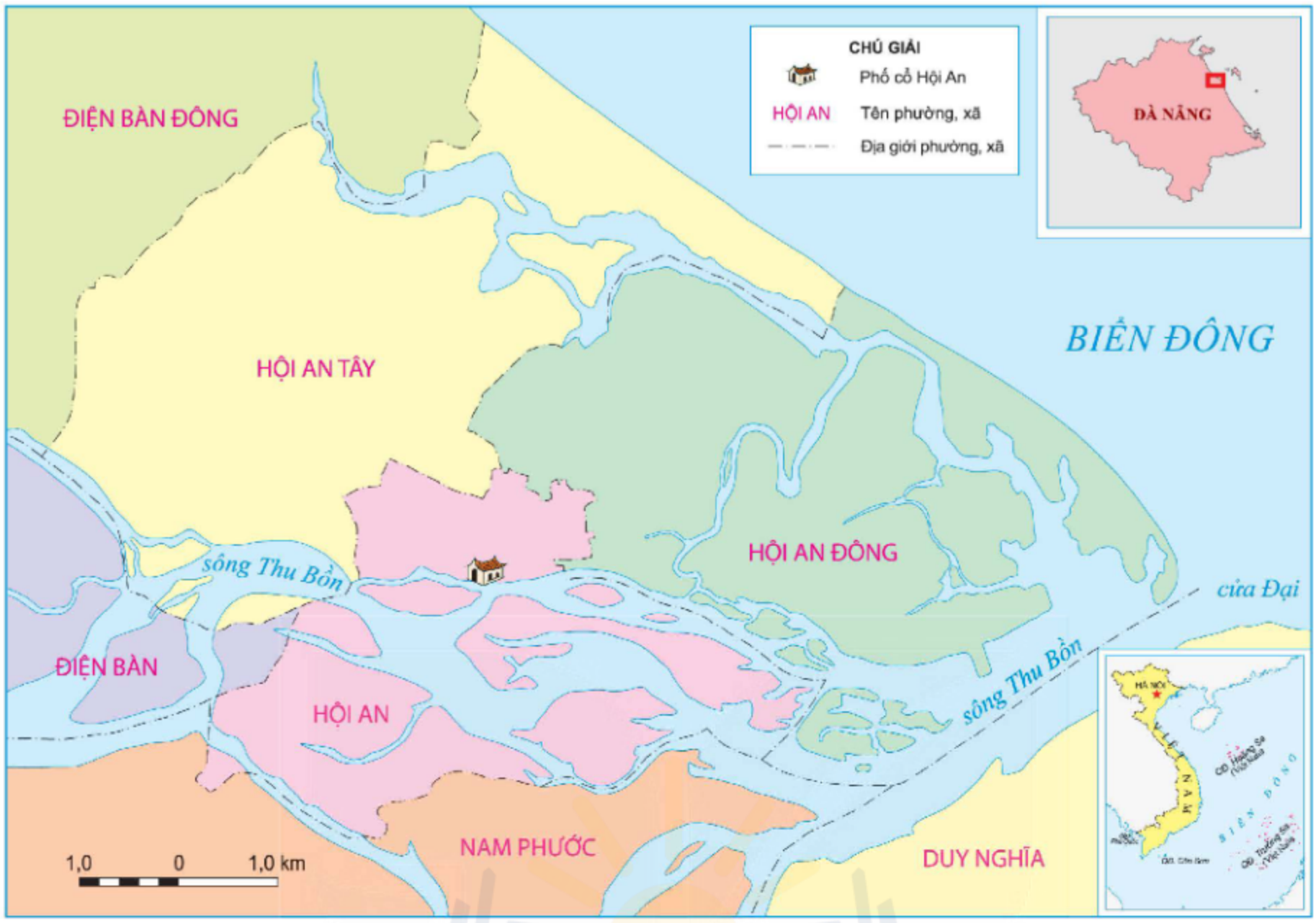


▲ **Hình 1.** *Phố cổ Hội An (thành phố Đà Nẵng)*

KHÁM PHÁ

1. Phố cổ Hội An

1. Quan sát hình 2, hãy xác định vị trí địa lí của phố cổ Hội An.
2. Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5, em hãy kể tên và mô tả một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.



▲ **Hình 2.** *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của phố cổ Hội An*

Phố cổ Hội An là một đô thị nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, thuộc phường Hội An, thành phố Đà Nẵng. Nơi đây lưu giữ được gần như nguyên vẹn những công trình kiến trúc cổ như: nhà cổ, hội quán của người Hoa, Chùa Cầu,...

- ***Nhà cổ***

Các nhà cổ ở phố cổ Hội An được xây dựng từ thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, phổ biến là nhà một tầng hoặc hai tầng. Chiều ngang nhà thường hẹp nhưng chiều sâu tương đối dài. Không gian kiến trúc nhà gồm: nơi buôn bán, nơi sinh hoạt và nơi thờ tự.



▲ **Hình 3.** *Nhà cổ Tấn Ký*

• *Hội quán của người Hoa*

Hội quán là nơi sinh hoạt cộng đồng và cũng là nơi thờ các vị thần của người Hoa. Các hội quán ở phố cổ Hội An được xây dựng trên nền đất rộng, cao ráo, quay mặt về hướng nam và mang đậm phong cách kiến trúc Trung Hoa; tiêu biểu là các hội quán: Phúc Kiến, Quảng Đông, Hải Nam,...



▲ **Hình 4.** *Hội quán Phúc Kiến*

Em có biết?

Chùa Cầu được công nhận là Di tích lịch sử – văn hoá quốc gia năm 1990.

• *Chùa Cầu*

Chùa Cầu tương truyền do thương nhân Nhật Bản ở Hội An xây dựng vào khoảng cuối thế kỉ XVI – đầu thế kỉ XVII. Chùa Cầu được làm bằng gỗ, hình vòng cung, mái lợp ngói âm dương, hai bên đều có hành lang cho du khách dừng chân ngắm cảnh,...

Câu chuyện Lịch sử

TRUYỀN THUYẾT VỀ CHÙA CẦU



▲ **Hình 5.** *Chùa Cầu*

Chùa Cầu gắn liền với con thuỷ quái trong truyền thuyết của Nhật Bản, có đầu nằm ở Ấn Độ, lưng vắt qua khe nước ở Hội An và đuôi ở tận Nhật Bản. Mỗi khi nó cựa mình thì động đất, lũ lụt,... lại xảy ra.

Để hạn chế sức mạnh của thuỷ quái, người Nhật Bản ở Hội An đã xây dựng ngôi chùa trên cầu như một thanh kiếm chắn ngang lưng thuỷ quái, ngăn không cho nó cựa mình. Từ đó, cuộc sống của người dân ba quốc gia được yên bình.

(Theo Tài liệu của Trung tâm Quản lí Bảo tồn Di sản Văn hoá Hội An)

sach-giao-khoa.com

2. Bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An

Đọc thông tin, quan sát các hình 6, 7, em hãy:

– Cho biết vì sao phố cổ Hội An là điểm thu hút nhiều du khách trong nước và quốc tế đến tham quan.

– Nêu một số biện pháp góp phần bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An.

Hội An với nhiều sản phẩm du lịch độc đáo như "Đêm phố cổ", "Lễ hội đèn lồng",... kết hợp các hoạt động văn hoá truyền thống khác nên đã thu hút đông đảo lượng du khách trong nước và quốc tế đến tham quan.



▲ **Hình 6.** *Du lịch trên sông Hoài ở Hội An*

Để bảo tồn và phát huy giá trị của phố cổ Hội An, nhiều hoạt động được tiến hành thường xuyên như: tổ chức các lễ hội văn hoá mang đậm nét đặc sắc của địa phương; du lịch kết hợp bảo vệ môi trường; bảo tồn, tu bổ, phục dựng các di tích;...



▲ **Hình 7.** *Trùng tu nhà cổ ở Hội An*

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thành bảng mô tả (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở phố cổ Hội An.

Tên công trình kiến trúc	Mô tả
– Nhà cổ	– Không gian chia làm ba phần
?	?

2. Theo em, cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị phố cổ Hội An?

VẬN DỤNG

Đóng vai hướng dẫn viên du lịch giới thiệu về phố cổ Hội An.

sách-giao-khoa.com
VỚI CUỘC SỐNG



BÀI 21 LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.
- Nêu được vai trò của cồng chiêng trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.
- Mô tả được những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

KHỞI ĐỘNG

Từ bao đời nay, cồng chiêng đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của đồng bào Tây Nguyên. Em biết dân tộc nào ở Tây Nguyên gắn bó với cồng chiêng? Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên có điểm gì đặc biệt?

KHÁM PHÁ

1. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Kể tên một số dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

– Nêu một số dịp mà đồng bào Tây Nguyên sử dụng cồng chiêng.

Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên trải dài ở vùng núi cao phía tây thuộc địa bàn bốn tỉnh là: Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng. Chủ nhân của không gian văn hoá này gồm các dân tộc như: Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mạ, Xơ Đăng, Cơ Ho, Mnông,...

Cồng chiêng gắn bó mật thiết với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, là tiếng nói của tâm hồn con người, diễn tả niềm vui, nỗi buồn của cuộc sống.

Cồng chiêng thường được sử dụng trong các nghi lễ, ngày hội và sinh hoạt cộng đồng như: lễ Mừng lúa mới, lễ Thổi tai cho trẻ sơ sinh, lễ Trưởng thành,...



▲ **Hình 1.** *Đánh cồng chiêng trong lễ Mừng lúa mới của dân tộc Cơ Ho (tỉnh Lâm Đồng)*

Em có biết?

Năm 2005, UNESCO đã ghi danh Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại.

2. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên

Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy mô tả những nét chính về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

Lễ hội Cồng chiêng được tổ chức luân phiên hằng năm ở các tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.



▲ **Hình 2.** *Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên năm 2018 (tỉnh Gia Lai)*

Trong lễ hội, nghệ nhân của các tỉnh sẽ trình diễn cồng chiêng, biểu diễn các tiết mục văn hoá đặc sắc của tỉnh mình. Nhiều lễ hội dân gian đặc sắc gắn với diễn tấu cồng chiêng được phục dựng như: lễ Ăn cơm mới của dân tộc Ê Đê, lễ Sạ lúa của dân tộc Chu Ru, lễ Cầu an của dân tộc Ba Na,...

Ngoài ra, nhiều cuộc thi cũng được tổ chức như: tạc tượng gỗ, dệt thổ cẩm, diễn xướng sử thi,...



▲ **Hình 3.** *Nghệ nhân trình diễn dệt thổ cẩm trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên năm 2018*

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hoạt động chính trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.

TT	Hoạt động chính
1	?
...	?

2. Em ấn tượng nhất với hoạt động nào trong lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên? Vì sao?

VẬN DỤNG

Tìm hiểu thông tin và cho biết tên một số dân tộc khác trên đất nước Việt Nam ngoài các dân tộc Tây Nguyên cũng sử dụng cồng chiêng.

sach-giao-khoa.com



Chủ đề 5
NAM BỘ

BÀI 22 THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của vùng Nam Bộ, một số con sông lớn của vùng Nam Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Quan sát lược đồ hoặc bản đồ, trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, đất và sông ngòi,...) ở vùng Nam Bộ.
- Nêu được ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân ở vùng Nam Bộ.

KHỞI ĐỘNG

"Tháp Mười nước mặn, đồng chua
Nửa mùa nắng cháy, nửa mùa nước dâng"

(Ca dao)

Tháp Mười là một địa danh ở vùng Nam Bộ. Em hãy cho biết câu ca dao trên nói lên điều gì về thiên nhiên vùng Nam Bộ.

sach-giao-khoa.com

KHÁM PHÁ

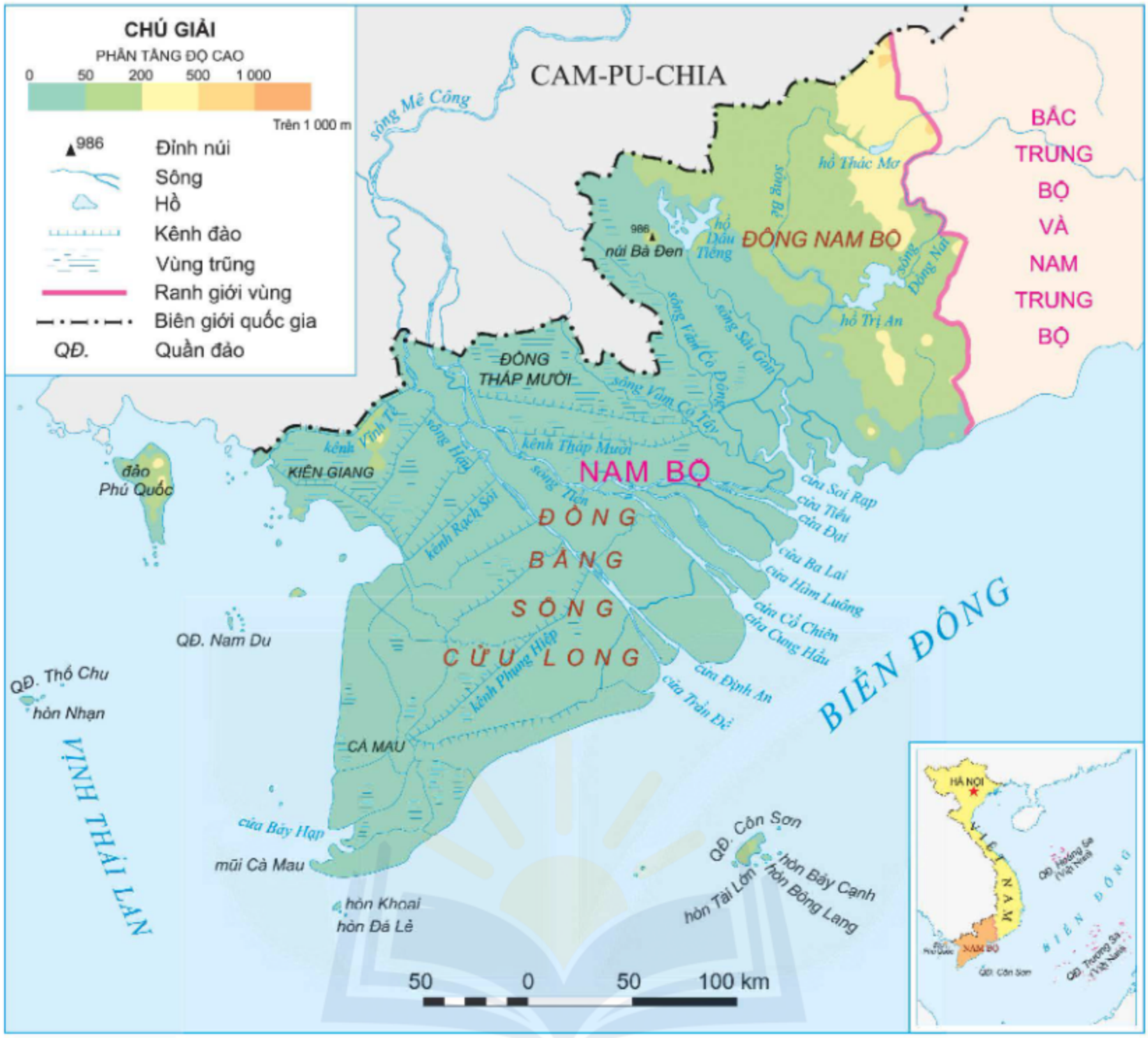
1. Vị trí địa lí

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Xác định vị trí của vùng Nam Bộ trên bản đồ.

– Kể tên các vùng, quốc gia tiếp giáp với vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ nằm ở phía nam của đất nước, gồm: Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ (còn gọi là đồng bằng sông Cửu Long). Vùng Nam Bộ có vùng biển rộng lớn, nhiều tiềm năng.



Hình 1. *Bản đồ địa hình vùng Nam Bộ*

2. Đặc điểm thiên nhiên

a) Địa hình

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Xác định trên bản đồ vị trí của đỉnh núi Bà Đen và các vùng trũng: Đồng Tháp Mười, Kiên Giang, Cà Mau.

– Cho biết độ cao chủ yếu của địa hình vùng Nam Bộ.

Em có biết?

Cụm núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh) gồm ba ngọn núi tạo thành: núi Heo, núi Phụng và núi Bà Đen. Trong đó, đỉnh núi Bà Đen (986 m) là đỉnh núi cao nhất Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ chủ yếu có địa hình đồng bằng, thấp, tương đối bằng phẳng (trừ phần phía bắc của Đông Nam Bộ có địa hình đồi núi thấp).

Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều vùng trũng dễ ngập nước như Đồng Tháp Mười và một số nơi ở các tỉnh An Giang, Cà Mau.

sách-giáo-khoa.com



▲ **Hình 2.** *Núi Bà Đen*



▲ **Hình 3.** *Một góc đồng bằng sông Cửu Long*

b) Khí hậu

Đọc thông tin, em hãy nêu đặc điểm chính của khí hậu ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiệt độ cao, trung bình năm trên 27°C. Khí hậu chia thành hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, gây ra tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất.

c) Sông ngòi

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy:

– Kể tên và xác định một số sông lớn ở vùng Nam Bộ trên bản đồ.

– Nêu đặc điểm của sông ngòi ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có hệ thống sông ngòi dày đặc. Một số sông lớn là sông Đồng Nai (Đông Nam Bộ), sông Tiền, sông Hậu (đồng bằng sông Cửu Long),... Sông ngòi là nguồn cung cấp nước, phù sa, thuỷ sản và là đường giao thông quan trọng của vùng.

Em có biết?

Sông Mê Công chảy về đồng bằng sông Cửu Long chia thành hai nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Trước kia sông đổ ra Biển Đông qua chín cửa nên còn được gọi là sông Cửu Long (chín con rồng), hiện nay một cửa sông (Bát Xắc) đã không còn do phù sa bồi lấp.

d) Đất

Đọc thông tin, em hãy kể tên:

– Các loại đất chính ở vùng Nam Bộ.

– Một số loại cây trồng phù hợp với các loại đất chính ở vùng.

Vùng Nam Bộ có ba loại đất chính. Đất xám, đất badan (có nhiều ở phía bắc của Đông Nam Bộ) thích hợp để trồng các loại cây công nghiệp như cao su, điều, hồ tiêu,... Đất phù sa (ở các khu vực đồng bằng) thích hợp để trồng lúa, rau, cây ăn quả,...

3. Ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 4 đến 7, em hãy cho biết ảnh hưởng của môi trường thiên nhiên đến sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.

Môi trường thiên nhiên của vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, các hiện tượng như: lũ lụt; sạt lở đất ven sông, ven biển; đất bị nhiễm mặn; thiếu nước vào mùa khô;... gây nhiều khó khăn cho người dân.



▲ **Hình 4.** *Rừng trồng cao su (tỉnh Đồng Nai)*



▲ **Hình 5.** *Bè nuôi cá ven biển (Thành phố Hồ Chí Minh)*



▲ **Hình 6.** *Sạt lở đất ven sông (tỉnh An Giang)*



▲ **Hình 7.** *Kênh bị cạn nước vào mùa khô (tỉnh Đồng Tháp)*

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy về đặc điểm thiên nhiên vùng Nam Bộ.

VẬN DỤNG

Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn của môi trường thiên nhiên đối với sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng Nam Bộ.



BÀI 23 DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.
- Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.
- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ (ví dụ: sản xuất lúa, nuôi trồng thuỷ sản,...).

KHỞI ĐỘNG

Vùng Nam Bộ có hoạt động sản xuất đa dạng. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết vùng có thể phát triển các hoạt động sản xuất nào.

KHÁM PHÁ

1. Dân cư

Đọc thông tin, em hãy kể tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ.

Nam Bộ là vùng đông dân, vùng có số dân là gần 37 triệu người (năm 2024). Các dân tộc sinh sống ở vùng chủ yếu là: Kinh, Khơ-me (Khmer), Hoa, Chăm,...

2. Một số hoạt động sản xuất

a) Nông nghiệp

Đọc thông tin và quan sát hình 1, em hãy kể tên và xác định trên bản đồ một số cây trồng, vật nuôi chính ở vùng Nam Bộ.

Vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp.

Nam Bộ là vùng trồng lúa lớn nhất nước ta. Lúa được trồng trên những cánh đồng lớn, sử dụng nhiều máy móc hiện đại cho năng suất cao, chất lượng tốt. Ngoài ra, đây còn là vùng trồng cây ăn quả (sầu riêng, chôm chôm, xoài, dừa, cam, quýt,...), cây công nghiệp (cao su, điều, hồ tiêu,...) lớn trong cả nước.

Chăn nuôi ở vùng cũng phát triển, các vật nuôi chủ yếu là lợn, gà, vịt,...

Vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản. Các sản phẩm nuôi trồng đặc trưng là cá tra, cá ba sa, tôm,... Đây là vùng có sản lượng thuỷ sản lớn nhất cả nước.



▲ **Hình 1.** *Bản đồ nông nghiệp vùng Nam Bộ năm 2024*



▲ **Hình 2.** *Thu hoạch lúa (thành phố Cần Thơ)*



▲ **Hình 3.** *Trang trại nuôi tôm (tỉnh An Giang)*

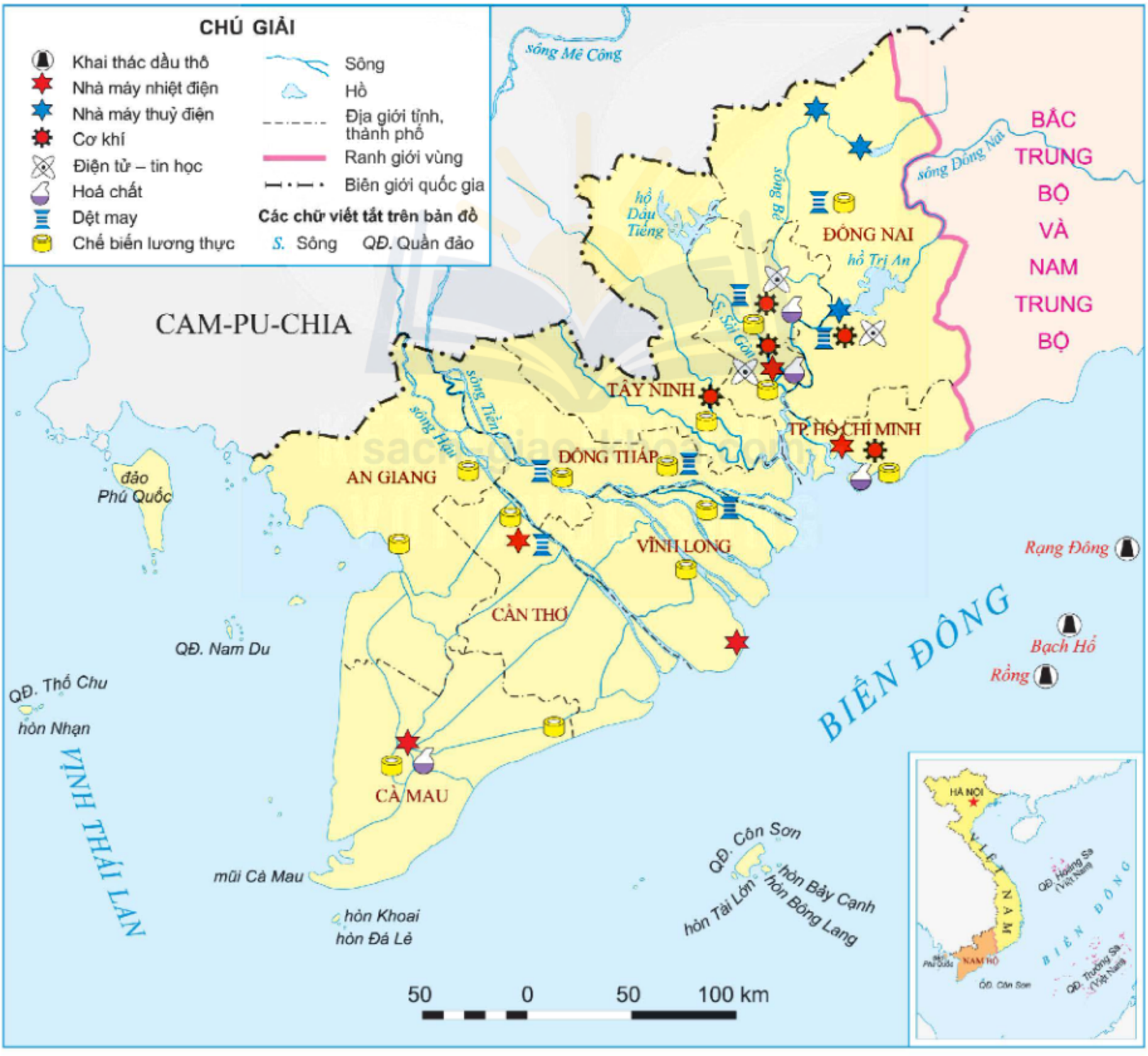
Các sản phẩm nông nghiệp của vùng Nam Bộ vừa phục vụ cho nhu cầu trong nước, vừa là mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

b) Công nghiệp

Đọc thông tin và quan sát hình 4, em hãy kể tên và xác định sự phân bố của một số ngành công nghiệp chính ở vùng Nam Bộ.

Ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ phát triển nhất nước ta. Một số ngành công nghiệp chính là: khai thác dầu khí, sản xuất điện, điện tử – tin học, dệt may, hoá chất, chế biến lương thực,…

Các hoạt động sản xuất công nghiệp tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ.



▲ **Hình 4.** *Bản đồ công nghiệp vùng Nam Bộ năm 2024*



▲ **Hình 5.** *Sản xuất linh kiện điện tử (Thành phố Hồ Chí Minh)*



▲ **Hình 6.** *Sản xuất hàng may mặc (Thành phố Hồ Chí Minh)*

LUYỆN TẬP

Quan sát các hình 1, 4, hãy hoàn thành bảng sau vào vở:

Hoạt động sản xuất	Phân bố
Trồng lúa	?
Trồng cây ăn quả	?
Trồng cây công nghiệp	?
Nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản	?
Khai thác dầu khí	?
Dệt may	?
Điện tử – tin học	?

sách-giáo-khoa.com

VẬN DỤNG

Sưu tầm hình ảnh về một dân tộc hoặc một hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ và chia sẻ với các bạn.



BÀI 24 MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CÁCH MẠNG CỦA ĐỒNG BÀO NAM BỘ

Sau bài học này, em sẽ:

- Mô tả được sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân Nam Bộ thông qua một số nét văn hoá tiêu biểu.
- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu ở Nam Bộ.

KHỞI ĐỘNG

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về cuộc sống của người dân Nam Bộ. Vì sao vùng đất này được mệnh danh là "Thành đồng Tổ quốc"?

KHÁM PHÁ

1. Một số nét văn hoá tiêu biểu của đồng bào Nam Bộ

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 1 đến 4, em hãy:

– Chỉ ra một số nét nổi bật về văn hoá của người dân Nam Bộ.

– Nêu một số dẫn chứng thể hiện sự chung sống hài hoà với thiên nhiên của người dân Nam Bộ.

- ***Nhà ở***

Nhà ở truyền thống của người dân Nam Bộ có nhiều loại khác nhau. Ở vùng sông nước, phổ biến là kiểu nhà sàn, nhà nổi. Tại các miệt vườn, chủ yếu là nhà lợp bằng lá.



▲ **Hình 1.** *Nhà nổi ở Châu Đốc (tỉnh An Giang)*

Ngày nay, nhà ở của người dân Nam Bộ được xây dựng kiên cố, hiện đại hơn. Ở một số nơi, những ngôi nhà cổ vẫn còn được lưu giữ.



▲ **Hình 2.** *Một ngôi nhà cổ được xây dựng từ cuối thế kỉ XIX ở phường Bình Thuỷ (thành phố Cần Thơ)*

- ***Chợ nổi***

Hoạt động mua bán, trao đổi hàng hoá của người dân Nam Bộ một phần diễn ra tại chợ nổi trên sông.

Hàng hoá được bán trên các ghe, xuồng, chủ yếu là nông sản và những vật dụng cần thiết. Trên mỗi ghe, xuồng có treo những loại hàng hoá cần bán.

Một số chợ nổi lớn ở Nam Bộ là: Cái Răng, Phong Điền, Phụng Hiệp, Ngã Năm (thành phố Cần Thơ); Cái Bè (tỉnh Đồng Tháp); Trà Ôn (tỉnh Vĩnh Long);...



▲ **Hình 3.** *Chợ nổi Ngã Năm (thành phố Cần Thơ)*

- ***Vận tải đường sông***

Giao thông đường thuỷ đóng vai trò quan trọng đối với người dân vùng Nam Bộ. Ghe, xuồng,... là phương tiện đi lại, vận chuyển hàng hoá chủ yếu ở đây.



▲ **Hình 4.** *Ghe, xuồng được người dân Nam Bộ sử dụng trong cuộc sống hằng ngày*

- *Trang phục*

Trước đây, trang phục phổ biến của người dân Nam Bộ là áo bà ba và khăn rằn.

Ngày nay, áo bà ba và khăn rằn vẫn được chọn làm trang phục chính trong những dịp lễ, tết,... thể hiện đặc trưng văn hoá của miền sông nước Nam Bộ.

2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ

Đọc thông tin và quan sát hình 5, em hãy kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử tiêu biểu cho truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Nam Bộ.

Nhân dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước đấu tranh chống ngoại xâm với nhiều tấm gương anh dũng, tiêu biểu như: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định,... Vì thế, Bác Hồ đã tặng quân và dân Nam Bộ danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc".

Em có biết?

Nguyễn Trung Trực là người chỉ huy nghĩa quân đốt cháy tàu Ét-pê-răng (Espérance – tàu Hi Vọng) của Pháp trên sông Nhật Tảo. Ông có câu nói nổi tiếng: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây".

Câu chuyện Lịch sử

"BÌNH TÂY ĐẠI NGUYÊN SOÁI" TRƯƠNG ĐỊNH

Trương Định quê ở xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi. Ngay khi thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, ông đã chỉ huy nghĩa quân phối hợp với quan quân triều đình anh dũng chống giặc. Cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo đã thu hút đông đảo nhân dân và quan quân triều đình có tinh thần chống Pháp tham gia. Năm 1862, Trương Định đã khước từ chức Lãnh binh tại An Giang và ở lại cùng nhân dân chống Pháp. Nhân dân đã suy tôn ông là "Bình Tây Đại Nguyên soái". Trong một trận chiến đấu, khi bị thương nặng, ông đã tự sát để bảo toàn khí tiết.



▲ **Hình 5.** *Trương Định được suy tôn là Bình Tây Đại Nguyên soái (tranh vẽ trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia)*

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)

sach-giao-khoa.com



▲ **Hình 6.** *Nguyễn Thị Định*

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nguyễn Thị Định là người khởi xướng và là lãnh đạo chủ chốt của phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Sau đó, bà giữ chức Phó Tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam,... Bà có nhiều đóng góp cho thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

LUYỆN TẬP

1. Hãy hoàn thiện bảng mô tả (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số nét văn hoá tiêu biểu của đồng bào Nam Bộ.

TT	Một số nét văn hoá	Điểm nổi bật
1	Nhà ở	?
2	Chợ nổi	?
3	Vận tải đường sông	?
4	...	...

2. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 câu) bày tỏ cảm nghĩ về truyền thống yêu nước, cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

VẬN DỤNG

Liên hệ và cho biết điểm giống, khác nhau trong đời sống văn hoá của người dân Nam Bộ so với địa phương em hoặc địa phương khác mà em biết.

sach-giao-khoa.com



BÀI 25 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ hoặc lược đồ. Kể được một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trình bày được một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, như: chuyện về Bến Nhà Rồng, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước,...
- Nêu được Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam có sử dụng tư liệu lịch sử và địa lí.

KHỞI ĐỘNG

Quan sát hình dưới đây và chia sẻ những hiểu biết của em về thành phố mang tên Bác.



▲ **Hình 1.** *Một góc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay*

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí, tên gọi

1. Quan sát hình 2, em hãy xác định trên lược đồ vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh và cho biết thành phố tiếp giáp với các tỉnh nào.
2. Kể một số tên gọi khác của Thành phố Hồ Chí Minh trong lịch sử.

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn nhất nước ta, thuộc khu vực Đông Nam Bộ. Trải qua thời gian, Thành phố có các tên gọi khác nhau như: Gia Định, Sài Gòn, Sài Gòn – Chợ Lớn, Sài Gòn – Gia Định; năm 1976 được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 7 – 2025, không gian Thành phố được mở rộng sau khi sáp nhập thêm tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



▲ **Hình 2.** *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của Thành phố Hồ Chí Minh*

2. Một số sự kiện lịch sử tiêu biểu

1. Nêu một số sự kiện lịch sử tiêu biểu đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Kể lại một câu chuyện lịch sử được giới thiệu trong bài học.

Với lịch sử hơn 300 năm hình thành và phát triển, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng như: Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước năm 1911, khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945, Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...

Câu chuyện Lịch sử

NGUYỄN TẤT THÀNH RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước ở Việt Nam có bước chuyển biến mới. Khác với các nhà yêu nước tiền bối hướng về Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành lựa chọn sang phương Tây. Người muốn đến nước Pháp để tìm hiểu xem "nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ trở về giúp đồng bào mình". Người vào Sài Gòn – nơi có thương cảng và nền kinh tế phát triển nhất trong xứ Đông Dương thuộc Pháp.

Với lòng yêu nước và ý chí quyết tâm tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành sẵn sàng làm những công việc nặng nhọc khác nhau như: phụ bếp, bồi bàn,...

Ngày 5 – 6 – 1911, trên con tàu mang tên Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin (Latouche Tréville), Nguyễn Tất Thành với tên gọi là Văn Ba đã rời Bến Nhà Rồng ra đi mang theo hoài bão tìm đường cứu nước, cứu dân.

(Theo Đinh Xuân Lâm, Trương Hữu Quýnh (Chủ biên), *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Sđd)



▲ **Hình 3.** *Tàu Đô đốc La-tu-sơ Tơ-rê-vin*

XE TĂNG TIẾN VÀO DINH ĐỘC LẬP



▲ **Hình 4.** *Xe tăng Quân giải phóng húc đổ cổng Dinh Độc Lập*

Ngày 30 – 4 – 1975, Lữ đoàn xe tăng 203 tiến về Dinh Độc Lập. Xe tăng 390 tiến vào húc đổ cổng chính của Dinh, mở đường cho các xe khác thẳng tiến vào bên trong.

Đồng chí Bùi Quang Thận, chỉ huy xe tăng 843, trong tay cầm lá cờ cách mạng nhanh chóng lao lên các bậc thềm của toà nhà và cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập...

Đúng 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng kiêu hãnh tung bay trên nóc Dinh Độc Lập.

(Theo Tư liệu của Bảo tàng Quân sự Việt Nam)

3. Trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục

Đọc thông tin và quan sát các hình từ 5 đến 9, hãy nêu những biểu hiện chứng tỏ Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hoá và giáo dục quan trọng của đất nước.

- ***Về kinh tế***

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế hàng đầu của đất nước. Nơi đây tập trung nhiều ngân hàng, trung tâm thương mại lớn, có Trung tâm tài chính quốc tế lớn nhất Việt Nam. Thành phố Hồ Chí Minh còn là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cảng biển lớn,...



▲ **Hình 5.** *Vận chuyển hàng hoá ở Cảng quốc tế Tân Cảng – Cái Mép, Thành phố Hồ Chí Minh*



▲ **Hình 6.** *Một khu công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh*

sach-giao-khoa.com

- ***Về văn hoá, giáo dục***

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong hai trung tâm giáo dục, khoa học và công nghệ lớn nhất cả nước với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, thu hút đông đảo sinh viên trong nước và quốc tế theo học.



▲ **Hình 7.** *Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*

Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều di tích lịch sử – văn hoá, bảo tàng, trung tâm điện ảnh, âm nhạc và nhiều khu du lịch nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí lớn,...

sach-giao-khoa.com



▲ **Hình 8.** *Trại tù Phú Sơn trong Di tích Nhà tù Côn Đảo (đặc khu Côn Đảo)*



▲ **Hình 9.** *Một góc Khu du lịch văn hoá Suối Tiên*

LUYỆN TẬP

1. Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những biểu hiện chứng tỏ Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục lớn của đất nước.

TT	Lĩnh vực	Biểu hiện
1	Kinh tế	?
2	Văn hoá	?
3	Giáo dục	?

2. Hãy vẽ trục thời gian thể hiện một số sự kiện lịch sử tiêu biểu ở Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh được giới thiệu trong bài học.

VẬN DỤNG

Chọn một trong hai nhiệm vụ:

1. Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) thể hiện mong muốn của em về Thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai.

2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh hoặc một địa danh của Thành phố Hồ Chí Minh mà em có ấn tượng sâu sắc nhất (theo gợi ý dưới đây):

– Tên di tích hoặc địa danh.

– Địa điểm.

– Nét đặc sắc về di tích hoặc địa danh đó.

sách-giáo-khoa.com



BÀI 26 ĐỊA ĐẠO CỦ CHI

Sau bài học này, em sẽ:

- Xác định được vị trí địa lí của Địa đạo Củ Chi trên lược đồ.
- Mô tả được một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi, có sử dụng tranh ảnh, tư liệu lịch sử.
- Sưu tầm và kể lại một số câu chuyện lịch sử về đào hầm ở Củ Chi, chống Mỹ ở Địa đạo Củ Chi.

KHỞI ĐỘNG

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân Củ Chi đã đào hệ thống đường hầm ngầm trong lòng đất. Theo em, hệ thống đường hầm ngầm trong Địa đạo Củ Chi được đào để làm gì? Công trình này gắn liền với những câu chuyện lịch sử nào?

KHÁM PHÁ

1. Vị trí địa lí và cấu trúc của địa đạo

1. Quan sát hình 1, em hãy xác định vị trí địa lí của Địa đạo Củ Chi.

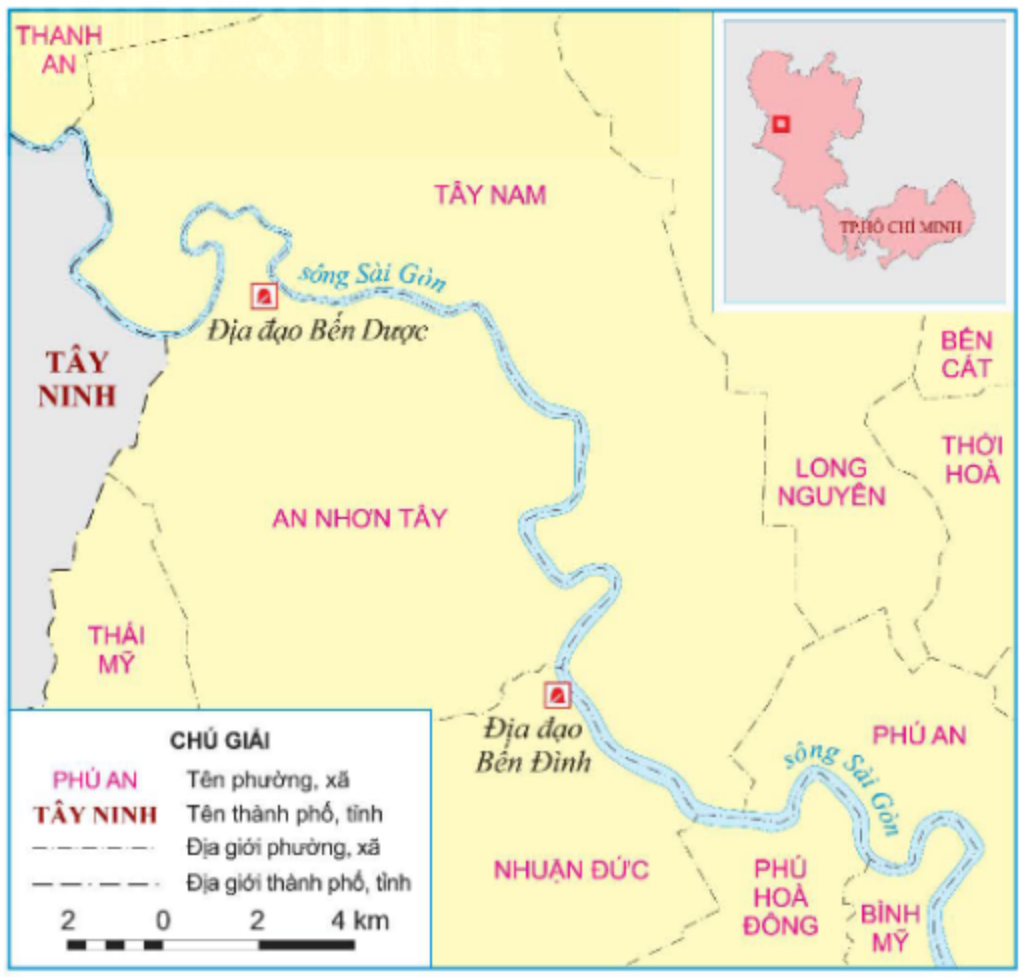
2. Đọc thông tin và quan sát các hình 2, 3, em hãy:

– Kể tên một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.

– Mô tả một công trình mà em ấn tượng nhất.

Địa đạo Củ Chi là một hệ thống phòng thủ, căn cứ bí mật nằm sâu dưới lòng đất từ 3 m đến 12 m, dài khoảng 250 km thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, di tích Địa đạo Củ Chi được bảo tồn ở Địa đạo Bến Dược thuộc xã An Nhơn Tây và Địa đạo Bến Đình thuộc xã Nhuận Đức.



Hình 1. *Lược đồ thể hiện vị trí địa lí của Địa đạo Củ Chi*

Địa đạo gồm ba tầng, từ đường chính toả ra các nhánh dài, ngắn được thông với nhau. Đường lên xuống giữa các tầng hầm được bố trí bằng các nắp hầm bí mật. Trong địa đạo có các hầm rộng để nghỉ ngơi, cứu thương; nơi dự trữ vũ khí, lương thực; giếng nước; bếp Hoàng Cầm; hầm chỉ huy;...



▲ **Hình 2.** *Hầm cứu thương*

Bếp Hoàng Cầm là loại bếp dã chiến, do Hoàng Cầm sáng tạo ra trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bếp được đào dưới đất, có hố đun và hệ thống rãnh dẫn khói, tản khói giúp cho việc nấu ăn dễ dàng hơn mà không bị kẻ địch phát hiện.



▲ **Hình 3.** *Bếp Hoàng Cầm*

2. Chuyện về Địa đạo Củ Chi

Đọc thông tin và các câu chuyện dưới đây, em hãy kể lại một câu chuyện về Địa đạo Củ Chi. Nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện đó.

Gắn liền với Địa đạo Củ Chi có nhiều câu chuyện lịch sử về cách đào địa đạo, về cuộc chiến đấu của quân và dân Củ Chi chống quân Mỹ càn quét,...

Câu chuyện Lịch sử

ĐÀO HẦM Ở ĐỊA ĐẠO CỦ CHI

Địa đạo được đào dựa trên kinh nghiệm kế thừa từ trước. Từ đáy một cái giếng có đường kính 0,6 m, sâu 3 m, người ta dùng cuốc khoét sâu tạo ra một đường hầm đủ để người bò lom khom dưới lòng đất; cứ cách 16 m lại tạo một giếng. Hai đội đào ngược hướng nhau, chủ yếu dựa vào tiếng đục dưới lòng đất để xác định đúng hướng. Việc đào hầm được tiến hành liên tục. Đất đào xong được đem đổ xuống sông hoặc rải khắp rừng để tránh sự phát hiện của địch... Miệng giếng đào xong được nguỵ trang theo dạng tổ mối để lấy đường dẫn không khí vào địa đạo.

Chỉ bằng những phương tiện, dụng cụ hết sức thô sơ, quân và dân Củ Chi đã đào được khoảng 250 km địa đạo với đường "xương sống" và những đường "xương cá" chằng chịt rẽ ra hai bên.

(Theo Tài liệu của Ban Quản lí di tích Địa đạo Củ Chi)

CUỘC CHIẾN TRONG LÒNG ĐẤT

Đế quốc Mỹ đã dùng nhiều thủ đoạn để phá huỷ Địa đạo Củ Chi, tiến hành nhiều cuộc càn quét hòng tìm ra vị trí các nắp hầm. Chúng dội hàng nghìn tấn bom, chất độc hoá học xuống Củ Chi hòng phá huỷ sự sống ở đây.

Với tinh thần đấu tranh "một tấc không đi, một li không rời" cùng lối đánh giặc mưu trí, sáng tạo, du kích và nhân dân Củ Chi đã đập tan mọi âm mưu của kẻ thù. Những hầm chông, bãi mìn tự chế của quân và dân Củ Chi đã trở thành nỗi ám ảnh của quân Mỹ. Để tiếp tế lương thực vào địa đạo, đồng bào đã tìm ra những cách thức mà địch không thể ngờ đến như: độn nửa lon gạo vào búi tóc của phụ nữ, khoét rỗng cán cuốc rồi đổ gạo vào trong,... Chính sự chở che, đùm bọc của nhân dân đã góp phần vào những chiến thắng vang dội của du kích Củ Chi. Củ Chi xứng đáng với danh hiệu "Đất thép thành đồng".

(Theo Tài liệu của Ban Quản lí di tích Địa đạo Củ Chi)

LUYỆN TẬP

Lập và hoàn thiện bảng (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số công trình tiêu biểu trong Địa đạo Củ Chi.

Tên công trình	Chức năng
?	?
?	?

VẬN DỤNG

Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về Địa đạo Củ Chi.

sách-giáo-khoa.com

Bài 27 ÔN TẬP

Câu 1. Lựa chọn thông tin phù hợp với hai vùng và ghi kết quả vào vở.

1. Vùng trồng lúa, trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta

2. Nghề làm muối, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, du lịch biển phát triển

3. Trương Định

4. Ngành công nghiệp phát triển nhất nước ta

5. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên

A. Vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ

B. Vùng Nam Bộ

6. Vùng trồng cây công nghiệp lớn của cả nước

7. Phố cổ Hội An

8. Cố đô Huế

9. Phát triển chăn nuôi gia súc và thuỷ điện

10. Địa đạo Củ Chi

Câu 2. Hoàn thành bảng về vùng Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, vùng Nam Bộ vào vở.

Đặc điểm / Vùng	Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	Nam Bộ
Địa hình	?	?
Khí hậu	?	?
Dân cư	?	?
Một số nét văn hoá	?	?

Câu 3. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về một vùng mà em yêu thích (theo gợi ý dưới đây):

– Tên vùng.
– Danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử – văn hoá tiêu biểu.
– Câu chuyện lịch sử liên quan mà em thích.
– Chia sẻ cảm nghĩ của em về vùng đó.

sach-giao-khoa.com

GIẢI THÍCH KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

B

Bảo tồn (38): hoạt động nhằm bảo vệ, gìn giữ các giá trị lịch sử, thành tựu văn hoá vật chất và tinh thần để truyền lại cho thế hệ sau.

Bão (39): gió mạnh từ cấp 8 trở lên kèm theo mưa to, có sức phá hoại lớn.

Biến đổi khí hậu (39): sự thay đổi của khí hậu trong một khoảng thời gian dài do tác động của điều kiện tự nhiên và hoạt động của con người, biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan.

C

Cao nguyên (20): vùng đất tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng, thường cao trên 500 m so với mực nước biển, có sườn dốc, nhiều khi dựng đứng thành vách so với vùng đất xung quanh.

Chợ nổi (108): loại hình chợ phổ biến vùng sông nước, trong đó người bán và người mua đều dùng ghe, thuyền,... làm phương tiện vận chuyển.

Cồn cát (66): những sóng cát khổng lồ có dạng không đối xứng giữa hai sườn, do gió tích tụ thành trong điều kiện có nhiều cát.

Cố đô (88): kinh đô cũ.

Cố thủ (90): cố giữ bằng được (thường là địa điểm đang bị tấn công).

D

Danh nhân (16): người có tài, đức nổi tiếng trong lịch sử, được lịch sử ghi công và nhân dân ca ngợi, truyền tụng.

Dân cư (24): tập hợp những con người cùng cư trú trên một lãnh thổ nhất định.

Di tích (17): là dấu vết của quá khứ còn lưu lại trong lòng đất hoặc trên mặt đất, có ý nghĩa về mặt văn hoá và lịch sử.

Đ

Đảo (39): bộ phận đất nổi có diện tích nhỏ hơn lục địa, xung quanh có biển hoặc đại dương bao bọc.

Đầm phá (67): vùng nước lặng và tương đối nông, thông ra biển và ngăn cách với biển bằng các bờ cát, đụn cát, đảo chắn hay các rạn san hô.

Đồi (20): dạng địa hình nhô cao. Độ cao của đồi so với các vùng đất xung quanh thường không quá 200 m. Đồi có đỉnh tròn, sườn thoải.

Đồng bằng (20): dạng địa hình thấp có bề mặt khá bằng phẳng hoặc hơi gợn sóng, có thể rộng hàng triệu ki-lô-mét vuông. Độ cao thường dưới 200 m so với mực nước biển.

H

Hạn hán (69): tình trạng thiếu hụt lượng nước so với giá trị trung bình trong một thời gian dài, làm cho độ ẩm của đất và không khí giảm đi nhiều, ảnh hưởng xấu đến sự sinh trưởng và phát triển bình thường của cây trồng, gây tình trạng khô hạn.

K

Không gian văn hoá (96): những khu vực, môi trường có các hoạt động văn hoá hoặc gắn với văn hoá.

Khu công nghệ cao (114): nơi tập trung, liên kết các hoạt động như: nghiên cứu và phát triển, ứng dụng; đào tạo nhân lực, sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

Ki-lô-mét vuông (25): diện tích của hình vuông có cạnh dài 1 km. Ki-lô-mét vuông viết tắt là km^2.

L

Lăng tẩm (89): nơi chôn cất và thờ các vua đã mất.

Lũ (26): hiện tượng nước sông dâng lên trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống.

Lũ quét (20): loại lũ xảy ra khi một khối lượng nước khổng lồ di chuyển nhanh từ địa hình cao xuống thấp.

Lụt (39): hiện tượng nước trên các con sông tràn khỏi bờ, làm ngập một vùng đất đai rộng lớn trong thời kì nước lớn hoặc nước lũ.

Lượng mưa (13): là lượng nước trong khí quyển rơi xuống mặt đất ở một địa điểm trong khoảng thời gian nhất định (ngày, tháng, năm,...).

Lưu vực (51): vùng đất cung cấp các loại nước cho một con sông.

M

Mật độ dân số (25): số người dân trung bình sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ (đơn vị: người/km^2).

Mùa (13): là một phần thời gian trong năm nhưng có đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.

N

Ngói âm dương (94): loại ngói sử dụng phổ biến trong các công trình cổ, gồm các ngói âm và ngói dương xếp đan xen với nhau.

Núi (18): dạng địa hình nhô cao rõ rệt so với mặt bằng xung quanh. Độ cao của núi so với mực nước biển là từ 500 m trở lên. Núi thường có đỉnh nhọn, sườn dốc.

P

Phu (87): người lao động bị cưỡng bức làm các công việc nặng nhọc như: khuân vác, kéo xe, làm việc trong đồn điền, hầm mỏ, công trường xây dựng,... dưới thời phong kiến, thực dân.

Phục dựng (91): khôi phục và dàn dựng lại cho giống như thật.

sach-giao-khoa.com

Q

Quần đảo (39): nhóm gồm nhiều đảo lớn, nhỏ nằm gần nhau.

S

Sương muối (20): sương đọng trên các ngọn cỏ, lá cây dưới dạng những hạt nhỏ li ti có màu trắng như muối, có tác hại lớn đối với sản xuất nông nghiệp.

T

Tài nguyên thiên nhiên (23): là toàn bộ giá trị vật chất có trong tự nhiên mà con người có thể khai thác, sử dụng trong sản xuất và đời sống.

Thành hoàng (47): người được thờ trong các ngôi đình ở các địa phương, có công trong các cuộc kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại xâm, hoặc có công lập làng, truyền dạy nghề cho dân làng, hoặc được cho là hiển linh phù hộ cho làng, xã,...

Thiên tai (20): sự thay đổi đột ngột, dữ dội của tự nhiên (bão, lũ quét, động đất,...) có tác động xấu đến điều kiện tự nhiên và môi trường trên Trái Đất, gây thiệt hại cho đời sống con người.

Thoái vị (90): từ bỏ tước vị vua (hoàng đế).

Tiên vương (35): cách gọi tôn kính vua đời trước thuộc cùng một triều đại.

Truyền thống (16): thói quen đã hình thành từ lâu đời, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Tu bổ (62): là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh.

V

Văn hiến (56): truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp.

Văn minh (50): trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người, có nền văn hoá vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng.

Vịnh (74): một bộ phận của biển, đại dương ăn khá sâu vào lục địa nhưng vẫn có sự lưu thông, trao đổi với phần nước bên ngoài.

sách-giáo-khoa

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các cơ quan: Vườn quốc gia Xuân Thuỷ, Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Thông tấn xã Việt Nam,... và các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu và tái bản: TRẦN ĐÌNH PHIÊN – NGUYỄN THỊ HOÀI THU
Biên tập và thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI
Thiết kế sách: ĐINH THANH LIÊM
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: PHẠM VIỆT QUANG – ĐINH THANH LIÊM
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4
Mã số: G1HH4U001h26
In ... bản, (QĐ ...) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in: ...
Địa chỉ: ...
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/35-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD - HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-35033-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH





BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 4 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 4, tập một
2. Tiếng Việt 4, tập hai
3. Toán 4, tập một
4. Toán 4, tập hai
5. Khoa học 4
6. Đạo đức 4
7. Âm nhạc 4
8. Mĩ thuật 4
9. Công nghệ 4
10. Lịch sử và Địa lí 4
11. Tin học 4
12. Hoạt động trải nghiệm 4
13. Giáo dục thể chất 4
14. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập một
15. Tiếng Anh 4 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-35033-6

9 786040 350336

Giá : 16.000 đ